

Nguyễn Công Huy



Tôi từng là phi công tiêm kích

TỰ TRUYỀN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

vh

Nguyễn Công Huy

Tôi từng là Phi công tiêm kích

Tự truyện



Nguyễn Công Huy

Nhà xuất bản Văn Học

Nguồn VnMilitaryHistory.Net- Số hóa Giangtvx

Lời nói đầu

Tôi xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn vô bờ bến đến bố mẹ tôi- những người sinh thành, dưỡng dục tôi, đã tạo cho tôi những bước đi ban đầu trong cuộc đời và dạy cho tôi học Làm người.

Tôi biết ơn và vô cùng cảm ơn các thầy cô- những người đã trang bị cho tôi những kiến thức quý báu, đặc biệt là các thầy dạy bay đã truyền đạt cho tôi những kỹ thuật bay, đã nhen nhóm cho tôi ngọn lửa tình yêu bầu trời, dạy cho tôi những thuật cơ bản để thoát khỏi mọi hiểm nguy trong chiến trận, trở về với cuộc sống.

Tôi biết ơn và cảm ơn vợ tôi- người bạn đời của tôi đã dám gắn bó đời mình với một phi công tiêm kích, đã gánh chịu mọi gian nan vất vả trong cuộc sống, đồng thời cũng là nơi neo đậu yên tĩnh cho tâm hồn tôi khi tôi gặp những bão giông của cuộc đời và luôn bên cạnh tôi để cùng vượt qua những thăng trầm.

Xin cảm ơn các thế hệ phi công đàn anh- những người đi trước đã cho chúng tôi tiếp thu những kinh nghiệm trong các trận không chiến, trong cuộc sống thường ngày và đã dìu dắt tôi qua những ngày ác liệt của đạn bom, giành lấy chiến thắng.

Xin cảm ơn các đồng đội của tôi- những người luôn kề vai sát cánh trong đội hình, những người cùng chia lửa, cùng chia sẻ cho nhau mọi nỗi vui buồn, luôn coi nhau như anh em ruột thịt và đã cùng tôi vượt qua được cổ hòng của chiến tranh.

Xin cảm ơn và luôn tưởng niệm đến những đồng đội đã xếp lại những đôi cánh của mình trong các trận không chiến- những người đã góp phần không nhỏ giúp cho bầu trời được yên lành, thanh bình.

Xin cảm ơn nhân dân các vùng, miền- nơi tôi từng đóng quân, từng cơ động, từng tham gia chiến đấu ở các mặt trận- những người đã quan tâm, chăm chút, nuôi nấng, động viên tôi trong suốt chặng đường chiến tranh,

những người đã giúp cho tôi thấu hiểu thêm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với Tổ quốc, với đồng bào.

Xin cảm ơn những người bạn, những người tôi yêu quý đã giúp tôi cho ra đời cuốn sách này.

Chương I - Thuở thiếu thời

Tôi sinh ra ở một làng quê nghèo, nhỏ bé, cách sông Hồng chừng hơn một cây số đường chim bay. Lớp chúng tôi trong thôn cả trai lẫn gái có đến gần ba chục đồng niên. Cái tuổi Đinh Hợi là phải xa xứ “ly tổ lập thân”, nhất là những người đẻ vào tháng 5 (tháng Ngọ) như tôi, cứ đi hết chân trời này đến góc biển nọ, chả mấy khi dừng.

Tôi nhớ, hồi còn đang học cấp 2, có lần bác tôi bảo tôi rằng, sau này tôi phải đi xa, đi nhiều. Quả thực “cái số” của tôi đúng là bất tôi phải như thế, mười phương trời, dễ đi đến tám, chín.

Anh em của tôi, không ai được ở gần ai. Mang tiếng có 6 anh em mà sau này chẳng khi nào tụ hội đủ, chỉ giai đoạn còn trẻ con là ở cùng nhau mà thôi.

Tôi sinh ra được một thời gian thì Tây càn. Mẹ tôi gồng gánh tôi và gia sản chạy loạn. Gọi là gia sản cho oai, chứ thực ra chỉ vài ba bộ quần áo, bao tượng gạo ở một bên thúng, còn thúng bên kia là tôi ngồi cho vừa đủ gánh. Thôi thì, hết chạy xuôi, lại chạy ngang, chạy ngược, ăn nhờ, ở đậu khắp nơi, nghe ngóng yên hàn lại trở lại làng quê tiếp tục cày cấy.

Rồi bố mẹ tôi tản cư ra Hà Nội kiếm ăn. Tôi còn nhớ, dễ chuyển nhà đến mấy bận: từ chùa Sét lên Bạch Mai rồi chợ Đuôi, Vân Hồ... tôi cũng cứ lách thếch bám theo bố mẹ suốt.

Năm 1955, sau khi giải phóng Thủ đô, bố mẹ tôi quyết định trở về quê hương bản quán: làng Đào Xá, tổng Vũ Lăng, sau này còn có một lần chuyển ra Hà Nội nữa, nhưng rồi lại về lại làng. Tuổi thơ của tôi chịu ảnh hưởng nhiều của làng quê. Ngày đầu về làng, cái gì cũng lạ lẫm, nhà làm tạm, lợp mái rạ, vách trát rom còn nồng mùi bùn mẹ con tôi đã phải vào ở. Bố tôi vẫn làm trên Hà Nội. Những năm ấy đói lắm, thường ăn su hào trừ bữa (vì nhà trồng được vườn su hào ngay trước cửa), thi thoảng mới loáng thoáng vài ba hạt gạo, gọi là để đỡ xót ruột. Đã có lần vào mùa nước to, nghe hô vỡ đê, mấy mẹ con tôi bỏ nồi cháo ở chõng tre để dắt díu nhau

chạy đến nhờ một nhà có nền cao hơn, sau mới biết là tin nhảm, về lại nhà thì mấy mẹ con con chó đã tranh thủ giải quyết hết nồi cháo kia rồi. Vậy là mẹ con tôi đành nhịn đói ngày hôm ấy.

Mấy đứa em tôi ra đời cách nhau 3-4 năm một. Tôi vừa giúp mẹ các công việc đồng áng, vườn tược, vừa phải bế ẵm em. Nhà tôi được chia 3 sào đất sau cải cách, tôi lại là con lớn nên phải lặn lội, học các lão nông tri điền cách thức làm ruộng. Tính hiếu động và siêng năng đã giúp tôi nhanh chóng nắm bắt được mọi việc: từ cày bừa, nhổ mạ, xay lúa, sàng sảy... đến các bài hát, làn điệu hát ru. Cũng vì tính hiếu động mà tôi thường xuyên bị ăn đòn, có trận đến nhừ tử.

Tính bình quân ra, hầu như cứ mỗi ngày một trận. Thôi thì đủ thứ, từ cầm đầu lũ trẻ con đi ăn trộm hoa quả đến lôi nhau đi bơi, trèo cây bắt tổ chim, tổ chức đánh nhau với trẻ con các làng bên để tranh cánh đồng cỏ chăn bò, bắt cá làm nát lúa hợp tác, trêu chọc con người khác... nhiều lắm chả thể nào kể hết ra đây được. Những trận đòn như cơm bữa ấy chẳng làm tôi sợ, chừng như chúng làm tôi dạn dĩ thêm, nghịch ngợm thêm thì phải. Bố tôi đi vắng, mẹ tôi tối mịt tối mũi ở nhà với công việc đồng áng, lại gặp những trò của tôi bày ra thì đúng là không thể chịu nổi. Tôi nhớ có lần mưa to, thóc phơi ở sân tôi chỉ cào đóng lại, lấy nong, nia che lên, vào bếp xúc tro đổ xung quanh chân đóng thóc cho nước mưa đỡ ngấm vào đấy, xong lấy bùn đắp lỗ cống thoát nước ở sân lại, lột hết quần áo mấy đứa em ra, bắt chúng nó tập bơi ở sân, đứa nào đứa đấy ngấm lạnh, mặt mũi tái mét. Mẹ tôi về người mệt mỏi bơ phờ, lại ngấm lạnh nước mưa đã như muốn lên cơn sốt rồi, thấy cảnh ấy thì “ba máu, sáu con” bùng lên, tôi được một trận đòn nhừ tử. Mấy đứa em tôi đứng dúm vào xó nhà, vừa sợ vừa thương anh, có lẽ cả vừa mừng nữa, vì chỉ có mẹ mới trị được anh thôi. Được cái, từ tôi đến mấy đứa em tôi, khi bị bố mẹ đánh, không đứa nào dám chạy như con người khác. Biết tội mình, nên chỉ im lặng nhận đòn roi. Sau này lớn lên, vào bộ đội, xa nhà, lắm lúc cứ nghĩ về quê hương, về bố mẹ, về các em là nước mắt tôi cứ tự ứa ra không sao ngăn nổi vì nhớ đến những trận đòn roi xưa mà ân hận vì mình từng làm khổ mẹ mình quá.

Ý thức phải giúp bố mẹ và trách nhiệm đối với gia đình cũng lớn dần lên theo năm tháng của tôi. Khi mẹ tôi sinh em thứ tư, ba anh em tôi còn bé lắm. Tôi học xay lúa, sàng, sảy từ đó. Đội thúng gạo đi giã mà ba anh em đứng không dận bông cối, tôi phải ra nâng đầu chày đếm nhịp, giã nháo nhào rồi về giần gạo mới có thứ thổi cơm. Đi chợ, chăn bò, cắt cỏ, mò cua, bắt ốc... tôi làm luôn tay, nhưng cũng thấy được cái thú vui đồng áng. Tóc tôi phơi nắng nhiều nên đỏ quạch như lông bò và luôn khét mùi nắng. Khô nhất là những ngày rét. Đó là những ngày đồng cỏ già lụi, kiếm được sọt cỏ khó vô cùng, chân đất đầu trần, dầm mưa giữa trời mưa bụi nên đám trẻ chăn bò chúng tôi đùa nào đùa ấy cứ run như rě. Sau rồi, chúng tôi cũng nghĩ cách lấy đất cày đắp xung quanh như xây lô cốt, chỉ có một lối vào, lấy áo tơi phủ lên làm mái, nhỏ gốc rạ và nhặt phân bò khô vào trong đó để đốt sưởi. Cũng chính vì vậy mà mẹ tôi luôn thắc mắc tại sao quần áo tôi luôn có mùi phân bò, mặc dù vừa mới giặt xong, chỉ mãi về sau này, tình cờ mẹ tôi phát hiện ra và có lẽ Người thương chúng tôi lắm, nhưng nền kinh tế bấy giờ và hoàn cảnh gia đình tôi như vậy, bố mẹ tôi chẳng thể nào cố thêm được.

Lũ trẻ chúng tôi lứa tuổi ấy, cả trai lẫn gái, đùa nào cũng nghịch như nhau, không cái gì là không dám làm. Thôi thì từ đầu làng đến cuối ngõ, khi thì trêu cho người khác chửi mình nghe cho “khoái”, khi lại trêu nhau, khi thì rủ choảng nhau với lũ làng bên... đủ các kiểu. Tôi nhớ đầu làng tôi có bà già ở một thân một mình, vườn tược rộng, tre trúc nhiều. Chúng tôi thi thoảng lại đến đây cựa trộm trúc về làm cần câu và cũng có dịp trêu chọc bà để bà chửi, vì bà chửi rất bài bản, nghe như hát. Đến giờ tôi vẫn còn nhớ được những đoạn như: “Tao lòi từ thằng năm chiếu ngang, thằng mang chiếu dọc, thằng đọc văn tế, thằng bế cây dài, thằng nhai sỏ lợn nhà mày lên...”. Chúng tôi chỉ thấy bà chửi có vần như vậy thì trêu, chứ không có ác ý gì. Mà cũng chẳng dám trộm gì lớn của bà, thi thoảng cần câu bị gãy thì mới lên lên cựa rút một cây trúc mà thôi.

Mang tiếng là tôi nghịch ngợm vậy, nhưng chúng tôi cũng làm được khối việc ra trò. Sau khi thành lập Đội Thiếu niên Tiên phong xong (hồi đó tôi làm Liên đội trưởng), chúng tôi phát động phong trào giữ vệ sinh làng

xóm sạch đẹp- sống có lễ phép, cảnh giác với kẻ gian. Lũ chúng tôi hàng tuần quét ngõ xóm, đốt rác, lấy mùn bón cây, kẻ khẩu hiệu, trồng phách cổ động cũng om sòm một thời. Các cụ, các bác khen lắm. Bọn tôi còn được cấp đất để tăng gia lập quỹ Đội, giúp cho các hoạt động được sôi nổi hơn. Sau này, lũ cùng tuổi với tôi cứ bỏ học dần, còn mỗi mình tôi lẻo đẻo đến trường. Có chút chữ nghĩa, xã còn lấy tôi vào ban viết lịch sử cho xã nữa. Hồi ấy thấy thế là thích lắm.

Tôi chẳng năm nào được đi học gần. Ngay từ khi từ Hà Nội trở về đã phải đi sang xã khác cách khoảng 2 km để học rồi. Từ đó, ngày càng phải đi xa hơn, đến năm học lên cấp 3 là trường cách nhà đã 6 km. Hàng ngày, tôi cứ lủi thủi một mình với bộ quần áo nâu, vai đeo túi dết, đi chân đất đến trường. Bạn bè gọi tôi là thằng lái trâu. Gọi vậy chứ họ rất quý vì tôi quan tâm, sống chan hoà với mọi người, tham gia nhiệt tình vào các phong trào của trường, lớp và học cũng không đến nỗi nào, nghịch cũng chẳng kém ai nữa. Có lẽ duy nhất, tôi là đứa học sinh của trường thường mặc quần áo nâu, đi chân đất cho đến tận ngày tốt nghiệp lớp 10.

Suốt cả đời học sinh, tôi cứ đi học buổi sáng thì buổi chiều lại về chăn bò, cắt cỏ, cày bừa, nhổ mạ, gánh phân lợn, gà, cám bã, tát bột phụ giúp mẹ tôi. Rồi lúc nào thì học, đọc sách lúc ấy, vừa chăn bò, vừa đọc. Tôi cảm thấy học cũng nhàn nhã, mà đọc được khá nhiều truyện. Gần như tôi là một trong những thành viên tích cực nhất của thư viện trường. Các hiệu sách thì khỏi nói, tôi chẳng có tiền mua sách, nhưng mấy chị bán sách thấy tôi ham đọc, cũng đồng ý cho tôi mỗi ngày đứng ở đó mấy chục phút đọc tại quầy. Dần dà, tôi cũng đọc hết khối quyển ở cửa hàng. Bọn bạn chăn bò cùng lứa thường bắt tôi kể mọi chuyện tôi đọc trong sách vở. Tôi cũng có cảm hứng phải đọc nhiều hơn. Và tôi cũng học được rất nhiều qua những cuốn sách tôi từng nghiền ngấu vì không có thời gian. Những cuốn sách hay dạy mình nhiều lắm và chẳng phản bội mình bao giờ.

Cũng qua sách vở mà hồi đó chúng tôi đã chiến thắng trong những trận chiến với bọn trẻ mục đồng ở làng bên để giành giật cánh đồng cỏ. Chẳng là đọc “Tam quốc diễn nghĩa” và “Thủy hử” xong, tôi cũng áp dụng chia những cánh quân ra sao cho hợp lý, dùng cò gậy (chẳng qua là những

miếng giẻ buộc ở đầu roi bò) để chỉ huy, cũng tiền quân, hậu quân, tả phù, hữu bật hần hoi. Bọn trẻ làng bên rối loạn, bị chúng tôi “tấn” cho mấy trận đánh phải rút vĩnh viễn, nhường lại cánh đồng cỏ cho bọn tôi chiếm lĩnh. Mãi sau này khi học ở Học viện Quân sự mang tên Gagarin (Liên Xô) nhớ lại thời đó, mới biết rằng mình đã từng áp dụng chiến thuật đánh “vu hồi”, “trực diện”, sử dụng “thê đội một”, “thê đội hai”..., chứ thuở ấy chỉ biết rằng “oánh” xong một trận, thấy đám mục đồng kia chạy, về bàn nhau mai sẽ “oánh” kiểu khác, không lặp lại kiểu cũ nữa mà thôi.

Mấy đứa em tôi thì không phải “tham chiến” như tôi, có lẽ bởi “chiến trường” đã được chúng tôi chiếm lĩnh cho rồi, có lẽ cũng bởi lúa chúng nó sống hoà bình hơn. Và sau này, bố mẹ tôi cũng bán bò đi mất, nên những khái niệm tranh giành “thị trường đồng cỏ” chắc không hình thành ở mấy đứa em tôi, đụng độ như lứa tuổi của chúng tôi mà làm gì.

Cho đến năm tôi vào học cấp 3 thì cả làng tôi chỉ còn có mỗi mình tôi đeo đuổi sự nghiệp “mài đũng quần ở ghé nhà trường”. Dù nghèo khó đến mấy đi chăng nữa, bố mẹ tôi vẫn cố để “dành cái chữ cho con”. Vì thế mà anh em tôi, đứa nào cũng được học hành đến nơi đến chốn. Mấy đứa em tôi còn tốt nghiệp được đại học. Chúng tôi biết ơn bố mẹ chúng tôi lắm. Vốn liếng kiến thức mà bố mẹ chúng tôi để lại cho chúng tôi là những tài sản vô giá.

Từ hồi còn trẻ con, tôi cứ ước mơ khi lớn lên sẽ trở thành bác sỹ nhãn khoa. Bác tôi (chị gái của mẹ tôi) chỉ có một thân một mình, mắt thì loà, đi đâu cứ lò dò, lẫm dẫm, luôn mong rằng tôi học giỏi để chữa mắt cho bà được sáng, được nhìn thấy mọi thứ trên đời này. Người hay đi chùa và thường khấn vạy. Mọi bài kinh kệ, tôi phải chép và dạy lại bác tôi theo kiểu truyền khẩu, giả dụ như chẳng có chiến tranh thì có lẽ tôi đã thực hiện được ước mơ của tôi và lời khấn mong của bác tôi rồi. Vậy mà sự việc lại đột ngột chuyển hẳn sang một hướng khác, hướng chẳng bao giờ tôi ngờ tới.

Cổng làng tôi là nơi mà bọn chúng tôi hay trèo lên (mặc dù trần đã bị sập, cầu thang lên bị sập, mái cũng không còn nữa), ngồi ngắm những cánh đồng làng, rồi chỉ trỏ tranh luận nhau những chuyện không đâu cũng là kỷ niệm khó quên. Bất kể sau này khi ngắm một bức tranh, bức ảnh nào thấy

hình công làng là tôi lại nhớ quê đến diết. Từ ngày tôi nhập ngũ tới giờ, tôi ít có dịp về làng, nhưng những gì về làng quê khắc hoạ trong tôi đậm nét lắm, không dễ gì phai mờ được.

Chùa làng tôi gọi là Chùa “Vân La Tự”. Theo như lời kể thì sự tích Thị Kính, Thị Mầu xảy ra ở làng tôi. Bằng chứng là từ Tam Quan, giếng nước, sân đình đúng hệt như chuyện kể, và chùa làng tôi không thờ được bà Thị Kính vì bà không cho thờ. Các chùa của các thôn khác đều có tượng thờ bà ngồi khâu, tay bế đứa con, trên vai là con vệt (truyền thuyết là chồng bà chết rồi hoá thành). Thực, hư chẳng rõ thế nào, nhưng đình chùa làng tôi nghiêm linh lắm, bấy nhiêu năm chiến tranh chống Pháp rồi chống Mỹ, mà đình chùa làng tôi không bị mảnh bom, mảnh đạn nào rơi vào. Cũng lạ là bao nhiêu năm nay không sư nào trụ trì được (chỉ một thời gian lại phá giới, chẳng lẽ do Thị Mầu quấy quả chăng?).

Những ngày cuối năm giáp tết Nguyên đán thì vui lắm. Lũ lứa tuổi tôi phải đến giếng đình gánh nước về ăn. Nồi đồng, thùng tôn được huy động gánh kéo kệt cả. Đây cũng là lúc tranh thủ huých nhau, trêu nhau nhất trong năm mà không ai giận ai. Đường làng ướt đầm vì nước sánh ra. Lũ tôi cười nói oang oang, chí choé, rạo rức niềm vui khi Xuân về. Sau này, khi làng quê “ngói hoá” rồi thì nhà nào cũng xây bể chứa nước mưa, chẳng còn cảnh gánh nước âm ỉ như thời của chúng tôi nữa.

Cũng nhiều năm sau, Giao thừa tôi vẫn lên giếng làng gánh nước đầy về để “lấy lộc”. Cái lệ ấy tôi giữ mãi tới giờ, dù không đi gánh nước thì cũng xách lấy một xô nước từ vòi nước vào để sớm mùng một rửa mặt cầu may. Âu cũng là niềm tin của cõi tâm linh, chẳng phương hại gì.

Cua cá ở đồng làng tôi rất sẵn, tháng Năm đi bắt cua nắng, tháng Chạp đi bắt cá giá. Điều ấy gần như là quy luật. Lũ trẻ chúng tôi cứ í ới gọi nhau đi. Bùn đất lắm đầy người, cua cá đầy giỏ. Tháng Năm nắng về mặt đỏ như gấc, tháng Chạp lạnh về mặt xám như chàm. Tát ao, tát chuôm, hoi cá bị ném, bùn cứ từ đầu đến chân như bị ma vùi, nhưng mà vui lạ. Cuộc sống cứ lạng lẽ trôi như thế, không bon chen, không lường gạt... cái tình nghĩa người làng quê sao mà sâu nặng.

Lũ trẻ bọn tôi hết đánh đáo, chơi khăng lại bày trò nhảy dây, rồi thi nhau nhảy cao. Cũng chính cái trò nhảy cao ấy mà đã làm tôi mang tật đến suốt đời. Số là cứ cầm hai cây gậy hai đầu chặt xuống ruộng, dây thừng bò buộc vào gậy làm chuẩn cao, nhảy qua một mức lại nút lên cao hơn. Ở mức cao (chẳng biết bao nhiêu) tôi nhảy không qua, chân vướng vào dây ngã xuống, thấy tay kêu cái “khục” rồi ngất luôn. Bọn bè sợ quá giật tóc mai rồi “hú ba hồn bảy vía” một lúc tôi mới tỉnh. Tay phải không co không duỗi được nữa. Kể ra, tôi về nói ngay thì chẳng sao, nhưng vì sợ mẹ tôi mắng nên cứ ngậm tằm, vẫn làm mọi việc chỉ bằng tay trái, trong khi tay kia ngày càng sưng to. Mãi đến lúc không thể cầm bút được, tôi mới dám kể với mẹ tôi, mẹ tôi hốt hoảng đưa tôi ra bác tôi (anh trai mẹ tôi) để bác chữa cho. Đến lúc ấy tôi mới thực sự biết bác tôi là ông lang chữa gãy tay, trật chân, xương, khớp. Bác tôi rút lại khớp cho tôi, bó thuốc lại, vài ngày sau tôi đi học bình thường, nhưng tay thì vẹo lệch hẳn. Khi tôi đi khám tuyến phi công, các bác sỹ ngoại khoa cứ chẩn đo mãi về cái “tay khèo” của tôi. Ôn trời, mọi việc rồi cũng cứ qua đi theo năm tháng, tay tôi hoạt động không có gì trở ngại, mỗi tội trông nó cong queo mà thôi. Dấu sao cũng là dấu ấn đậm nét của tuổi thơ.

Rồi cũng theo quy luật của tự nhiên, giọng tôi ngày càng ồ ồ, khàn như giọng vịt đực. Bỗng dưng thấy thích bay nhảy, muốn đi xa hơn khỏi làng quê mình xem chân trời góc biển kia có gì mới lạ. Những chiều chăn bò thả diều lại ước mơ viễn vông khi ngắm nhìn những đám mây trắng lững lững trôi giữa trời xanh trong nắng chiều vàng óng, cứ rạo rực, cứ ao ước muốn thấy được những gì ở tít chân trời mờ xa kia, chân cẳng bỗng thấy bị tù túng ở quanh lũy tre làng. Đã có lần, tôi xung phong lên Hà Nội mượn máy bơm cho trường, chúng tôi kéo xe bò, đi bộ hơn 40 cây số cả đi lẫn về, háo hức lắm. Càng gần thành phố, không khí càng ồn ã, dù rằng tôi đã từng sống ở thành phố, nhưng về quê một thời gian rồi khi tiếp cận lại, vẫn thấy lạ lẫm như thường.

Anh em tôi càng lớn lên, càng ít được gặp nhau hơn. Đứa học sáng, đứa học chiều, tôi về đứa vớt bèo nấu cám, nấu cơm, đứa chúi đầu vào học bài, đứa bé thì ngủ say tít từ tối, nên có lẽ mỗi tuần chỉ có được một ngày

chủ nhật là còn chọc ghẹo nhau được. Cũng chính vì thế mà có lẽ đòn roi đối với tôi cũng bớt đi. Bố tôi thì ngày đạp xe đi làm, tối khuya mới về. Mẹ tôi cũng hầu như suốt ngày ngoài đồng. Những ngày mưa dầm là những ngày mẹ con tôi ru rú ở nhà. Lại bày trò rang ngô, rồi quanh sào ngô lại trêu nhau. Thuở ấy vô tư, vô tâm đến nỗi không để ý đến những nếp nhăn ngày càng nhiều trên mặt bố mẹ tôi nữa. Sau này, khi đi xa mới muốn tượng lại, tôi mới thương bố mẹ tôi đến cháy lòng.



Bạn bè tôi ở lớp ngày càng vui dần đi vì số lớn đến tuổi đi bộ đội là tòng quân nhập ngũ hết. Tôi còn nhớ hồi học lớp 8B, sỹ số ở lớp là 65, lên lớp 9B còn 32, đến khi lên lớp 10B còn có 28. Nhà trường phải “điều” bớt một số từ lớp 10A sang lớp tôi cho đông thêm. Lớp tôi là lớp nghịch có tiếng trong trường từ hồi mới vào 8. Càng ngày thì càng tinh quái hơn, đến nỗi số học sinh từ lớp A sang lớp tôi, giai đoạn đầu trong lớp không dám ho he, cục cựa gì, tới giờ ra chơi là chạy ù về lớp cũ. Để có đến một học kỳ như thế, sau rồi mới quen. Còn thầy, cô chủ nhiệm mấy năm ấy thì đúng là cười hổ vì bọn tôi là đám bất trị, mặc dù học hành không đến nỗi nào.

Vườn trường (lấy tên là Vườn Cần Thơ- vì kết nghĩa với Cần Thơ) có trồng hai cây dừa. Một buổi trưa nọ, chúng tôi đổ nhau: khi dừa đã mọc thành cây thì cùi dừa có còn ăn được hay không? Để “mục sở thị”, tôi đào bứng một cây lên, bỏ ra thì không thể nào ngửi nổi, chứ đừng nói gì ăn, sau đó thì tìm cách “thủ tiêu tang vật”. Từ đó, vườn trường chỉ còn có một cây dừa đứng bơ vơ, không ai hiểu nổi một cây dừa nữa biến đi đâu mất. Cho đến

tận bây giờ tôi vẫn ân hận vì cái trò nghịch “thử nghiệm” quái gở ấy của mình.

Sang đến lớp 10 thì có đợt tuyển phi công do Quân chủng Không quân về tuyển. Lũ học trò bọn tôi thật là háo hức. Làm sao lại không háo hức được kia chứ. Chiến tranh đã leo thang ra miền Bắc, không quân Mỹ đã đánh phá, không quân ta cũng đã xuất trận, đã giành chiến thắng. Hình tượng của anh phi công bây giờ là thần tượng đâu chỉ của lũ trẻ bọn tôi! Bốn ngàn năm lịch sử của cha ông dựng nước, giữ nước tới giờ mới có mặt trận trên không kia mà!

Tôi cũng được “nhặt” trong đội quân học trò đi khám tuyển. Hồi đó tôi lẻo khoẻo lắm; cao 1,69m nhưng nặng có 47kg, (dáng vóc học trò mà!) Vậy mà tôi qua lần lượt tất cả các vòng khám. Những anh “to con” hơn tôi thì lại bị trượt. Sau rốt, cả trường tôi chấm được có hai người, tôi và một bạn nữa. Nhưng rồi chỉ có mỗi mình tôi đi thôi vì người kia vướng “lý lịch gia đình có vấn đề”.

Mùa xuân 1964- 1965 thì tôi trúng xổ số độc đắc. Thuở ấy, giải độc đắc là chiếc xe máy JAWA- 05 trị giá đâu 1600đ tiền Việt Nam. So với giá bát phở có 2 hào, 5 xu một que kem thì số tiền trên giá trị lắm chứ. Cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ số vé trúng giải là 117411. Con số rất kỳ cục vì 2 số đầu và cuối là 11, hai số giữa cộng lại cũng bằng 11, quả là độc đắc!

Tôi- một thằng chân đất, quần áo nâu ở một làng quê nghèo đói chỉ có chạy đuổi theo xe ô tô khi nào nó xuất hiện ở làng để ngửi lấy mùi xăng ô tô là thấy oai rồi, bây giờ bỗng dưng lại được cả cái “bình bịch” thì run cả trong giấc ngủ. Bố con tôi ra phố Hai Bà Trưng (hình như số nhà 37 của Công ty xổ số) lĩnh thưởng, chụp ảnh. Mãi đến tận những năm 70 tôi vẫn thấy hình ảnh tôi- cậu học trò mặt búng ra sữa, ngượng nghịu đứng dắt chiếc xe máy JAWA- 05 treo ở đó. Bán lại chiếc xe cho nhà nước (ngay tại nơi phát thưởng), trích một số tiền ủng hộ đồng bào Miền Nam, ủng hộ trường, xã..., còn lại mua một chiếc xe đạp, mua gạch ngói về sửa nhà. Ngôi nhà ở quê bây giờ chính là xây từ năm ấy. Đời tôi sau này không bao giờ chơi xổ số nữa vì tôi nghĩ rằng dịp may cũng chỉ đến một lần trong đời mà thôi, không thể nào lặp lại được, “phúc bất trùng lai” mà!

Thế là, lần đầu tiên trong đời học sinh của tôi và cũng là những tháng cuối cùng chuẩn bị rời ghế nhà trường, tôi đã có được một chiếc xe đạp để đi, chấm dứt bao nhiêu năm cuộc bộ. Phải nói rằng, tôi quý giá, giữ gìn chiếc xe ấy một cách ghê gớm, vì dầu sao nó cũng đánh dấu một bước ngoặt trong đời học trò của mình. Cảnh đi bộ trời nắng, chân dầm vào những đám nhựa đường chảy nhão ra vì nóng làm bàn chân rộp lên, cảnh mùa đông đi trên những vật sương lạnh cóng đến mức phải quần rơm rạ vào chân để đi, đến gần trường mới bỏ ra... không còn nữa. Cái hạnh phúc đơn sơ đến vậy mà sao cũng lớn lao đến vậy.

Khi tôi nhập ngũ, chiếc xe ấy truyền lại cho mấy đứa em tôi sử dụng. Các em tôi cũng quý nó chẳng khác gì tôi.

Kỷ vật thật đáng trân trọng!

Sau khi tốt nghiệp lớp 10 xong thì lớp tôi cả gái lẫn trai nhập ngũ nhiều lắm. Cả nước lên đường, cả nước hướng về Miền Nam, số không nhập ngũ là số thanh niên “khoèo chân, hở rốn”, hoặc do lý lịch gia đình. Cuối tháng 6 năm 1965 thì tôi nhận được giấy báo nhập ngũ; ngày 5 tháng 7 phải có mặt tại nơi tập trung.

Cả huyện Thường Tín lúc bấy giờ chỉ có mỗi mình tôi thôi. Cả tỉnh Hà Đông cũng chỉ được 6 người: Tôi ở Thường Tín, Soát ở Phú Xuyên, Sơn ở Đan Phượng, Thắng ở Trúc Sơn, Đức Lâm và Văn Lâm ở thị xã. Sau này Nguyễn Đức Soát trở thành anh hùng các lực lượng vũ trang, Tư lệnh Quân chủng Không quân, Phó tổng tham mưu trưởng quân đội nhân dân Việt Nam; Phạm Hồng Sơn là giáo viên của Học viện Không quân; Hoàng Thế Thắng hy sinh trong trận không chiến với F4 của không quân Mỹ vào năm 1972; Nguyễn Đức Lâm hy sinh khi bay thử máy bay IAK- 52 ở Gia Lâm; Nguyễn Văn Lâm là giáo viên của Học viện Chính trị Quốc gia.

Ngày tôi nhập ngũ là ngày mưa tầm tã, mưa xối xả. Trước đó một ngày tôi chia tay với gia đình, họ hàng. Cảm động nhất là cô tôi, khi được tin tôi đi bộ đội, cô đến gặp tôi nước mắt lưng tròng nói với tôi rằng muốn đãi tôi một bữa cơm, nhưng nhà nghèo chẳng rõ tôi có chê không. Tôi cười, ôm vai cô tôi nói rằng tôi sẽ đến nhưng chỉ xin cô tôi luộc cho tôi một quả bầu để

chấm tương ăn cho đỡ nhớ thôi. Và cô tôi đã luộc bầu cho tôi. Tôi ăn bầu chấm tương còn cô tôi thì ngồi nhìn tôi ăn mà cứ khóc hoài. Khi viết những dòng chữ này, mắt tôi cũng nhoà lệ. Thôi, cầu xin vong linh cô hãy tha thứ cho tôi, nếu tôi có mắc những lỗi lầm.

Còn mẹ tôi thì khỏi phải nói, mẹ tôi đã khóc rất nhiều, nhưng dẫu tôi. Nhiều đêm tôi thức giấc nghe mẹ tôi sụt sịt ở phía giường trong là tôi lại thấy lòng mình như ứa máu. Tôi biết, các em tôi còn nhỏ, bố tôi lại đi làm xa, tôi ra đi thì mọi công việc ở nhà đều trút lên vai mẹ tôi cả. Thực lòng, các đứa em tôi cũng không xóc vác với công việc đồng áng được như tôi. Mẹ tôi không muốn cho tôi thấy các lo nghĩ của Người, cốt để tôi yên tâm mà đi. Lúc tiễn tôi, mẹ tôi chỉ dặn: “Con đi phải giữ sức khoẻ, phấn đấu làm sao cho bằng anh, bằng em!”.

Tôi biết, Người đã nói câu ấy trong nước mắt, vì có lẽ, thời điểm này, đứa con đã dứt ra khỏi vòng tay mẹ, lăn vào cuộc đời, vào cuộc chiến đầy cam go, chẳng rõ rồi ra đi còn có ngày trở lại! Người mẹ nào mà không khỏi lo âu!

Và có lẽ tất cả những điều đó đã tạo nên trận mưa ghê gớm lúc tôi lên đường hay sao? Tôi ra đi với một tâm trạng thật khó tả, khi nặng nề, lúc bay bổng, háo hức... Lũn thui một mình dầm trong cơn mưa, tôi đi bộ lên Thường Tín tập trung. Bác tôi thì nói rằng: “Đi đi cháu ạ! Phong vũ tất cát! Đi thôi!”

Về sau này thì tôi ngẫm thấy những biến cố lớn trong đời tôi đều gắn liền với mưa giông cả. Tôi cũng là đứa rất thích dầm mưa và rất nhạy cảm với mưa. Đang ngủ nhưng tiếng mưa rơi dù rất khẽ cũng đủ đánh thức tôi rồi, cũng rõ lạ mà tôi không lý giải được.

Vậy là, khăn gói quả mướp trong tiễn biệt của gió mưa, làng quê nhạt nhoà xa dần đằng sau lưng. Không người thân, không bạn bè đưa tiễn. Mình tôi lên đường để bước vào một cuộc sống mới, một thế giới mới khác hẳn những gì mình từng mơ tưởng, chấm dứt thời học trò, và cũng là chấm dứt tuổi ấu thơ, tuổi nghịch ngợm đầy mộng mơ hão huyền nhưng cũng rất

trắng trong để bước vào con đường dài hun hút ở phía trước ẩn chứa đầy nguy hiểm, khó khăn và những điều bất ngờ.

Chương II- Những năm tháng trưởng thành

Chúng tôi tập trung ở Thị xã Hà Đông, sau đó về Gia Lâm, rồi về sân bay Cát Bi. Một ngày sau lại sơ tán về thôn Sầm Bô của khu vực Hải Phòng. Biên chế tiểu đội, trung đội, đại đội xong, rồi chúng tôi đi lĩnh quân trang. Quần áo bộ binh lưng thùng. Quần chèn ống, gài 6 cúc dưới cổ chân, áo thì 3 cúc mỗi bên cổ tay, giấy vải cao cổ. Quân hàm binh nhì. Chúng tôi ngấm nhìn nhau, thấy diện mạo khác hẳn ngày thường, thế là đã thành “chú bộ đội” thực sự. Chúng tôi ở nhờ nhà dân. Tiểu đội tôi sơ tán, ở nhờ nhà ông Chòm (ông và các con ông có những cái tên khá ngộ nghĩnh: Chòm, Chèm, Chùm...). Phải đào hầm tránh máy bay, sinh hoạt theo nền nếp quân đội. Nếp sống ngày thường của đời học trò bị phá vỡ. Những ngày đầu tôi thấy rất khó chịu. Nước ăn, uống, giặt giũ, vo gạo, rửa rau... đều chung ở một cái ao trước nhà. Tắm thì bọn tôi ra ngoài nương máng. Bệnh hắc lào xuất hiện. “Phi hắc lào không phải là tân binh”. Cái câu cửa miệng ấy chẳng qua để an ủi nhau khi có những cơn ngứa như điên nổi lên, hai tay “sột soạt tựa gậy đàn”. Bôi thuốc I-ốt thì xót, xuyt xoa. Thôi thì đủ kiểu chữa: nào là bẻ quả chuối xanh để sát; nào sương mạng nhện ở lá khoai v.v... mãi rồi, rốt cục chúng tôi cũng dẹp bỏ được căn bệnh ngoài da oái oăm ấy.

Đúng ngày 27/7/1965- ngày thương binh liệt sỹ thì chúng tôi rời Sầm Bô. Trút bỏ lại quần áo bộ đội, chúng tôi được phát quần áo thường phục, va li đựng đồ đạc..., lên tàu liên vận ngược hướng Đồng Đăng- Lạng Sơn sang Liên Xô học bay. Đó là một đêm khá yên tĩnh trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân của Mỹ. Đến Đồng Đăng, chúng tôi phải xuống tàu, vác vali đi bộ một đoạn dài, lên ô tô vượt qua “Hữu nghị quan” sang ga Bằng Tường của đất Trung Quốc làm thủ tục, rồi lại lên tàu tiếp tục cuộc hành trình. Lần đầu tiên trong đời được ra nước ngoài, cũng là lần đầu tiên xa nhà biệt. Lần đầu tiên đi tàu liên vận với thời gian dài đằng đẳng (11 ngày 11 đêm mới tới Mátxcova). Lòng tôi xáo trộn bao cảm xúc. Háo hức ngắm cảnh lạ nơi đất khách quê người, ngỡ ngàng vì phong tục khác nhau, ngôn ngữ khác nhau; xáo trộn đồng hồ sinh học của cơ thể vì thời gian ăn, ngủ thay đổi; da diết nỗi nhớ quê, nhớ nhà... Tất cả những thứ

đó ủa lại, ứ ngập làm tôi như nghẹt thở. Dầu sao, tôi cũng chỉ là một đứa trẻ mới tới tuổi thành niên, vừa chân ướt, chân ráo rời khỏi ghế nhà trường xong, tránh sao khỏi những choáng ngợp trước những gì mà bố mẹ tôi cũng quá sức răn dạy thường ngày. Tôi ý thức được rằng từ bây giờ trở đi mới thực sự là cuộc sống tự lập, thực sự cảm nhận được cảnh xa gia đình, quê hương, không nơi nương tựa, càng về sau này, ngẫm lại thì tôi càng thấy mệnh “ốc thượng thổ” của tôi càng chính xác (đất trên nóc nhà mà) dựa vào đâu được nữa kia!.

Suốt chặng đường tàu liên vận chạy qua Sibêri, tôi “mục sở thị” được đất nước Liên Xô hùng vĩ, bao la và tuyệt vời như thế nào. Bây giờ đương là cuối mùa hạ. Rừng Bạch Dương trắng trải bạt ngàn, cỏ xanh đến nồn nà. Hoa cúc dại nở thành rừng, vô tận là hoa. Trời thì thăm thẳm, bao la. Những bản nhạc dân ca Nga réo rắt qua loa phóng thanh của tàu làm tôi đắm chìm trong nỗi nhớ Quê. Đất Nga có cái gì như thân quen, gần gũi ngay từ lần đầu tiên khi ta đến. Cảm giác này tôi còn giữ được mãi khi sau bao nhiêu năm lại trở lại, và lần nào cũng thấy như thế.

Chúng tôi về trường quân sự đào tạo học viên bay mang tên Sêrôp. Trường nằm gần thành phố Primorsk- Akhtarsk cạnh biển Adôp. Sang trước đoàn chúng tôi đã có 2 đoàn học viên bay Việt Nam và một đoàn học viên bay của Indônêxia (hồi ấy gọi là Nam Dương).

Ổn định nơi ăn, ở xong, chúng tôi được phổ biến nội quy của trường và bước vào học chương trình lý thuyết, đồng thời học ngoại ngữ, văn hoá. Các thầy, cô giảng giải rất nhiệt tình, rất yêu mến chúng tôi. Họ đối xử với chúng tôi khác hẳn với học viên của Indônêxia. Chúng tôi cần cù, chịu khó, tìm mọi cách để nắm bắt kiến thức mới mẻ. Rất may cho đoàn tôi là trưởng đoàn, phó đoàn đã là những người bay, những phi công thực sự và nhiều anh đang học ở các trường đại học, lũ còn lại chúng tôi đều tốt nghiệp lớp 10 nên nhận thức khá nhanh.

Mấy tháng học lý thuyết trôi qua vùn vụt với mức độ không ngờ. Chúng tôi thấy cứng cáp hẳn lên, vẫn học nhưng vẫn rèn luyện theo đúng điều lệ, điều lệnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam: chạy thể dục sáng, tập

đội ngũ, chào cờ, sinh hoạt đoàn, đọc báo.v.v... Chúng tôi đã thích nghi với đời sống trong quân ngũ.

Lần đầu tiên trong đời, tôi thực sự biết thế nào là tuyết rơi, tiếp xúc với tuyết, cảm nhận được cái lạnh của nó, cái thơ mộng của nó. Cũng lần đầu tiên ở đất Nga tôi mới tận mắt thấy được thế nào là “mùa thu vàng” ở xứ sở này. Những cảm xúc thật khó tả. Cảnh vật nên thơ, ngân thành nhạc trong tâm hồn tôi. Đến bây giờ ngồi viết những dòng này, nhắm mắt lại, tôi vẫn thấy nó hiện ra rõ mồn một và cảm giác của tôi như đang sống đúng ở những thời điểm ấy vậy.

Thi xong lý thuyết, chúng tôi học nhảy dù trước khi vào học bay. Chuyện nhảy dù biết bao nhiêu điều đáng nói, đáng kể. Tập nhảy từ bục cao xuống để học cách tiếp đất, tập điều khiển dù và tập phóng ghé dù thì không nói làm gì, nhưng khi đeo dù vào người, trèo lên máy bay để nhảy ra thì đúng là lắm chuyện. Máy bay “cồng” chúng tôi lên độ cao khoảng 800m. Bọn tôi rất hồi hộp, mặc dù biết rằng dù thế nào cũng mở nhưng vẫn thấy sợ. Sợ vì lần đầu tiên được lên máy bay, lần đầu tiên thả người rơi trong khoảng không... nhiều thứ lắm, nhưng có một điều trong chúng tôi hầu như ai cũng nghĩ như ai, đó là lòng tự trọng của dân Việt Nam. Phải nhảy, sợ hãi rồi tính sau. Khi đèn hiệu trên máy bay báo là chúng tôi đứng lên. Cửa máy bay mở, thế là chúng tôi lao ra. Anh thì lao cắm đầu xuống như nhảy ở cầu bơi, anh thì nhảy rơi 2 chân như nhảy ở đồng rơm, anh thì mặt quay đằng trước, anh quay đằng sau... loạn xạ cả. Mọi động tác lý thuyết thầy dạy quên đâu mất. Một anh lao ra, thế là lao theo bao anh sau, thế thôi. Cùng nhảy với bọn tôi có cả các học viên của Indônêxia, bọn họ nhiều anh sợ phát khóc, có anh giáo viên phải lôi ra cửa máy bay đập xuống, chứ không thì không dám nhảy.

Lao người ra khoảng không, dù mở, nhìn quanh thấy dù của các đồng đội mình tròn như những chiếc nấm trứng trong không gian, chúng tôi bắt đầu la hét vì sung sướng, gọi nhau í ới cả. Dù của chúng tôi là dù tập, không có cửa điều khiển nên gió thổi kéo chúng tôi đi tan tác mỗi người mỗi nơi. Anh nào càng nhẹ thì càng đi xa. Gấp dù xong, ôm về nơi tập trung, bọn tôi gặp nhau hân hoan như con trẻ, dẫu sao thì cũng là kỷ niệm khó quên, là

đầu ấn đầu tiên khi chúng tôi gắn bó với bầu trời. Ai nhảy dù xong thì được phát một chiếc huy hiệu chứng nhận đã nhảy dù, thật tự hào vì mình cũng làm được một vấn đề gì đó rồi.

Chúng tôi học thực hành bay khi tiết trời lạnh, máy bay mở máy, người chúng tôi run lên với bao nhiêu cảm xúc lạ. Mùi dầu cháy thải ra sau động cơ ấm nồng, và tôi giữ được cho tới tận bây giờ khi đi sau các máy bay (hoặc mở máy hoặc vừa tắt máy) cái cảm giác hết như chuyến bay đầu tiên của ngày bay đầu tiên.

Thầy dạy bay năm thứ nhất của tôi là Đại úy Vaxiliep, phi công thứ 8 của Liên Xô về nhào lộn trên máy bay thể thao. Có lẽ cả đời học bay của tôi, bay L- 29 năm thứ nhất, năm thứ hai và bay MIG-21 năm thứ ba đều gặp được những thầy dạy tuyệt vời: nhân từ, kỹ thuật bay thật điêu luyện. Tôi đã học hỏi được rất nhiều ở các thầy, và có lẽ cũng vì nắm vững kỹ thuật bay nên mới tồn tại được qua chiến tranh.

Tôi còn nhớ như in chuyến bay đầu tiên và đặc biệt là chuyến bay đơn đầu tiên. Run rẩy, sờ sờ khi trong tay mình bỗng dưng có độ cao, có tốc độ. Cũng đúng thôi, bấy nhiêu năm từ khi được sinh ra, toàn đi trên mặt đất. Bầu trời thì cao tít, thăm thẳm ở trên đầu đầy bí ẩn với những đám mây đủ hình thù, màu sắc; với giông tố, sấm sét, với những vì sao lấp lánh xa vời vợi, lung linh, huyền ảo... Vậy mà bây giờ chính mình lại bay lượn trên bầu trời, từ trên trời nhìn ngó xuống dưới mặt đất, ai mà không đầy ứ những cảm xúc. Phấn khích bởi mình đã làm chủ được máy bay, biết bay... lo lắng không biết rồi mình sẽ hạ cánh ra sao, có xử lý trôi chảy các hỏng hóc bất ngờ xảy ra không... nhiều thứ lắm! Có lẽ tất cả đồng đội của tôi cũng đều có những cảm xúc ấy cả.

Đoàn chúng tôi có một số bị cắt bay vì lý do sức khỏe, vì lý do kỹ thuật- bay mãi không hạ cánh được ...nên chuyển xuống học thợ máy. Khi bay đơn ổn định rồi, vốn tính còn trẻ con, nghịch ngợm của tuổi học trò, bọn tôi mới bắt đầu quây- nào đi bẻ trộm hoa hướng dương về lấy hạt để rang, nào đi bẻ trộm ngô về luộc, nào đi bắn chim, bắt chim về để quay, nào bút táo, bút mơ, đào... đủ cả. Đến mức độ phi đội phải đưa tin lên tờ báo tường trong ban bay để cảnh cáo mới hạn chế được chút nào sự “phá

phách” của chúng tôi. Được cái, đoàn trưởng của chúng tôi- anh Đinh Tôn (sau này trong chiến tranh chống không quân Mỹ đánh phá miền Bắc anh đã được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang) vốn là một phi công kỳ cựu, xuất thân từ lính trinh sát, cũng là tay nghịch ngợm ranh mãnh, nên rất thông cảm với những trò của chúng tôi, lắm khi còn bật đèn xanh cho chúng tôi nghịch nữa kia.

Đoàn chúng tôi thuộc loại bay khá, tiếp thu khoa học kỹ thuật nhanh. Nhà trường rất mến mộ đoàn của bọn tôi và cũng khá ưu ái trong mọi chuyện.

Càng nhiều người được bay đơn thì đoàn tôi sống càng sôi động. Hầu như không cần phải phát động thi đua, chúng tôi tự ganh đua nhau, tự phấn đấu bay sao cho tốt hơn, khí thế lắm.

Thư từ gửi đi và gửi về của chúng tôi đều bị kiểm duyệt. Hồi ấy nhà nước giữ bí mật về lực lượng nên quản lý khá chặt, không để lượng thông tin bị rò rỉ ra ngoài. Chúng tôi viết về nhà thì thư phải qua hai phong bì; phong bì phía trong là địa chỉ của gia đình, phong bì bọc ngoài là một địa chỉ nào đó thuộc đoàn quản lý lưu học sinh. Về đến nhà, tổ chức mới dán tem Việt Nam gửi đi. Thư ở nhà gửi sang cũng vậy, gửi vào địa chỉ của đoàn quản lý học sinh, sau đó họ mới đóng gói chung, gửi sang cho bọn tôi. Chỉ mấy dòng chữ mang chút tình cảm thôi mà phải qua bao nhiêu dích dắc như vậy, nên khi thư đến tay người nhận thì đúng như một ngày hội. Niềm vui riêng, nỗi vui chung thật rộn rã vì chúng tôi sông với nhau rất chan hoà, cởi mở. Phần vì đã qua thời gian làm quen, hiểu hết được nhau rồi, phần vì cùng cảnh ngộ xa nhà, xa quê, phần nữa, đều là những lính bay, mà không ai hiểu phi công bằng phi công hiểu nhau. Những nỗi vất vả, gian truân, những nỗi buồn vui cùng bầu trời, những niềm đam mê trong khoảng không, những nguy hiểm trong lúc bay thì đúng chỉ là những người bay mới hiểu nhau thật cận kề và thực sự thông cảm cho nhau.

Trong đời bay của bọn tôi, ngay từ thời là học viên nhiều người cũng gặp không ít thăng trầm, thầy nóng tính chửi, đánh ở trên trời cũng có, mắng mỏ ở dưới đất cũng có. Đằng sau những tiếng cười đâu phải không có những dòng nước mắt cay đắng trào tuôn.

Qua những tháng năm mùa Đông rét mướt, tuyết rơi ngập trắng đường, trắng sân bay, lại đến mùa tuyết tan, mùa xuân tới. Mùa xuân đất Nga thật lạ lùng, cảnh vật đổi thay từng ngày đến giật mình, đến ngỡ ngàng. Ngày hôm qua cánh đồng còn tuyết, ngày nay tuyết tan hết để lại một màu đất nâu sẫm, ngày mai thấy hơi phớt xanh, ngày kia đã xanh rờn cả cánh đồng vì lúa mì chồi lên. Cây cối hôm nay còn khẳng khiu, gầy guộc, ngày mai thấy mầm cựa mình, chui qua làn vỏ, ngày kia bật lá xanh, ngày sau nữa đã xanh ngút mắt, tuần sau đó đã là bạt ngàn hoa. Mới biết, sức sống bị kìm nén qua mùa đông đến lúc bung ra nó mới ghê gớm như thế nào.

Đầu mùa hè, khi cả sân bay nở vàng một màu hoa cải, hoa bồ công anh thì là lúc chúng tôi chuẩn bị thi tốt nghiệp, thật căng thẳng, thật hào hứng. Rồi cuối cùng việc gì đến cũng phải đến, chúng tôi kết thúc kỳ thi tốt nghiệp, được phát bằng chứng nhận tốt nghiệp loại máy bay huấn luyện phản lực L-29. Chúng tôi thấy mình chững chạc hẳn và so với những ngày mới nhập ngũ thì già dặn nhiều hơn, ra dáng nhiều hơn.

Trường chọn trong số gần trăm anh em chúng tôi lấy 24 người để đi học bay chuyển loại thăng lên MIG-21, số còn lại chuyển đi học bay MIG-17. Số 24 người được chọn có:

1. Đinh Tôn- Đoàn trưởng
2. Đào Minh Châu- Đoàn phó
3. Nguyễn Văn Khánh
4. Lương Thế Phúc
5. Hà Quang Hưng
6. Phạm Phú Thái
7. Nguyễn Ngọc Hưng
8. Nguyễn Văn Quang
9. Vũ Đình Rạng
10. Lê Toàn Thắng
11. Nguyễn Tuấn Ngòi
12. Nguyễn Tiến Sâm
13. Nguyễn Ngọc Hải
14. Lê Thanh Đạo

15. Nguyễn Đức Soát
16. Nguyễn Văn Nghĩa
17. Võ Xuân Quang
18. Nguyễn Hồng Mỹ
19. Đặng Xây
20. Bùi Văn Long
21. Vũ Như Ngữ
22. Trần Việt
23. Phạm Thành Nam
24. Nguyễn Công Huy.

Cảnh chia tay nhau tại trường thật là bịn rịn, bùi ngùi, kẻ ở, người đi. Cùng một bầu trời, nhưng rồi khác không vực bay, khác chủng loại máy bay, căn cứ sân bay cũng khác, người học ở hệ máy bay cao hơn (MIG-21) người ở hệ thấp hơn (MIG-17). Ngậm ngùi lắm! Có cuộc chia tay nào ở trên đời này mà lại không thế!.



Từ trái sang: Phạm Thành Nam, Nguyễn Công Huy, Lê Toàn Thắng, Nguyễn Tiến Sâm, Nguyễn Tuấn Ngòi.

Nhà trường tổ chức cho mấy anh em bọn tôi đi nghỉ hè ở bờ biển Hắc Hải, tại thành phố Gagra (gần Xô tri). Gọi là Biển đen thật không ngoa vì nước ở đây xanh thẫm gần như đen. Bầu trời thì xanh ngằn ngặt, không sợi mây, nắng vàng chảy chan hoà. Biển đen sẫm, mông mênh, không gian yên bình, không khí trong lành hít thở thấy như lượng ôxy ngấm vào từng phế nang quá dễ dàng và quá nhiều.

Chúng tôi lặn ngụp trong nước biển Hắc Hải, nô đùa để quên đi chuỗi ngày lao động nặng nhọc vừa qua. Biển gột rửa cho chúng tôi mọi lỗi lầm, tặng cho chúng tôi thêm sức lực, nuôi cho chúng tôi bao ước mơ. Cũng ở biển Hắc Hải này, tôi đã học được thuật nằm nghỉ trên mặt biển- tay chân giang ra, bất động và người nổi như một tấm ván, mặc cho sóng đánh trôi dạt đi đâu thì đi. Quả là “đi một ngày đàng học một sàng khôn” là thế. Một tuần từ biển về, da chúng tôi anh nào anh đấy cứ như màu đồng hun. Các thầy cô trông thấy trầm trồ lắm, vì Châu Âu họ rất thích tắm nắng, dự trữ cái sắc da cho mùa Đông giá lạnh.



Đoàn bay đi nghỉ ở bờ biển Hắc Hải (thành phố Xô-tri)

Chúng tôi được chuyển đến trường Krasnôdar học lý thuyết MIG-21. Lại cặm cụi bài vở, bút sách với hàng đống số liệu, lại làm quen với những thầy cô mới, môi trường mới. Cùng học với chúng tôi có học viên của rất nhiều nước như Hungari, Tiệp Khắc, Mông cổ v.v... Thành phố Krasnodar

là thành phố có khá nhiều công nhân Việt Nam mình sang học tập. Chúng tôi gặp nhau mừng rỡ lắm. Ở nước ngoài, thấy được người của quê hương mình hoặc người biết tiếng mình thì vui vô cùng.

Sau khi thi xong phần lý thuyết của MIG-21 thì anh em chúng tôi lại trở lại trường cũ- trường Akhtari- bay lại loại máy bay L-29 nhưng với những chương trình nâng cao hơn. Chúng tôi được huấn luyện những bài bay nhào lộn kỹ thuật phức tạp, bay chặn kích, bay đánh chặn các loại máy bay có tốc độ nhỏ, trực thăng, bay công kích các mục tiêu mặt đất, bay những bài bay tự tìm và tiêu diệt mục tiêu trên không V.V....

Năm thứ hai bay ở loại này (L-29), khi chúng tôi đã quen máy bay, điều khiển được chúng, đã nắm được kỹ thuật rồi, chúng tôi mới sinh sự ra những trò nghịch ngợm mà nhà trường dùng cái từ là “lưu manh trên không” ví như: bay thấp để đuổi bò ở nông trường, bay sát thật thấp qua bãi tắm ở bờ biển, tự nghĩ thêm các động tác nhào lộn không có trong bài bay v.v... Nhà trường phải cảnh báo nhiều lần, nhưng chẳng ăn thua gì. Sau rồi, có một phát minh ghi lại các tham số của chuyến bay (dù rất ít) như độ cao, tốc độ, quá tải, thời gian bay được ra đời và được lắp vào tất cả các máy bay thì nó cũng hạn chế phần nào những hành động ngỗ ngược của chúng tôi.

Kết thúc chương trình bay đề cao, chúng tôi tạm biệt thành phố Akhtari (có lẽ là vĩnh biệt thì đúng hơn vì từ bấy giờ, tôi chưa có lần nào trở lại đây cả). Thành phố, mái trường gắn với chúng tôi bao nhiêu là kỷ niệm. Nơi đầu tiên trong đời đất chúng tôi vào bầu trời với những bước đi chập chững. Các thầy bay đã ví chúng tôi hết như những con sẻ non, mới tập chuyên, cứ thấy đất là đáp xuống, chẳng cần chống gió, chống máy gì hết, mặc cho trượt, cho ngã. Vậy mà sau 2 năm, chúng tôi đã ra dáng một phi công. Công lao của các thầy cô dạy lý thuyết rất lớn. Công lao và ân đức của các thầy-dạy bay rất dày; năm thứ nhất thầy Vaxiliep; năm thứ hai thầy Tikhônốp. Các thầy rất hiền từ, thông thái, kỹ thuật bay rất điêu luyện. Các thầy đã truyền cho tôi bao điều để nắm được thuật bay, để điều khiển máy bay hoạt động, cơ động theo ý của mình. Sau này, khi tôi trở thành giáo viên bay thì tôi lại càng quý trọng những thầy dạy bay của tôi xưa kia.

Thành phố, nhà trường đã nuôi chúng tôi qua những năm tháng xa nhà, xa quê rất tận tình, đã bỏ quá cho chúng tôi biết bao nhiêu là trò nghịch ngợm, phá phách đầy tính con trẻ. Thành phố cũng là nơi cho tôi những người bạn Nga chân tình, uốn nắn cho tôi từng câu sai ngữ pháp, từng cách phát âm, cho tôi hiểu được phong tục, cách sống của người Nga, tính cách Nga.

Xin cảm ơn, cảm ơn ngàn vạn lần mảnh đất này để rồi chúng tôi dứt áo ra đi đến ngôi trường mới, hoàn cảnh mới, thử thách mới. Chúng tôi sẽ vượt qua như đã từng vượt qua ở nơi đây.

Chúng tôi lên tàu để đến Krasnodar. Tàu chuyển bánh và chúng tôi bù ngùi, cổ họng nghèn nghẹn và mắt rung rung. Chia tay, tạm biệt và những khó khăn lại đang chờ chúng tôi ở phía trước.

Đến Krasnodar, chờ đoàn chúng tôi đã có một đoàn bay tốt nghiệp MIG-17 cùng chuyển sang bay MIG-21. Vậy là quân số của đoàn tăng thêm.

Chuyển sang bay MIG-21 thăng từ L-29 lên thì đoàn tôi là đoàn bay thí điểm đầu tiên. Máy bay chiến đấu hiện đại, tốc độ lớn, vũ khí tối tân... các thao tác phải rất nhanh, tính bằng giây, không thể bằng phút được. Có lẽ tốc độ hạ cánh của MIG- 21 là lớn nhất so với tất cả các loại máy bay phản lực chiến đấu, cho đến giờ vẫn vậy. Đó là điều khó khăn lớn nhất cho phi công, đặc biệt đối với những học viên như bọn tôi. Thầy dạy bay của tôi ở loại MIG-21- thiếu tá Bôđanôp hay đùa: ở loại L-29 thì sau khi đổi chuẩn đường băng xong, pha trà uống tàn ấm trà, máy bay cũng vẫn chưa đến điểm kéo bằng, MIG- 21 thì cái rẹt đã tiếp đất rồi- thế mới là máy bay chứ!

Bọn tôi rất lo lắng và cũng quyết tâm hết mức để phải bay được trên loại MIG-21, vì biết rằng đây là loại vũ khí để mình bước vào trận chiến nay mai, không nắm vững nó, thì không bao giờ mình giành được thắng lợi trước kẻ thù.

Dù quyết tâm lớn như thế, nhưng rồi đoàn tôi cũng không giữ được nguyên vẹn, vẫn phải rớt 3 anh xuống bay MIG- 17. Đó là các anh: Đào Minh Châu, Nguyễn Học Hải và Võ Xuân Quang. Ngày chia tay các anh để

các anh về bay ở sân bay Cusốp là ngày buồn và nặng nề hết mức. Tôi có linh cảm là rồi rất khó gặp lại nhau, mà đúng như thế thật; Võ Xuân Quang đã hy sinh tại sân bay Cusốp, khi cất cánh lên, máy bay bị cháy và nổ ngay trên đầu đường băng. Quang là học sinh miền Nam tập kết ra Bắc học. Bảy nhiều năm không được gặp ba, má và các em. Đêm chia tay với tôi để đi Cusốp, Quang tâm sự với tôi biết bao điều mà từ trước tới giờ chưa hề nói cho ai. Quang là người ít nói, nhưng hôm ấy lại nói rất nhiều, tôi chỉ là người nghe, không nói chen vào được tí nào. Vậy là đã ra đi, người trong số bạn bè đồng đội với cái chết rất vô lý. Tôi ngơ ngẩn, buồn bã như người mất hồn mất một thời gian vì nhớ bạn đến xót xa.

Đến giai đoạn chúng tôi tốt nghiệp MIG-21, gộp chung cả đoàn MIG-17 lên bay có các anh:

Phạm Đình Tuân

Trần Thông Hào

Nguyễn Phú Đức

Trần Nhuận

Trần Cung

Nguyễn Cát A

Vũ Xuân Thiều

Ngô Văn Phú

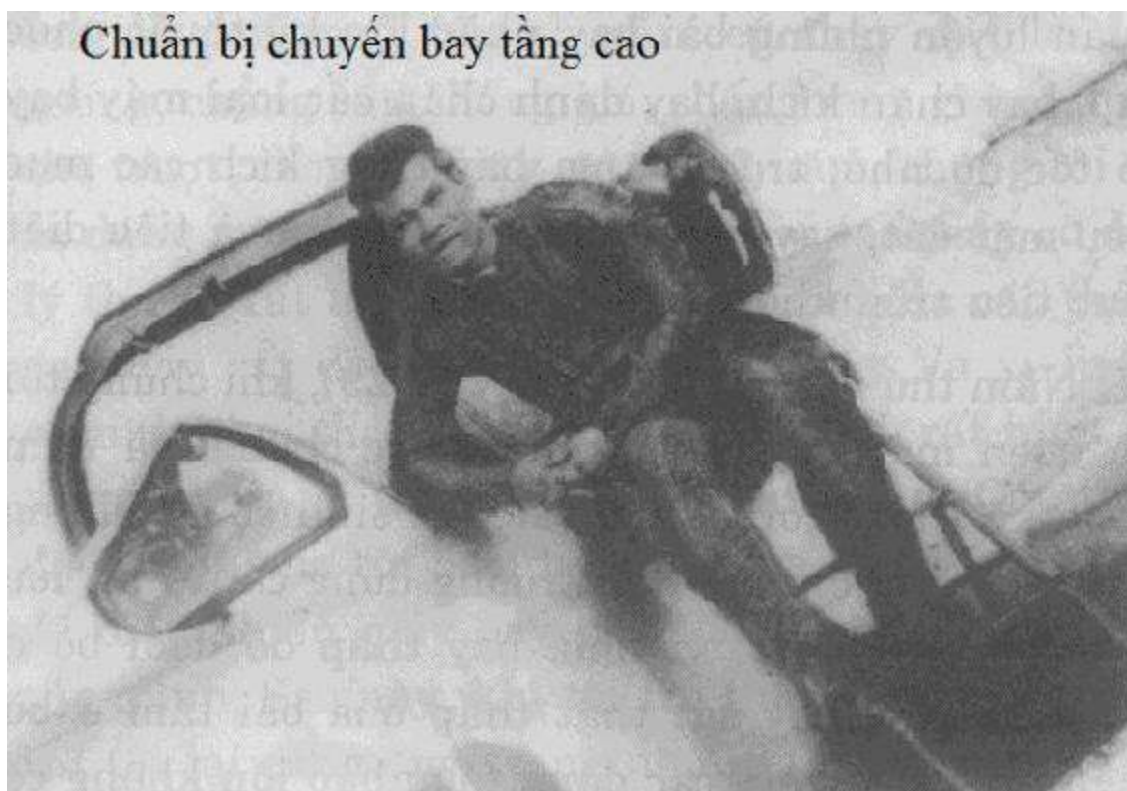
Phạm Văn Mạo

Hoàng Quốc Dũng

Trần Hoá

Nguyễn Ngọc Thiên.

Tổng cộng cả thầy là 33 anh em. Chúng tôi lại không được về nước cùng nhau, mà chia làm 2 đợt. Đợt đầu về có Đinh Tôn, Lương Thế Phúc, Phạm Phú Thái, Hà Quang Hưng. Chúng tôi ở lại huấn luyện thêm khoa mục bay thời tiết phức tạp và giới thiệu về bay đêm.



Những ngày học bay MIG-21, chúng tôi nghịch cũng chẳng kém gì khi bay L-29. Cũng đủ trò; săn bắt chim, trộm cắp hoa quả, đánh nhau.. Thú vị nhất có lẽ là trò đi ăn trộm dưa hấu. Cứ cơm chiều về, nhá nhem tối là mấy đứa bọn tôi mang bao tải, dây buộc rồi lẳng lặng ra khỏi khu ở. Đi vượt qua cánh đồng ngô, cánh đồng hoa hướng dương là đến cánh đồng dưa. Sau khi qua khu vực trồng hướng dương là chúng tôi phải bò, vì địa hình rất trống trải. Trời càng tối thì hành sự càng dễ dàng. Một đầu dây buộc vào cổ chân, một đầu dây buộc vào mép túi hay bao tải, bò ở luống dưa, lấy tay sờ thấy quả nào cuống bé tức là quả đã già, bứt lấy, co chân kéo túi lên, cho dưa vào túi, vào bao, lại bò sờ tiếp. Khi nào thấy chân không kéo nổi nữa, tức là nặng quá rồi thì đình chỉ hoạt động, chuồn về cùng với chiến lợi phẩm. Chúng tôi gọi trò này là trò “đi gỡ bom”. Thật là quá đáng!

Bao nhiêu năm sau, khi học ở Học viện Quân sự mang tên Gagarin có dịp tôi trở lại trường, ra lại cánh đồng, tình cờ gặp lại đúng ông già gác dưa vẫn còn sống, tôi ngồi hàn huyên, nói chuyện cũ rồi ôm nhau cười chảy nước mắt. Không ngờ trò nghịch ấy, mấy chục năm sau mới được giải bày.

Chúng tôi còn phát hiện được một cái ao giữa cánh đồng, có biết cơ man nào là ếch, và ao đó được đặt tên là “ao một triệu con ếch”. Cách vài chủ nhật, chúng tôi lại phái mấy tên “đồ tể” ra đó tiêu diệt các sinh linh loài lưỡng cư này một lần. Lột da chỉ chặt lấy đuôi, tổng cộng khoảng 1- 2 kg là xách về xào nấu um hết cả lên. Tìm cách bắt cả chó để thịt, bỏ câu để nấu cháo, rồi đến mức quạ cũng không từ.

Đứng hạng nhất, nhì là ma quỷ thì chẳng thấy đâu, chỉ thấy các tướng ở hạng thứ ba này quấy phá cũng đã ghê sợ rồi.

Trước khi về nước, nhà trường cho chúng tôi đi tham quan, giao lưu với một nông trường ở Brukhôvétskaia. Brukhôvétskaia là tâm không vực số 4 trong các không vực bay của chúng tôi. Chúng tôi bay vào không vực, lấy Brukhôvétskaia- một khu dân cư như một thành phố nhỏ làm chuẩn và tiến hành các động tác nhào lộn của bài bay với các độ cao quy định.

Đã có lần ở trong không vực này, một phi công trong đoàn bay của tôi khi bay đã để tốc độ vượt tiếng động ở độ cao dưới quy định. Một số cửa kính của nhà cao tầng bị vỡ hết. Ngay sau đó còn có điện của nông trường gửi đến trường phàn nàn rằng ngoài việc cửa kính bị vỡ ra, bò còn không cho sữa và gà cũng không đẻ được.

Và bây giờ thì chúng tôi đến thăm Brukhôvétskaia thực sự, không phải là cảnh ở trên trời nhìn xuống nữa, mà rõ ràng là đi trên mặt đất của nông trường. Thật là một ngày đáng nhớ. Xe chúng tôi đến cách nông trường khoảng 5 km đã thấy bà Chủ tịch và đoàn kỵ mã đứng đón. Những người Côđắc vùng sông Đông này quý khách vô cùng. Lần đầu tiên trong đời tôi được dự bữa tiệc ngoài trời trên đất Nga đầy nghi lễ truyền thống và tính cách Nga.

Khi biết được chúng tôi là những phi công sắp tốt nghiệp để về nước tham gia chiến tranh thì không khí bữa tiệc bỗng chùng hẫng xuống. Một bà mẹ Nga ngồi cạnh tôi oà khóc, ôm lấy tôi và nói rằng: “Con ơi! mẹ đã hiểu thế nào là chiến tranh. Mẹ đã từng tham gia cứu thương. Chồng mẹ, con trai của mẹ đã hy sinh hết trong chiến tranh Vệ quốc vĩ đại rồi, mẹ chỉ còn mỗi một mình. Con còn trẻ quá, mà bọn phi công Mỹ thì chúng nó như những

con sói già. Con làm sao thoát khỏi nanh vuốt của chúng nó được! Con ở đây với mẹ đi, mẹ nuôi con được mà!”

Tôi đã trả lời: “Không! con phải về, con rất cảm ơn mẹ, nhưng Tổ quốc con đang rất cần chúng con!”

Nhiều bà mẹ khóc lắm! Nhiều người khóc lắm! Tôi cũng khóc!

Quả thực, chúng tôi đâu sao cũng vẫn còn là trẻ con, tuổi đời mới 20, thoát khỏi đời học sinh lại tiếp đến đời học viên, lấy đâu ra kinh nghiệm ngoài đời, lấy đâu ra sự va chạm ngoài cuộc sống. Vậy mà nay mai đây thôi, chúng tôi phải qua cổ họng của chiến tranh, phải lăn vào sự tàn khốc đến khắc nghiệt, gian nan đến tột cùng, sự hy sinh hết mình, sự gắn liền với máu lửa, chết chóc, mất mát, đau thương, sự tàn phá đến kinh khủng... Trong chúng tôi đây, những khuôn mặt còn hồng hào, mịn lông tơ... ai sẽ còn, ai sẽ mất!

Bữa tiệc thành thử diễn ra trong không khí nặng nề. Chúng tôi sớm chia tay. Trước lúc lên xe, các mẹ, các chị còn ôm chúng tôi nói qua nước mắt, nghẹn ngào: “Phải sống nhé! Các con phải sống nhé!”. Chúng tôi cũng oà lên, hứa rằng: “Sẽ sống! Chúng con sẽ sống”.

Và có lẽ đấy cũng là lời thề của chúng tôi, lời thề của những phi công mới tốt nghiệp, đứng trước ngưỡng cửa của chiến tranh!

Nhà trường làm lễ tốt nghiệp cho chúng tôi. Cùng đoàn bay 33 anh em chúng tôi, còn có 300 anh em thợ máy, những người nay mai phục vụ đảm bảo cho các máy bay luôn sẵn sàng ở vị trí tốt nhất, chờ xuất kích, những người sẽ gắn bó với chúng tôi ở các tuyến trực chiến, ở các cuộc bay huấn luyện, ở sân bay căn cứ hay sân bay dã chiến, những người sẽ cùng chịu gian nan vất vả cùng chúng tôi, cùng chia sẻ vui buồn với chúng tôi suốt chặng đường bay sau này.

Tạm biệt trường. Tạm biệt thầy cô, bạn bè. Ôn của thầy cô, của bạn bè, chúng tôi sẽ đền đáp lại bằng những chiến công của những lần xuất kích, trong những trận không chiến. Thầy cô, bạn bè chắc sẽ không phải thất vọng về học trò, về bạn hữu của mình. Chúng tôi sẽ sống như đã sống, sẽ chiến đấu dũng mãnh như các phi công mới ra trường cùng ở lứa tuổi chúng

tôi thời chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Chúng tôi sẽ chiến đấu ngoan cường như các phi công lớp đàn anh của chúng tôi đang chiến đấu. Dầu sao thì chúng tôi cũng thừa hưởng được truyền thống anh hùng, cũng học hỏi được ít nhiều kinh nghiệm của các lớp cha anh trong chiến tranh. Chúng tôi sẽ xứng đáng với niềm tin của các thầy cô, bạn bè.

Và đúng thật, sau này khi tổng kết chiến tranh, đoàn tôi đã không phải tủi hổ bởi những năm tháng sống và chiến đấu của mình. 6 người được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang, rất nhiều người bắn rơi máy bay của Không quân Mỹ, trong đó có tôi, cũng đáng tự hào lắm chứ!.

Chúng tôi tạm biệt trường Krasnôdar với tâm trạng vừa bịn rịn, quyến luyến, vừa háo hức mong muốn nhanh trở về quê hương tham gia chiến đấu. Tất cả xáo trộn hết. Và chúng tôi, những đứa trẻ mới 20 tuổi đã phải gánh nặng tất cả những thứ ấy vào cuộc chiến, làm sao mà không già trước tuổi!.

Trung tuần tháng 4 năm 1968, sau 10 ngày 11 đêm nằm trên tàu liên vận thì chúng tôi về đến quê nhà. Ngay những phút giây đầu tiên ở biên giới Tổ quốc, chúng tôi đã hiểu thực sự thế nào là chiến tranh, thế nào là sự tàn khốc, khắc nghiệt... mà ngay mai đây thôi, chúng tôi phải đối mặt với chúng.

Chúng tôi được tranh thủ về nhà mấy ngày. Sự gặp gỡ với những người thân sau 3 năm biệt nơi đất khách quê người, mà mình thì ở trong khung cảnh yên bình, nhưng người thân lại nằm trong khung cảnh đạn bom sống nay, chết mai diễn ra trong nỗi hân hoan đến tột cùng, chẳng sao tả nổi. Bất kỳ lần gặp gỡ nào khi ra đi, tôi lại cứ lo sợ rằng đây là lần gặp cuối cùng của tôi. Trong chiến tranh, cái gì cũng có thể xảy ra cả!.

Chúng tôi trở lại đơn vị, được biên chế vào các đại đội bay của Trung đoàn 921. Lúc bấy giờ Trung đoàn có 2 Đại đội (Đại đội 1 và Đại đội 2). Đoàn chúng tôi được phân chia ra để biên chế về 2 đại đội.

Đại đội 1 gồm các anh:

Phạm Thanh Ngân

Mai Cương
Nguyễn Văn Cốc
Nguyễn Văn Lý
Đặng Ngọc Ngự
Hoàng Biển
Nguyễn Văn Minh

Là các anh cán bộ Đại đội, Trung đội và các phi công lớp đàn anh.

Đoàn tôi thì gồm:

Hà Quang Hưng
Phạm Phú Thái
Nguyễn Văn Khánh
Phạm Thành Nam
Trần Hoá
Hoàng Quốc Dũng
Nguyễn Phú Đức
Bùi Văn Long
Nguyễn Ngọc Thiên
Lê Thanh Đạo
Nguyễn Hồng Mỹ
Nguyễn Văn Quang
Đặng Xây
Phạm Văn Mạo
Vũ Đình Rạng

Đại đội 2 có các cán bộ đại đội, Trung đội và các phi công đàn anh là:

Lê Trọng Huyền
Vũ Ngọc Đĩnh
Đồng Văn Song
Bùi Đức Nhu
Nguyễn Văn Lung
Nguyễn Đăng Kính
Nguyễn Văn Thuận

Và lớp trẻ chúng tôi có:

Đinh Tôn

Lương Thế Phúc

Nguyễn Đức Soát

Nguyễn Tiến Sâm

Nguyễn Văn Nghĩa

Trần Việt

Ngô Văn Phú

Nguyễn Ngọc Hưng

Trần Nhuận

Phạm Đình Tuân

Nguyễn Tuấn Ngòi

Lê Toàn Thắng

Nguyễn Công Huy

Nguyễn Cát A

Trần Cung

Vũ Xuân Thiều

Trần Thông Hào

Vũ Như Ngữ

Khoảng cuối năm 1968 thì Trung đoàn biên chế thêm Đại đội 3 (sau này là Đại đội 5). Các phi công của Đại đội được lấy từ 2 đại đội kia sang. Biên chế của Đại đội 3 gồm các anh:

Đinh Tôn- Đại đội trưởng

Nguyễn Đăng Kính- Đại đội phó

Và 3 trung đội bay

Hoàng Biểu- Trung đội trưởng

Phạm Văn Mạo

Đặng Xây

Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Văn Minh- Trung đội trưởng

Trần Cung

Vũ Đình Rạng

Trần Thông Hào
Nguyễn Hồng Mỹ
Nguyễn Văn Thuận- Trung đội trưởng
Vũ Xuân Thiều
Nguyễn Công Huy
Nguyễn Cát A
Trần Nhuận

Đại đội chúng tôi là đại đội hoạt động chiến đấu ban đêm, tuy nhiên vẫn nhận nhiệm vụ trực chiến ban ngày, nhưng nhiệm vụ chính là đánh đêm. Anh em tôi gọi đùa nhau là thân phận con nhà vạc.

Và thế là cuộc đời của chúng tôi nói chung, của tôi nói riêng bắt đầu lật sang trang- cuộc đời của một chiến sỹ lái máy bay thực sự bước vào cuộc chiến!.

Mơ ước chinh phục tầng cao



Chương III- Thử lửa

Chúng tôi về Trung đoàn cuối tháng 4/1968 thì đầu tháng 5/1968 tôi đã cơ động vào sân bay Sao Vàng Thọ Xuân (Thanh Hoá) để trực chiến. Sân bay được mang mật danh B1. Hồi đó, bọn tôi chỉ được đánh nhau trên vùng trời phía Bắc Sông Lam trở ra. Mọi tiêu chuẩn thì lại được hưởng như những người đánh Nam Sông Lam. Tôi bay số 2 cho anh Đinh Tôn, tham gia bay ra Hòn Mê, Hòn Mát, dẫn đi dẫn về nhưng không gặp địch.

Nhân dân rất quý chúng tôi. Các bà, các mẹ, các chị, các em đến thăm hỏi tíu tít, liên tục. Con gái Thanh Hoá lại bạo dạn, tôi thì mới ở tuổi thanh niên, lăm phen cứ ngượng đến chín cả người vì sự chăm sóc hơi thái quá của các o xứ Thanh.

Chúng tôi phải tập bay thấp, rồi bay cực thấp, tôi gọi những bài bay này là bài “mò cua, bắt ốc”. Không bay thật thấp như thế, thì các tàu rada của Mỹ ở ngoài biển Đông phát hiện ra chúng tôi ngay và tên lửa Talos từ hạm đội sẽ choảng vào lưng chúng tôi liền.

Tổng số giờ bay của tôi khi học ở trường, cả hai loại L-29 và MIG-21 mới chưa được 200 giờ. Đội bay gọi chúng tôi bấy giờ là những con cừ non, còn ngơ ngác, ngỡ ngàng trước mọi việc thì đã được quăng vào lò lửa chiến tranh rồi. Trong chiến tranh, tất cả đều phải tôi luyện, bản lĩnh của một con người dần hình thành và củng cố, phát triển. Nhân phẩm từng người được bộc lộ rõ rệt. Mọi thứ giả tạo, hào nhoáng không còn, tất cả như đều trần trụi, đánh cược trong khói lửa, trong hiểm nguy. Mọi hèn nhát, kẻ cả trong ý nghĩ cũng không có chỗ đứng. Tôi đã được chứng kiến và đã được tôi luyện qua thời kỳ ác liệt như vậy.

Bay thấp, đây gần như là cái thú sở trường của tôi từ hồi còn là học viên của trường, về đến nhà, ở vào hoàn cảnh cơ động trong chiến tranh, nó càng được phát huy. Bọn tôi đã mở những cuộc “quân sự dân chủ” bàn về cách bay thấp. Sau đó một thời đua nhau bay thấp, đến mức có anh bay quệt cả vào bụi tre, giắt theo một cành tre vào bệ tên lửa về hạ cánh, lăn vào sân đỗ trông máy bay cứ như con bò vừa đi vừa nhai lá. Có trường hợp, sau này

bay quệt cả vào đường dây cao thế, phải nhảy dù vớt máy bay, chịu kỷ luật. Nhìn chung, cái gì thái quá cũng đều không hay. Nhưng suy cho cùng, nếu trong giai đoạn chiến tranh, chúng tôi không bay thấp lợm như vậy, thì chắc cũng khó hoàn thành được nhiệm vụ.

Tôi bay quen với địa hình miền trong rồi, nên rất được tin nhiệm chuyển máy bay vào, ra. Máy bay trong đó có gì trục trặc, nếu tôi đang ở trong đó thì bay ra lấy máy bay tốt vào, còn nếu tôi đang ở ngoài này (ý tôi muốn nói là căn cứ của Trung đoàn- sân bay Đa Phúc) thì tôi bay chiếc tốt vào, chuyển chiếc trục trặc ra.

Chỉ mấy tháng trong năm 1968 thôi, mà tôi cũng đã được cất, hạ cánh và trực chiến đủ ở các sân bay trên miền Bắc: Đa Phúc (nay gọi là Nội Bài), Yên Bái, Kép, Kiến An, Gia Lâm, Thọ Xuân...

Chúng tôi chưa được phong quân hàm sỹ quan, Học ở trường, tôi đeo quân hàm hạ sỹ thì bây giờ cũng vẫn vậy. Có anh còn đeo quân hàm binh nhất, tới tận lúc nhảy dù vì có sự cố trong chiến tranh khi tiếp đất, dân quân “tóm được” khai là: binh nhất, chiến sỹ lái mà chẳng một ai tin. Cuộc sống thời chiến cuốn hút chúng tôi, chẳng ai nghĩ gì cho riêng mình, thậm chí có đồng đội hy sinh cho đến tận bây giờ tìm một chiếc ảnh ra hồn để đặt trên bàn thờ mà cũng không có nữa kia.

Suốt năm 1968, tuy xuất kích nhiều, cơ động và trực ở lắm sân bay, lặn lội như thế nhưng tôi chưa lần nào tiếp địch, chưa lần nào không chiến. Có lẽ, mức độ hoạt động của Không quân Mỹ thời điểm đó ở Bắc vĩ tuyến 20 còn ít, và cũng có lẽ cấp trên cho chúng tôi cứng cáp thêm, dặn dõ thêm trước khi giáp mặt thật sự với lũ giặc trời dày dặn kinh nghiệm như những con sói già trên không.

Tổn thất trong chiến tranh là sự thường tình. Thắng lợi của bên này, hiển nhiên là thất bại của phía bên kia, không một ai muốn phía mình bị tổn thương, bị thiệt hại, biết rằng điều ấy không bao giờ là hiện thực, nhưng vẫn cứ mong là như vậy. Lực lượng của chúng tôi so với Không quân Mỹ thì không lấy hệ số tương quan nào để có thể áp dụng được, vì chúng tôi quá mỏng, bản thân một máy bay F.4 (Con Ma) của Mỹ cũng đã có 2 giặc

lái, MIG-21 chúng tôi lại chỉ có một lái. Chúng tôi xuất kích nhiều nhất chỉ là biên đội 4 chiếc- 4 anh em, còn Không quân Mỹ thì bao giờ cũng rầm rộ với đủ các nhiệm vụ trong đội hình: trinh sát, gây nhiễu, chế áp các lực lượng phòng không, quét sạch bầu trời, tốp đánh chính, tốp đánh phụ, lực lượng tiếp viện v.v... mà mỗi máy bay bình quân cứ nhân với 2 giắc lái thì đủ biết có bao nhiêu tên giắc ở trên trời mà mấy anh em chúng tôi phải đối đầu.

Chiến trường trên không không có chiến hào, máy bay chỉ bay tiến, không biết dừng, không biết lùi. Bầu trời mênh mông không có nơi ẩn nấp. Dầu liệu có hạn, không thể bay từ sáng tới chiều, từ ngày này sang ngày khác được. Pháo ở mặt đất, các loại súng phòng không, các loại tên lửa phòng không bắn lên nhằng nhịt như những bức tường lửa. Hòn tên, mũi đạn bất kỳ đâu phân biệt được địch, ta. Đồng đội chỉ một vài người, có khi không có ai. Vào trận rồi, nháo nhào không sao liên lạc với nhau qua đối không được vì nhiễu. Dẫn đường ở mặt đất chỉ dẫn mình đến khi mình phát hiện được địch. Còn đánh ra sao, rút ra sao, về đâu hạ cánh, đi đứng thế nào, thì càng về sau này càng khó chỉ huy, khó liên lạc, vì thường khi xáp trận cũng là lúc bị gây nhiễu đến kinh khủng, nói không ai nghe, cũng chẳng ai nghe được ai.

Đấy! Mọi khó khăn của phi công chiến đấu trong chiến trận là như thế. Những năm cuối của chiến tranh, đặc biệt năm 1972, rất nhiều lần tôi phải xuất kích một mình, làm nhiệm vụ một mình, không những ở bầu trời đất nước mình, mà sang cả nước bạn, tôi sẽ kể sau.

Cũng vì lực lượng anh em tôi ít như thế, nên chúng tôi luôn phải giữ gìn. Lịch sử của cha ông để lại thì đất nước mình trong quá trình giữ nước cũng luôn phải lấy ít địch nhiều, nhu chế cương... vẫn phải tìm mọi cách bảo toàn lực lượng của mình. Chúng tôi cũng cố gắng như vậy, nhưng như tôi đã nói ở trên, cuộc chiến nào mà chẳng có người phải ngã xuống. Tồn thất đầu tiên đến với đoàn tôi là vào năm 1969, biên đội của Trần Hoá (tức Hai Đỏ) xuất kích bay đuổi địch tít ra ngoài biển. Hoá bị bắn rơi, nhảy dù xuống biển, nhưng hôm ấy gió to, sóng lớn, lùng nhùng những dù, thuyền phao trôi mất, rồi còn những gì nữa tôi không rõ... Hoá đã hy sinh ngoài

biển. Mấy ngày sau, xác dạt vào một bãi sù ở Thái Bình. Hôm ấy tôi đang trực ở sân bay Yên Bái, nghe tin mà tất cả anh em chúng tôi lặng đi. Thương tiếc đồng đội vô hạn, thế là đã ngã xuống người đầu tiên. Hoá là học sinh miền Nam tập kết ra Bắc học, rất có nhiều tài vật trong lĩnh vực văn nghệ, thể thao như đàn hát, thủ môn bóng đá, nhào lộn trên lưới, xà v.v... Chúng tôi có mấy người kết nghĩa với nhau, theo lứa tuổi mà định anh, em. Trần Hoá cao tuổi hơn cả, nên được làm anh, gọi theo phong tục miền Nam là anh Hai. Da rất đen nên anh em gọi chệch đi một tý cho có vẻ thi vị là Hai Đỏ. Tôi đứng thứ chín. Vì hồi đó tôi có thể ghé vai vào đầu máy bay MIG-21 nâng được cho còng trước máy bay thẳng được ra nên anh em gọi tôi là Chín Kịch. Sau này, tôi còn rất nhiều tên huý nữa tùy thuộc vào từng thời điểm, từng “chiến tích” của tôi lập ra, ví như khi tôi bị nhảy dù trong một trận không chiến lưng tôi không bị xẹp đốt sống nào, cũng chẳng thấy đau đớn gì thì anh em gọi là Huy “bê tông”, hoặc khi bay sang vùng trời của đất nước Lào, quần nhau với F.4 ở bên ấy, bị bắn túi bụi, tôi vẫn về được, thì anh em lại gọi là “thằng chọc tổ ong”, “thợ không chiến”, “thợ tránh tên lửa”, “Huy hiệp sỹ”, Huy “Tắc giăng”, khi mắt tôi bị kém (bị cận) thì lại còn có thêm cái tên là Huy “loà” nữa. Nhưng đại đa số đều gọi nhau bằng thứ bậc: ví như gọi “Chín ơi” là tôi phải thưa liền. Cho đến tận lúc này, điểm lại thì chỉ còn có 3 anh em “Bảy Việt (trước là Sư trưởng Sư đoàn 371, rồi Tham mưu trưởng Quân chủng Không quân), Tám Soát (Tư lệnh Quân chủng Không quân) và tôi. Gặp nhau, chúng tôi vẫn gọi nhau theo thứ bậc mà thôi.

Anh Hai Đỏ đã hy sinh, chúng tôi, chất nặng thêm mối thù và mong muốn đi trả thù. Đối với tôi, bầu trời chất dày nợ nần; có thể, với người khác thì duyên nhiều nợ ít, nhưng với tôi thì duyên vô cùng ít, mà nợ thì quá nhiều. Nợ cho tới tận bây giờ, cho đến tận lúc tôi nhắm mắt xuôi tay tôi cũng không sao trả hết nợ. Thậm chí, có lúc nghĩ lẫn thân, tôi cho rằng có khi lúc tôi chết, mắt tôi vẫn mở trừng nhìn lên bầu trời mà không nhắm nổi.

Sang năm 1970 thì chúng tôi lại mất thêm 2 người nữa: Phạm Đình Tuân và Phạm Thành Nam. Anh Tuân thuộc lớp lớn tuổi, đã có vợ con. Biên đội của anh, anh bay số 2 cho anh Vũ Ngọc Đĩnh sang đánh ở phía

Tây Trường Sơn, khu vực bầu trời tỉnh Nghệ An. Trận này, anh Đinh bắn rơi một chiếc, còn anh Tuân không về. Anh đã mãi mãi xếp lại đôi cánh của mình ở dải Trường Sơn. Khi nghe bài hát “Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây” thì lòng tôi bao giờ cũng trĩu nặng, nước mắt dâng đầy cứ muốn trào ra vì nhớ đến anh. Một điều ân hận lớn nhất của anh em chúng tôi trong đoàn là không biết anh rơi ở đâu để có thể tìm được hài cốt của anh, đưa về quê nhà. Mãi tận sau này, đến tận năm 2007, nhờ vào thần giao cách cảm của nhà ngoại cảm, gia đình mới đưa được anh về.

Phạm Thành Nam cũng là học sinh miền Nam tập kết ra Bắc, đẹp trai, rất có tài trong lĩnh vực hội họa, cùng lứa tuổi tôi. Nam đi với Phạm Phú Thái (Tham mưu trưởng Quân chủng Không quân, sau là Tư lệnh phó Quân chủng Phòng không- Không quân) vào quần nhau với lũ F4, bị bắn rơi và hy sinh. Không có mất mát nào là không nặng nề. Lòng chúng tôi ngày càng trĩu nặng những nhớ thương, càng đánh lại... Các anh em thợ máy, các anh chị em nuôi quân là những người gần gũi chúng tôi hàng ngày, thương xót chúng tôi lắm. Cảnh thợ máy cầm cần dắt đứng đợi máy bay của mình ở sân bay mà mãi không thấy về, ngậm ngùi vào hầm trực, lúc sau lại ra ngắm... Cảnh các chị nuôi thấy cuối ngày trực, chỉ thấy xách thùng bay không, mà chẳng thấy người về theo là oà khóc hàng loạt... Tôi cho rằng, phải sống với nhau qua thời đạn bom, thật thông cảm cho nhau, quý nhau có thể còn hơn anh em ruột thịt thì mới có được như vậy. Và những điều ấy càng làm tăng thêm trách nhiệm của anh em phi công chúng tôi, quyết ra đi là đánh thắng, ra đi là phải trở về. Và không ít anh em chúng tôi đã làm được như vậy, kể cả lập được những kỳ tích nữa.

Đề tung được một máy bay lên trời cần mấy chục thành phần dưới mặt đất phục vụ: từ thợ các ngành: cơ giới, đặc thiết, quân giới... từ các kíp trực ở sở chỉ huy: tác chiến, dẫn đường, tiêu đề xa, tiêu đề gần, thông tin, khí tượng, quân báo, cơ yếu... đến quân y, nuôi quân.v.v... nhiều lắm! Tất cả những thành phần đảm bảo ấy cũng tựa như những đám mây tích điện, còn chúng tôi- những phi công chiến đấu chỉ như tia chớp giữa trời, tạo bởi các đám mây tích điện kia mà thôi. Hồi ấy, chăm sóc cho chúng tôi ăn uống thì khổ nhất là anh chị em nuôi quân. Bom rơi, đạn nổ đến mấy cũng vẫn phải

gánh com cho chúng tôi đang ở tuyến trực, ngày cũng thế, đêm cũng vậy, anh em tôi đã phải thót lên:

Mai ngày bắn máy bay rơi
Chiến công một nửa, tặng người nuôi quân.

Cũng đủ để biết rằng công lao của ngành hậu cần trong những giai đoạn ấy lớn đến chừng nào.

Gần giữa năm 1970 thì tôi được đào tạo gấp một khoá bay thử máy bay để sang sân bay Tường Vân (Trung Quốc) bay thử và chuyển máy bay về nước. Vì năm 1969, chúng tôi phải sơ tán bớt những máy bay mới lắp ráp sang đó, bảo tồn lực lượng. Kíp của tôi có anh Vũ Ngọc Đình, Nguyễn Đăng Kính, Nguyễn Ngọc Thiên, Nguyễn Tiến Sâm và tôi, được phi công nhà máy của Liên Xô với kinh nghiệm dày dặn, lão luyện trong nghề truyền cho những bài bay thử. Phải nói rằng, sau khoá ấy, trình độ bay, thuật bay của tôi trỗi lên hẳn. Cho mãi tận sau này, khi tôi là giáo viên bay, tôi dạy lại cho các học viên của mình những động tác trong bài bay thử mà có một số anh còn sợ không dám áp dụng. Ví dụ như sau khi cất cánh, thu càng xong, để nguyên cánh tà, giữ tốc độ chỉ khoảng 350- 360 km/h, kéo lên góc theo Agd là 32° , đến đầu đường bay thì độ cao đã đạt được khoảng 2500- 2800m rồi, hoặc vòng mặt bằng- thả cánh tà 25° , bật tăng lực và kéo máy bay sao cho có độ rung (tôi vẫn đùa nói là run bần bặt) để đạt được bán kính vòng nhỏ nhất... chẳng hạn. Không phải ai cũng dám làm và không phải ai cũng làm được chính xác.

Năm anh em chúng tôi cùng mấy tổ thợ máy được chở bằng máy bay IL-14 bay qua Nam Ninh rồi đến Tường Vân. Sân bay Tường Vân là sân bay ở độ cao 2500m so với mực nước biển, cách sân bay Đa Phúc chừng 700km đường chim bay, dọc thẳng Sông Hồng lên. Khí hậu ở đấy khắc nghiệt vô cùng. Ngay hôm đầu tiên sang, khi ngủ dậy tôi phát hoảng vì thấy gối đầy máu, sờ mặt mình cũng đầy máu. Các anh em khác đều thế cả. Ra là vì rất khô hanh, các mao mạch ở mũi vỡ, thành thử bị chảy máu cam luôn. Chúng tôi cứ phải đặt một chậu nước đầy dưới gầm giường của mình để tăng thêm độ ẩm. Nước thì lạnh như nước đá, muốn giặt quần áo lại phải

đun một thùng nước để pha cho bột lạnh thì mới giặt được, chỉ được cái quần áo khô nhanh, vừa mới phơi, quay ra quay vào là khô ngay rồi.

Mỗi tuần chúng tôi tắm có một lần. Đi bộ khoảng 3km ra suối nước nóng, ở đó có suối nước nóng như suối Kênh Gà của nước mình. Tắm ở đó chẳng sợ gì bệnh ngoài da thâm nhập cả. Chết cười là hôm đầu tiên đi tắm, ú ớ thế nào, tôi đi lạc lối, xông vào nhà tắm nữ (vì mình đâu có biết chữ, biết tiếng Trung Quốc). Khoảng 30 vị trần như nhộng ở trong phòng tắm chung la hét loạn lên, cái cảnh hoảng loạn còn hơn cả cáo vào chuồng gà. Tôi cũng hoảng, chạy ra loanh quanh một lúc mới chui được vào nhà tắm nam, tim đập như trống ngũ liên hô đề. Khiếp quá! Bảo vệ sức đi hỏi nhưng chẳng ai biết ai, vì nhà tắm chung lúc nào cũng có khoảng 20- 30 người trần trụi hết, té nước, kỳ cọ, ào ào như chợ vỡ ấy, biết đâu mà lần. Tôi bị phen hú vía ấy, mấy ngày sau mới dám kể cho các anh em khác nghe, đâm hoá đại mồm, đại miệng, cứ bị trêu suốt.

Tốp bay thử của chúng tôi cũng gặp khá nhiều gian nan. Máy bay để lâu một số khí tài hỏng, lại phải đợi ở nhà mang sang mới có cái thay. Bay chuyển nào, lo chuyển ấy. Gió cạnh rất to và gió suốt ngày đêm, bụi thóc mịt mù ngoài sân bay, đi ngược gió không mở mắt được vì như bị ném cát vào mặt vậy.

Tôi nhớ, có một chuyến tôi bay thử một máy bay bị mất lý lịch động cơ. Tâm trạng đầy lo âu, luôn phải sẵn sàng xử lý các bất trắc xảy ra. Tăng lực không có độ giật, chỉ nghe đánh phào một tiếng mà thôi. Lết mãi đến cuối đường băng mới tách được đất. Các động tác ở trên trời tôi không dám kéo cho hết tính năng. Anh em ở dưới đất thì lo ngại, Nguyễn Ngọc Thiên (mấy anh em kết nghĩa với nhau, anh đứng thứ sáu với biệt danh Sáu Cơ-bởi người toàn cơ bắp) kết cho tôi một vòng hoa đại với ý đồ, nếu chuyển ấy tôi bị làm sao thì vòng hoa ấy sẽ đặt lên mộ tôi, còn tôi không sao thì sẽ đeo vào cổ tôi thành vòng hoa chiến thắng. Rất chật vật, tôi mới đưa được máy bay vào đầu đường băng và cho tiếp đất. Tôi lăn về sân đỗ, thì Sáu Thiên ào lên, nhảy vào buồng lái, đeo vòng hoa vào cổ tôi và hôn lên khuôn mặt đỏ bừng, đầm mồ hôi của tôi mà rằng: “Tao chúc mừng thằng Chín, cứ ngỡ phải đặt vòng hoa này ở mồ mày kia!”. Tôi cười và nhại giọng miền

Nam (vì Thiên là học sinh miền Nam tập kết): “Em về em méc tí cho coi. Anh muốn em hồng méc thì phải ghé lưng công em, chịu hôn?”. Tất cả cười vui lắm, có anh thợ máy còn rân rân nước mắt làm tôi cũng cảm động. Thế mới biết rằng, lúc dạy chúng tôi- thầy Ivanốp- phi công bay thử của nhà máy luôn nói rằng, cuộc đời của phi công bay thử luôn gắn với lưỡi hái của thần chết và mỗi một dòng trong “sổ tay người lái” đều được tính bằng máu, bằng tính mạng của bao phi công... quả không ngoa chút nào.

Chúng tôi bay kiểm tra được khoảng chục chiếc thì lại điện về cử người sang bay về. Đợt đầu chuyển về có anh Đỉnh và anh Sâm cùng tham gia chuyển, sau đó hai anh không sang nữa, còn lại mỗi 3 anh em tôi kéo kệt bay, vất vả vô cùng.

Ba anh em tôi là người rút sau cùng, bay 3 máy bay loại MIG- 21f13, đi đội hình 3 chiếc, tôi số 1 anh Kính số 2, Sáu Thiên số 3. Chúng tôi không hạ cánh ở Mông Tự (sân bay ở Trung Quốc nằm khoảng giữa Tường Vân và Đa Phúc) mà dự kiến sẽ về hạ ở Yên Bái. Chúng tôi bay ở độ cao 10 km. Đến sân Yên Bái, tôi thấy dầu liệu có thể đủ cho về Đa Phúc, nên xin về Đa Phúc hạ và được chấp nhận. Chúng tôi giảm vòng quay động cơ, từ từ giảm độ cao, thông trường qua sân bay và vào hạ cánh sau khi bay một hành trình khoảng 700km liên tục và cũng là sau 4 tháng xa Trung đoàn. Đó là một buổi chiều đầu mùa thu, một chiều yên ả lạ lẫm trong chiến tranh. Trời đầy mây trắng trôi bồng bềnh. Nắng vàng nhạt nhòa, sương giăng nhẹ nhẹ, gió se se lạnh, khói lam chiều toả quanh các lũy tre làng. Lòng tôi xốn xang như đứa trẻ xa quê giờ được về gặp mẹ. Thật vui biết bao nhiêu khi đồng đội mình ủa ra đón mình như đón người thắng trận trở về. Thật ấm áp biết bao nhiêu những vòng tay đồng đội, chan hoà cởi mở, thật đẹp biết bao những khuôn mặt rạng rỡ nụ cười...

Tôi báo cáo trung đoàn kết quả của đợt đi công tác xong thì được phép tranh thủ mấy ngày về quê và cũng thật buồn cho chuyện riêng của tôi- chuyển đi ấy tôi đã không giữ được người yêu của mình. Bao nhiêu năm nay tôi cũng chưa gặp lại, lỗi tại ai và ở đâu thì sau này tôi sẽ kể sau.

Kết thúc mấy ngày tranh thủ, tôi về Trung đoàn với tâm trạng nặng trĩu, u sầu. Tôi sống lặng lẽ hẩn. Vốn bản tính hiếu động của tôi như thế mà

giờ phải u uất như vậy thì bạn hữu lo lắng. Anh em đồng viên tôi rất nhiều và ngay sau đó tôi lại được giao nhiệm vụ vào các sân bay trong khu Bốn trực chiến với bao trạng thái, bao tình huống căng thẳng khác trong chiến tranh, tôi không còn lúc nào nghĩ đến chuyện ấy nữa. Nó tĩnh lặng lại, nhưng cũng vẫn cứ như cái dằm nằm trong thịt mình, không lấy ra được, thì thoảng lại gây nổi nhói đau.

Suốt năm 1971, chúng tôi gặp địch cũng nhiều, có một số anh đã kịp bắn rơi được máy bay của lực lượng Không quân Mỹ. Tôi thì không. Dịp may chưa hề đến với tôi, mặc dù tôi cũng là kẻ “lặn lội” đủ ở các sân bay, đón lõng đủ các ngã đường. Hình như bọn chúng sợ vía của tôi thì phải. Có một điều rõ ràng, chẳng biết vía van thế nào chứ bọn Mỹ có hẳn hơn chục tàu đổ ngoài Biển Đông mở rada, dò sóng đôi không liên tục, mặt chúng tôi thì bọn chúng không tường, chứ giọng nói thì chắc bọn chúng quá quen. Chúng tôi đi đâu là chúng dò theo đấy, gây nhiễu, phá phách, choảng bom vào căn cứ bọn tôi.

Thực sự tham gia chiến tranh thì mới thấy hết được sự ác liệt, sự tàn khốc của nó, mới thấy được sự hy sinh, tinh thần quật khởi của dân mình. Cả nước bấy giờ hùng hực khí thế, chỉ biết có chiến đấu, giành giật lấy chiến thắng. Mất mát, tổn thất vậy nhưng ai cũng nén chịu đau thương, lo cho những cái lớn lao của cả một dân tộc. Càng nặng hạn thì đất đai càng khô cứng lại. Lòng người khi sống gặp lắm khó khăn, gian truân có lẽ cũng vậy, ngày càng sắt đá hơn.



Niềm vui sau chuyến bay cao không

Mỗi lần chúng tôi hạ cánh xuống sân bay là thợ máy kéo dắt máy bay đi sơ tán luôn. Định lại đánh đường băng. Dân, quân lại sửa. Chúng tôi lại có thể cất cánh được. Những năm tháng chiến tranh, tôi đã sử dụng khá nhiều loại tên lửa hỗ trợ cho cất cánh, loại ấy có mật danh K.9. Khi có nó thì bọn tôi chỉ cần chiều dài khoảng 300m là có thể cất cánh được. Mà cũng vì nó có lần tôi suýt chết ngay trên đường băng. Hôm đó có phái đoàn của các cán bộ miền Nam bí mật ra thăm miền Bắc, tôi phải bay biểu diễn cho đoàn xem. Động tác của bài bay là cất cánh với tên lửa hỗ trợ, vòng độ cao thấp, cực thấp trên đầu phái đoàn, bật tăng lực kéo thẳng lên, nhào lộn các động tác theo phương thẳng đứng, thông trường cực thấp, kéo lên khoan đứng, hạ cánh theo hàng tuyến hẹp, thả dù trên không (trước lúc tiếp đất) để sử dụng đường băng ngắn nhất và lăn về, báo cáo phái đoàn.

Khi bật tăng lực ở đầu đường băng xong, tôi nhả phanh, máy bay bắt đầu chạy đà, tôi ấn nút khởi động tên lửa hỗ trợ. Máy bay lập tức tách đất. Vì xung lượng của 2 quả tên lửa hỗ trợ lệch nhau nên máy bay vừa tách đất xong là mang độ nghiêng rất lớn, đến mức độ gần như quay ngang. Cánh gần như chạm đất. Các cánh lái liệng ở tốc độ nhỏ không có tác dụng gì. Tôi gần như bất lực, thoáng nghĩ trong đầu là chuyến này là chuyến cuối cùng của đời mình, chắc hẳn máy bay chạm đất ngay ở tích tắc này đây, và một tiếng nổ sẽ phát ra, một cụm khói bốc cao và vĩnh viễn không còn Huy nữa!.

Chỉ huy bay hôm ấy là anh Hoàng Biểu. Anh cũng hoảng, chỉ kịp hô “cần lái trung lập” rồi không còn ra được một khẩu lệnh nào nữa! May sao, phúc đức nhà tôi còn lớn, số phận tôi chưa bị Nam tào, Bắc đẩu gạch xóa tên, nên sau hơn chục giây đồng hồ, tên lửa hỗ trợ cháy hết thuốc, máy bay trở lại trạng thái cân bằng bình thường. Tôi ấn nút vút 2 thùng rỗng, lại tí tẹo tèo tèo nữa thì rơi đúng trận địa pháo Phòng không ở đầu sân bay, thật hứ vớ, đúng là trong hoạ vẫn có phúc thật!.

Tôi kết thúc tất cả các động tác biểu diễn trong vòng 20 phút. Mò hôi ra như tắm, áo quần ướt đầm như vừa ở dưới ao lên. Tôi lăn vào sân cỏ, tắt máy, ra báo cáo đoàn. Trưởng đoàn là chị Ba Định (Nguyễn Thị Định), chị thấy tôi mò hôi mồ kê nhể nhại vậy thì thương lắm, ôm lấy tôi mà nước mắt chị rung rung. Chiều hôm ấy, chị vào trung đoàn tôi, nói chuyện cùng cán bộ, chiến sỹ của Trung đoàn, chị toàn xưng chị và gọi các em, thân mật như người chị cả trong gia đình, không khí đầm ấm lắm. Chị thương chúng tôi vất vả, chúng tôi thương chị, thương đồng bào miền Nam chịu lắm gian nan, hy sinh quá lớn.

Sau này, tôi còn bay biểu diễn, bay chào mừng nhiều đoàn của miền Nam ra nữa và càng về sau này, thì tôi càng củng cố niềm tin vào sự nghiệp giải phóng: dân tộc Việt Nam phải là một- Đất nước Việt Nam phải là một!



Các cán bộ lãnh đạo binh chủng Không quân thăm biên đội trực chiến.
Đứng giữa: Nguyễn Đăng Kính, Nguyễn Công Huy

Cuối năm 1971 thì đoàn chúng tôi chịu một tổn thất nữa. Hôm tôi vừa xuất kích ở sân bay Thọ Xuân (Thanh Hoá) lên, địch phong toả sân bay, tôi phải về hạ cánh ở sân bay Đa Phúc. Vừa hạ cánh xong thì biên đội của Nguyễn Văn Khánh- Lê Minh Dương vào cấp và xuất kích. Chúng tôi đứng tại sân đỗ nhìn theo. Biên đội vòng trái bay lên hướng Thái Nguyên. Mấy phút sau thì thấy một bùng lửa ở trên không, anh Khánh bị bắn rơi, mà là tên lửa phòng không ta bắn nhầm. Anh hy sinh, một cái chết thật vô lý, thật không đáng có. Vậy mà trong chiến tranh nó vẫn cứ xảy ra, ngay cả trước mắt mình nữa mới đau đớn, mới tệ hại. Anh Khánh rơi ở huyện Phú Bình, xã Đạo Đức. Một anh mãi tận sau này mới đưa được về chôn cất ở Nghĩa trang Quỳnh Côi, Thái Bình. Tôi cũng đã kịp có dịp về thắp nhang cho anh ở nghĩa trang quê anh vào những ngày Thái Bình sôi động trong biểu tình chống nạn tham nhũng và về thăm mẹ anh, vợ con anh.

Cho tới giai đoạn này thì có thể nói, anh em lứa chúng tôi đã cứng cáp lên rất nhiều, già dặn rất nhiều. Chúng tôi không còn là những chú cừ non như cách đây mấy năm nữa, mà đã thực sự trở thành những tráng sỹ trong

chiến trận. Bản lĩnh, kinh nghiệm chiến đấu của chúng tôi đã hình thành, đã được củng cố cho ngày càng vững chắc thêm. Kỹ thuật bay của chúng tôi ngày được tôi luyện. Chúng tôi điều khiển máy bay ngày càng thuần thục, ngày càng nghệ thuật hơn, điêu luyện hơn. Hình thái chiến thuật, nghệ thuật quân sự, mức độ tinh ranh trong trận chiến đã có, đã được phát triển. Mỗi người đã có những sắc thái riêng của mình, vững vàng hơn nhiều khi tung hoành trên bầu trời. Các cấp chỉ huy cũng hiểu chúng tôi nhiều hơn, định hướng sử dụng chúng tôi vào từng trận rõ rệt hơn... Kẻ thù của chúng tôi cũng gồm chúng tôi hơn.

Và chúng tôi cũng biết chắc chắn rằng, càng về sau này thì mức độ căng thẳng, ác liệt càng tăng. Chúng tôi không hề sợ hy sinh gian khổ, duy nhất trong đầu chỉ tâm niệm hai chữ chiến thắng! Bằng mọi giá phải chiến thắng! Chúng tôi đã như mũi tên đặt trên dây cung mà cánh cung đang giương căng, sẵn sàng lao đến địch bất kể lúc nào.

Và năm 1972 đến, một năm đầy gian truân, ác liệt, căng thẳng, hy sinh mất mát nhiều, nhưng cũng là năm rực rỡ, huy hoàng với những hoạt động của đoàn bay MIG-21 khoá 3 chúng tôi.

Đầu năm 1972, khi chúng tôi cơ động và trực chiến ở sân bay Thọ Xuân (Thanh Hoá) thì bên phía đất Lào, khu vực Long Chặng- thủ phủ của tên tướng phi tự xưng là vua Lào- tên Vàng Pao, đang bị các lực lượng của Pa thét Lào cùng quân tình nguyện của ta bao vây với ý định lần này dứt khoát phải bắt được Vàng Pao.

Không phải phiên trực chiến của tôi, nên tôi ở nhà định vác súng đi bắn chim thì nhận được lệnh gấp điện thoại với sở chỉ huy. Tôi nhận lệnh một mình bay sang đó gây thanh thế cho bộ đội ta đang bao vây địch và nếu thời tiết tốt, thấy rõ mục tiêu thì cho phép công kích bắn hết cơ số đạn và tên lửa trên máy bay. Chẳng là, trước chiến dịch này, tôi cũng đã được nằm trong lực lượng của biên đội đánh Long Chặng bằng không quân, nên cũng hiểu được đường đi lối lại qua nghiên cứu trên sa bàn.

Dọc đường từ khu sơ tán ra sân bay, tôi mở bản đồ bay ra kiểm tra lại hướng bay, các vật chuẩn, soát lại các phương án sử dụng vũ khí, các

phương án hiệp đồng, xử lý bất trắc, và thế là một mình tôi cất cánh, vòng thẳng hướng qua biên giới Việt- Lào, nhằm Long Chặng lao tới. Đến mừng Lằm thì tôi vút thùng dầu phụ, kéo cao lên 10 km. Hôm ấy, mây đầy trời, lên đến độ cao hơn 6km tôi mới ra khỏi mây. Tính toán theo thời gian thì tôi đã đến khu Long Chặng. Tôi báo với sở chỉ huy về vị trí của tôi, về tình hình thời tiết trên đường đi và tại khu vực tác chiến. Ngay đó, tôi nhận được thông báo có địch- 4 chiếc F.4 bay từ phía Nam lên, ở độ cao 8 km. Sau lần thông báo thứ hai thì tôi phát hiện được địch. Tính toán thấy mình ở thế chiến thuật hoàn toàn có lợi, tôi xin phép công kích. Sở chỉ huy đồng ý, tôi lượn trái lật xuống để chiếm vị. Bọn F.4 quay gấp ngay lại. Tôi đã từng được biết tính năng của F4 rất lợi thế khi vòng mặt bằng, nhưng giờ thì mới thấy tường tận, tận mắt chứng kiến ở mặt phẳng ngang, chúng lợi hại như thế nào. Vèo một cái, hai thằng F.4 đã kéo vào phía sau khoảng 140- 150° so với máy bay tôi. Tôi ráng kéo cũng bám được vào phía sau thằng khác tương tự như vậy. Bọn chúng phóng tên lửa tới tấp. Mỗi máy bay F.4 mang được 6 đến 8 quả tên lửa không đối không. Bốn thằng, vậy là có từ 24 tới 32 quả. Tôi thì lại chỉ có một thân một mình. Máy bay của tôi hồi đó chưa được cải tiến, chỉ đeo có 2 quả tên lửa không đối không mà thôi. Ngu gì mà chúng nó không tranh nhau quật túi bụi vào máy bay tôi. Tôi bằng mọi cách vừa giữ lấy chút thế chủ động, vừa né, tránh tên lửa địch. Hôm ấy rada của mình dưới mặt đất bắt cũng khá chuẩn xác nên giúp tôi cũng được nhiều phen. Hỗn chiến một hồi, tôi cảm thấy mình càng quần lâu càng bất lợi vì ở quá xa căn cứ, rồi dầu liệu có hạn, tính năng cơ động mặt bằng của máy bay mình lại kém, kéo theo phương thẳng đứng thì không đủ tốc độ nên máy bay không “nghe” mình. Tôi xin thoát li khỏi không chiến. Sở chỉ huy đồng ý. Tôi làm một động tác giả, làm một nửa động tác lộn xuống, sau đó nhanh chóng đổi hướng, chui vào mây luôn. Trong mây, tôi đảo hướng bay kiểu “đánh võng” mấy lần liên để đề phòng nếu có thằng nào kịp lao theo tôi cũng sẽ không còn thấy mục tiêu để bám. Lấy hướng quay ngược trở lại. Khi rada dẫn đường dưới mặt đất thông báo tôi ở trên biên giới Việt- Lào thì đèn báo dầu sáng: chỉ còn có 450 lít! Còn hơn trăm cây số nữa mới về tới “nhà”. Cực chẳng đã, tôi đành phải bay ở tốc độ tiết kiệm nhất, đạt được đường bay dài nhất. Lò dò bay ở tốc độ 450- 480 km/h máy bay chòng

chành, chao đảo như chỉ muốn rơi. Tâm trạng tôi không khác gì ngồi trên đò đầy mà nước đã mấp mé khoang. Lo lắng vô cùng, tầm nhìn dưới mây lại kém. Hầu như đi đến đâu nhìn thẳng xuống thì biết đến đấy thôi, chứ nhìn xiên thì chẳng thấy được gì.

Còn cách sân bay ước chừng mấy chục cây số nữa thì kim chỉ dầu trên máy bay chỉ về con số 0. Tôi báo về sở chỉ huy và thấy dưới đó lặn đi một lúc rồi mới tiếp tục thông báo cho tôi vị trí sân bay. Lần này thì lại thông báo sai. Lẽ ra sân bay ở bên trái thì lại thông báo ở bên phải. Tôi nghi hoặc hỏi lại thì bấy giờ mới khẳng định ở bên trái. Để tự trấn an tinh thần của mình, tôi mạnh dạn vặn kim đồng hồ chỉ dầu lên con số 100 lít, mặc dù biết rằng khi kim chỉ dầu chỉ về số 0, mình bật tắt cả các bơm dầu lên cho làm việc thì cũng vét được thêm khoảng 70 lít nữa, nhưng phàm từ xưa tới giờ, luôn xảy ra chuyện là cái gì mình hơi lo lắng một chút thì lại hay để mắt vào đó. Khi bay dầu còn nhiều thì mấy phút mới liếc kiểm tra đồng hồ dầu một lần, còn khi nó đã ở vị trí cạn kiệt rồi thì cứ mấy giây lại dán mắt vào đấy, chừng như muốn thôi miên cho kim nó chạy ngược lên. Vậy là để “chắc ăn”, tôi cứ cho nó còn kha khá một chút cho đỡ phải nhìn.

Máy bay tôi bay cứ ngật ngưỡng như thăng say. Dò mãi mà chẳng thấy địa tiêu nào quen thuộc cả. Tôi cũng hơi hoảng, nhưng lại nghĩ: có vấn đề gì thì mình chủ động nhảy dù, dầu sao cũng là đất của mình.

Mãi rồi cơ may cũng phải đến. Tôi nhìn thấy “hòn củ khoai” (ngọn núi trông như củ khoai lang, phía Nam núi Nưa) và reo lên “tôi đang ở trên hòn củ khoai!” giọng sở chỉ huy cũng đầy lạc quan: “Chú ý, sân bay ở phía trái anh!”. Tôi bay đến núi Nưa, đối chuẩn đài và quyết định xin hạ cánh ngược chiều. Đối chuẩn sau vòng 4 xong xuôi xong, tôi mới thả càng, không thả cánh tà, vì nếu thả cả càng, cả cánh tà sợ phải sử dụng vòng quay động cơ nhiều.

Càng thả xong thì cũng gần đến điểm kéo bằng, máy bay tiếp đất xong thì nghe một tiếng oà rồi lịm luôn: vừa vặn tiêu đến giọt dầu cuối cùng!

Tôi trượt đà vào trong ụ, xuống máy bay người ướt đầm mồ hôi và toàn bộ các dây thần kinh căng đến mức muốn đứt hết.

Tôi lại còn thấy căng thêm nữa khi thợ máy kiểm tra máy bay xong báo cho tôi biết rằng máy bay tôi bị bắn quăn hết ống phản lực kéo dài, gãy 1/3 của một bên bánh lái lên xuống. Tôi không tin, nói rằng tôi vẫn điều khiển bình thường kia mà. Nhưng khi ra tận nơi thì thấy cũng ghê thật: ống phản lực bằng thép chịu nhiệt, cứng như thép mà quăn như vỏ đỗ, bánh lái lên xuống bên trái thì cụt mất 1/3. “Ái chà! Cái lũ F.4 lão toét này đã đập vào đít ngựa của tao rồi! Chúng mày giờ hôn! Tao không tha cho chúng mày đâu”!

Tôi báo về sở chỉ huy mọi diễn biến và sở chỉ huy cứ hỏi đi hỏi lại xem tôi có kịp bắn quả tên lửa nào không. Nhưng tôi không kịp bắn. Con nhà nghèo, chỉ có 2 quả nên phải chắc ăn thì mới xài. Trận này có một chiếc F.4 rơi phía Tây khu vực Yên Thành- Nghệ An. Ra lũ chúng nó bắn vào nhau. Đứng ra thì phải ghi nhận thành tích ấy cho tôi, vì không có tôi thì làm sao mà chúng nó bắn vào nhau được. Nhưng rồi tôi không có duyên hưởng cái hên ấy.

Sau trận tôi ở Long Chặng về, bạn hữu gọi tôi là thằng “chọc tổ ong” và tôi lại có thêm cái tên huy nữa từ đây.

Sau này, Chính phủ, nhân dân và các bộ tộc Lào tặng tôi Huân chương chiến công- Huân chương SAMALOT để ghi nhận sự cống hiến của tôi trong chiến dịch ấy. Tôi vô cùng cảm ơn Đảng, Chính phủ, nhân dân và các bộ tộc Lào đã quan tâm đến cá nhân tôi, và tôi hiểu mình phải làm tốt nghĩa vụ Quốc tế hơn nữa, nhất là với các bạn Lào.

Tháng 3 năm 1972, đoàn tôi chịu tổn thất vô cùng vô lý với lực lượng ở miền Trung và ngoài Bắc. Máy bay Li-2 chở toàn bộ bộ khung của Trung đoàn tiền phương vào sân bay Gát thì bị tên lửa đất đối không SAM-2 của ta bắn rơi ở khu vực Vinh- Nghệ An. Tất cả số người đi trên máy bay đó hy sinh hết. Đoàn bay của chúng tôi có anh Phạm Văn Mạo và một số thợ máy cùng bay trên chuyến đó. Anh Mạo lấy vợ đến hơn 10 năm, trước đó vài tháng mới sinh được cháu gái, chẳng rõ khi anh mất, anh có kịp về thăm vợ con anh được hay không nữa.

Những năm gần đây, chúng tôi mới có điều kiện về thăm được con anh (ở Thái Bình). Cháu giống anh như tạc, đã xây dựng gia đình. Gia đình của chồng cháu cũng là gia đình Liệt sỹ nên thông cảm và thương quý cháu lắm. Anh Mạo chẳng có tấm ảnh nào để lại, tìm mãi mới tách được anh ở trong ảnh chụp chung cả đoàn hồi còn học viên đề trên bài vị thờ anh. Tội nghiệp như vậy đấy!.

Chuyến bay của Li-2 vào Nghệ An trước đó có hạ cánh ở Sân bay Thọ Xuân- Thanh Hoá. Hôm ấy, tôi đang trực chiến ở sân bay, còn kịp bắt tay, chúc tụng các anh trước lúc lên đường. Vậy mà ai ngờ, khi kíp trực của tôi đang được giao nhiệm vụ đánh B.52 thì nhận được điện thoại báo về sự cố kia. Tôi nhớ, thủ trưởng Trần Mạnh sau là Tư lệnh Quân chủng PK- KQ và từng giữ chức Cục trưởng cục HK dân dụng Việt Nam nghe điện xong, lặng người đi mấy phút, rồi lại quay lại sở chỉ huy hỏi máy bay bay vào hay bay ra? Nếu máy bay bay ra thì chỉ chờ có mình anh Đình Tôn thôi, còn bay vào thì... thế đấy! Chúng tôi sững sờ và cảm lạnh trong nỗi buồn thương. Nghe rõ cả tiếng rơi của những giọt nước mắt tiếc thương đồng đội mình.

Tôi chẳng rõ kíp trực của trận địa tên lửa kia có bị kỷ luật không, bị ra sao và họ rút kinh nghiệm như thế nào. Nhưng có lẽ từ giây phút ấy trở đi, tôi rất hoài nghi về công tác hiệp đồng và luôn phải đề phòng “mấy ông” này. Về sau, chính sự đề phòng ấy đã cứu tôi ra khỏi bàn tay của tử thần mà suýt nữa thì “mấy ông tên lửa” nộp không tôi vào lưỡi hái của thần chết.

Cùng ngày 3/3 ấy, ở sân bay Đa Phúc, Bùi Văn Long sau khi xuất kích về, khi hạ cánh chỉ thả được 2 càng, chiếc càng chính bên phải không ra, không rõ vì nguyên nhân gì. Chỉ huy bay không giúp được Long. Máy bay sau khi tiếp đất, chạy xoay đâm vào ụ pháo và báo hại thay, khi hạ cánh, Long lại không ghì chặt dây dù bảo hiểm người vào ghế, chính vì vậy, khi máy bay đâm vào ụ, Long bị lao người về phía trước, đầu đập vào kính ngắm, kính ngắm bị vỡ, một mảnh thủy tinh đâm thủng hộp sọ. Lôi được Long ra khỏi buồng lái thì thấy trán có một lỗ bằng ngón tay sâu hoắm vào trong, óc từ đó rỉ ra. Thôi! thế là thôi rồi! Cái chết sao mà rõ nhanh, sao mà rõ vô lý! Ai đời, tung hoành mãi trong chiến tranh chẳng sao, lại bị trong

trường hợp rất ngớ ngẩn thế này thì đúng là đất trời đối với chúng tôi nhần tâm quá!.

Long được chôn cất ở nghĩa trang Trần Hưng Đạo trên Hương Canh. Hàng năm, cứ ngày 27/07 và trước Tết, thế nào tôi cũng đến đây thắp nhang tưởng niệm anh em. Cùng năm với Bùi Văn Long ở đó còn có anh hùng Đặng Ngọc Ngự, anh Tiếp phi công MIG-19, út Hải (út trong đám anh em kết nghĩa với tôi) bay trên L-29... và mấy anh em khác nữa...

Cũng đầu năm 1972 này, do nhu cầu phát triển lực lượng, Không quân được biên chế thêm một trung đoàn nữa- Trung đoàn 927 (gọi là Trung đoàn Lam Sơn) ra đời ngày 3/02/1972. Đoàn bay của tôi san ra như ong chia đàn. Người đi, kẻ ở, cũng lăm ý kiến lăm. Trung đoàn trưởng 927 là anh hùng Nguyễn Hồng Nhị. Trung đoàn trưởng Trung đoàn 921 là anh hùng Nguyễn Ngọc Độ. Các anh Đạo, Sâm, Soát, Nghĩa... thì sang 927. Tôi, Việt, Thái... và số đánh đêm thì ở lại với Trung đoàn 921. Vậy là từ đây, chúng tôi phải xa nhau, mỗi người mỗi nhiệm vụ, cùng ở trên trời đấy, nhưng mỗi người ở một rãnh sóng khác nhau, chẳng nghe được tiếng của nhau nữa, nói chi thấy mặt. Và cũng là từ đây, chúng tôi ngăm ganh đua nhau xuất kích, ganh đua nhau bắn rơi máy bay trong các trận không chiến, ganh đua nhau nhận các nhiệm vụ..

Cả hai trung đoàn chúng tôi về sau đều được tuyên dương anh hùng và ở cả hai trung đoàn, một số anh trong đoàn bay của tôi cũng được tuyên dương anh hùng các lực lượng vũ trang.

Càng về sau này thì địch càng tích cực thay đổi thủ đoạn chiến thuật để đánh phá. Cũng bởi lực lượng phòng không của ta lớn mạnh hơn, cũng bởi lực lượng không quân dù là non trẻ nhưng chúng không thể coi thường như thời gian đầu coi là những con muỗi mắt nữa. Cũng bởi vũ khí sử dụng trong chiến tranh Việt Nam ngày càng được cải tiến hơn. Cũng bởi cách đánh của chúng tôi cũng đa dạng hơn v.v... Nếu như mấy năm trước đây, lực lượng cường kích (đeo bom) trong đội hình của chúng nhiều, tiêm kích (đánh chặn) ít hơn thì nay thay đổi ngược lại. Trong đội hình 32 chiếc vào đánh phá mục tiêu, có khi chỉ 4-8 chiếc đeo bom laze, 2 chiếc chiếu lade, còn đâu là tiêm kích đơn thuần làm nhiệm vụ quét sạch bầu trời, yểm hộ

trực tiếp, yểm hộ khu vực cho số ném bom kia. Phải công nhận rằng, sự ra đời của vũ khí laser quả là lợi hại. Có cây cầu hàng bao nhiêu năm trời, đánh phá tốn hàng ngàn tấn bom đạn, bị rơi hàng trăm máy bay nhưng cầu vẫn đứng trơ trơ, nhưng khi xuất hiện bom laser thì 4 chiếc của chúng đeo bom với 2 chiếc chiếu tia laser đã đánh sập cây cầu.

“Vỏ quýt dày cũng có móng tay nhọn”. Các mục tiêu mặt đất của mình khi cần bảo vệ khỏi sự đánh phá bởi loại vũ khí laser này là đốt khói để khói trùm kín mục tiêu. Tia laser mất tác dụng, bom rơi chệch mục tiêu hết.

Cũng sang năm 1972, địch hầu như chỉ sử dụng độc một loại máy bay là F.4 (Con Ma) có cải tiến thành F.4E- mang vũ khí nhiều hơn, bắn được khi đang bay đối đầu, góc bắn lớn, tính năng tốt hơn, và như vậy, chúng tôi càng vất vả, chật vật hơn khi phải không chiến với chúng.

Ngày 10/05/1972, tôi và Cao Sơn Khảo (bay số 2 cho tôi) xuất kích từ sân bay Đa Phúc, bay về hướng Tuyên Quang, Lấy độ cao đến 6 km thì chúng tôi được thông báo có địch. Tôi phát hiện thấy một tốp bay ngược chiều. Ngay lập tức cánh máy bay của chúng nó có những điểm chớp sáng. Tôi biết là chúng bắn tên lửa đối đầu, hô cho Khảo cơ động. Lại phát hiện luôn một tốp đã ở phía sau, tiếp tục hô khẩu lệnh vút thùng dầu phụ, tăng lực cơ động. Nhưng trong trận này, địch dò được tần số sóng đối không của mình, gây nhiễu liên tục, tôi hô chắc Khảo cũng chẳng nghe thấy, mà Khảo báo cáo tôi cũng chẳng nghe được. Sở chỉ huy cũng chẳng chỉ huy được chúng tôi nữa, mặc dù mấy lần chuyển sang kênh sóng dự bị rồi. Biên đội chúng tôi mất nhau, chỉ biết vẫn ở trong khu chiến ấy thôi, chứ mọi mối liên lạc bị đứt hết, đành phải chiến đấu đơn độc vậy. Bọn chúng bắn tôi rất nhiều. Cơ động thấy chúng hơi khuất đằng sau là lại phải kéo tiếp, lại thấy đôi quả tên lửa trượt qua dưới cánh mình. Thằng F.4 chuyên đòi phóng 2 quả một. Có lúc không thấy máy bay, nhưng linh tính mách bảo phải cơ động, vừa kéo cần lái thì đã thấy tên lửa chúng bắn mình vèo qua. Tôi vừa cơ động vừa nghĩ, sao chúng nó bắn lắm thế. Khi về rút kinh nghiệm thì mới biết rằng chúng tôi đã xông vào ổ tiêm kích với đội hình 24 chiếc F.4 mà anh em tôi chỉ có 2, vào trận lại mất nhau nữa thì gian nan là chuyện đương nhiên. Vượt qua tít trên đầu tôi là đường tên lửa bay, trước đó là một

máy bay. Vì ở xa, tôi không rõ đây là MIG-21 hay F.4 (bởi hai loại máy bay này đều cánh tam giác, trông xa thì đều như ví ruồi cả). Tôi chưa kịp hô “cơ động gấp” thì tên lửa đã đâm thẳng vào máy bay, bốc cháy bùng bùng. Lại hô “nhảy dù” thì thấy chiếc vừa bắn chiếc kia xong bị bắn cháy ngay tắp lự. Tôi lại hô nhảy dù tiếp. Hô đến khản cổ chẳng thấy chiếc dù nào ra hết. Tôi đoán chắc rằng: Khảo đã bắn một chiếc và chiếc khác bắn Khảo. Sau đúng như thế thật.

Bây giờ thì còn mỗi một mình tôi thôi, bọn chúng quây vào như ruồi bầu. Tôi phải cơ động liên tục. Rẹt, một thằng vượt qua mặt, tôi ghé đầu máy bay của tôi vào, ngắm sơ bộ và phóng luôn một quả tên lửa, xong cơ động luôn. Lại thấy mình bị thằng sau bắn nhưng không trúng. Tôi quyết định thoát ly khỏi cuộc chiến. Lật úp máy bay xuống và kéo cho bay sát ngọn cây trên rừng Tam Đảo, lấy dãy Tam Đảo che cho tôi ở một phía, tôi chỉ còn phải cảnh giới một phía thôi, tôi bay về sân bay. Đến khoảng hồ Đại Lải thì lại nghe được thông báo có một tốp địch bay từ Hoà Lạc sang. Bọn chúng về sau này hay sử dụng cái bài phong toả sân bay, sẵn lòng các máy bay đi chiến đấu về hoặc mới cất cánh lên để bắn và cũng đã có vài lần thành công trong chiến thuật ấy.

Những thằng phi công bay ở những tốp này là bọn rất kỳ cựu trong nghề bay, tôi gọi là “những thằng du mục” rất nguy hiểm khi gặp chúng. Tôi sẽ kể về chúng sau. Còn bây giờ, tôi bắt buộc phải cất lấy hướng về sân bay Kép. Dầu liệu thì sắp cạn, lại bay thấp nên càng tốn dầu. Phát hiện thấy sân bay Kép, tôi thông qua thật thấp, thấy yên ổn thì làm hàng tuyến hẹp vào hạ cánh luôn. Đến trước đài gần thì thấy một chiếc MIG-17 ở đâu bay tạt vào cũng hạ cánh mà đang ở độ cao kéo bằng rồi. Máy bay tôi thì tốc độ lớn, MIG-17 thì tốc độ nhỏ, đâm vào nhau như chơi, nhưng không còn đủ dầu để bay lại nữa. Tôi hạ cánh ở một bên mép đường băng, ngang MIG-17 là tôi đạp phanh đưa máy bay tôi ra cỏ, tắt máy. Thợ máy kéo máy bay tôi vào trong ụ và anh nào anh ấy mắt mũi đều trợn ngược lên vì máy bay tôi bị mấy chục lỗ đạn suốt từ đuôi máy bay lên hai cánh, đến cả thân, chóp nón cũng bị, chỉ chừa có mỗi buồng lái tôi ngồi là vô sự. Lỗ to nhất là bằng âm pha trà. Lỗ vừa thì bằng quả trứng gà, còn các lỗ nhỏ như hạt ngô. Tổng

cộng hơn 30 lỗ cả thảy. Anh em phán đoán tôi bị súng Vuncal 6 nòng của F.4 bắn, nhưng tôi cãi là không có thằng nào tiếp cận được gần tôi để sử dụng súng. Kiểm tra chính xác là các mảnh nổ của tên lửa. Máy bay tôi sơn màu nguy trang vẫn vẹn, nhưng vì bị thủng nhiều nơi nên phải thay cánh, thay bánh lái lên xuống... màu trắng (không sơn kịp), trông như quần áo hề trong rạp xiếc vậy.

Tôi có thêm tên gọi “thợ tránh tên lửa” sau trận này.

Lại nói về Cao Sơn Khảo. Sau khi Khảo bắn rơi một chiếc thì Khảo cũng bị bắn. Khảo rơi ở chân dãy Tam Đảo đằng mạn Tuyên Quang. Mấy năm sau mới tìm thấy xác. Dù có mở, tức là có nhảy dù, nhưng sao lại hy sinh thì đến giờ cũng vẫn còn lại câu hỏi với những sự phán đoán. Mộ của Cao Sơn Khảo ở nghĩa trang liệt sỹ huyện Yên Bình- Yên Bái. Chàng trai Ý Yên- Nam Hà đánh bóng bàn bằng vợt dọc đã gửi lại xương cốt mình nơi rừng núi. Tôi đau buồn vô hạn, tôi đã cắt tóc đầu mình, thề với trời đất rằng tôi sẽ không bao giờ để mất thêm một số 2 nào nữa, và lời thề ấy chừng cũng linh nghiệm. Suốt chiến tranh, nhiều anh bay số 2 cho tôi như Đỗ Văn Lanh, Lê Văn Hoàn, Bùi Thanh Liêm, Trần Sang... chỉ có thể tạm lặc nhau trong chiến trận thôi chứ không mất như Khảo nữa. Cũng chính từ ngày ấy, năm nào đến tháng 5, tôi cũng cắt tóc đầu mình. Mấy cô chị nuôi cho tới giờ gặp tôi vẫn gọi tôi là ông sư! Tôi giữ lệ này đến tận khi tôi làm cán bộ đại đội bay mới thôi.

Tháng 6 năm 1972 có lẽ là tháng chúng tôi giành thắng lợi ròn rã. Lửa của tôi hầu như ai cũng lập công. Tháng 6 là tháng chúng tôi bị tổn thất ít nhất. Tôi cũng bắn rơi một chiếc F.4E vào những ngày cuối tháng 6 này trên vùng trời Hoà Bình.

Hôm ấy, tôi với Trần Sang (bay số 2 cho tôi) xuất kích từ Sân bay Đa Phúc. Mây dày đặc, nhiều tầng, nhiều lớp. Xuyên lên khỏi mây thì Sang không thấy tôi, còn tôi đã lấy hướng vào khu vực chiến đấu và tình hình rõ ràng là khá khẩn trương (qua giọng thông báo của trạm dẫn đường mặt đất). Tôi đề nghị dẫn Sang về hạ cánh, còn mình tôi tham chiến. Sở chỉ huy đồng ý, cho Sang về và dẫn tôi đi. Đến vùng trời Hoà Bình, tôi phát hiện thấy một tốp 24 chiếc, xin vào công kích, được phép và tôi “đơn thương, độc

mã” xông vào cái đám ấy. Đội hình của chúng rối loạn. Chúng áp dụng chiến thuật “đan chéo” kiểu cắt kéo để tránh bị công kích, tôi đợi đúng lúc một thằng vừa làm động tác đảo lại, thời điểm quá tải nhỏ nhất là tôi phóng tên lửa và thoát ly.

Đến giai đoạn này thì đúng là bọn giặc trời gồm chúng tôi một cách thực sự. Nếu như chúng không nắm được chủ động về thể chiến thuật thì đội hình chúng chủ yếu xé lẻ, tan tác để tháo chạy, tránh bị công kích là chính. Số lượng máy bay Mỹ rơi quá nhiều, số giặc lái bị bắt, bị đưa vào nhà giam mà bọn chúng thường gọi là “khách sạn Hinton” cũng quá đông. Thằng nào cũng sợ, cũng nằm trong tâm trạng nơm nớp khi bay vào không phận Bắc Việt. Còn đối với chúng tôi thì chúng tiêu diệt mãi sao mà không thấy hết, vẫn thấy chúng tôi hoạt động khắp nơi, đánh nhau liên tục cả ngày lẫn đêm... thì có lẽ chúng không sao hiểu nổi.

Tôi còn có trận đi cùng anh Thái, gặp địch ở vùng trời Hoà Bình lần nữa. Cả hai anh em cùng bắn, nhưng chúng cơ động ghê quá, chúng tôi dễ lỡ mất cơ may, về cứ tiếc mãi.

Lại nói về bọn “du mục” mà tôi từng đề cập đến ở những trang trước. Chúng là những tên lái giàu kinh nghiệm, sành sỏi trong chiến tranh, dày dạn trong không chiến, kỹ thuật bay. Chúng cũng áp dụng kinh nghiệm của các lực lượng không quân trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Chúng thường bay thấp, với đội hình 4 chiếc, lập các không vực tự tìm kiếm để tiêu diệt mục tiêu trên không, chủ yếu ở hai đầu loa cắt hạ cánh, “rình” những máy bay cất cánh lên hoặc về giảm tốc độ vào hạ cánh. Đây là thời điểm dễ “làm ăn” nhất của bọn chúng vì máy bay ta lúc đó tốc độ thường nhỏ, cơ động kém, lại sơ hở vì gần ngay căn cứ mình rồi, ít tăng cường quan sát. Đã mấy lần chúng tôi bị chúng “vò” trong những trường hợp như vậy và chúng tôi cũng đã bị tổn thất. Qua những lần như vậy, chúng tôi phải cảnh giác hơn rất nhiều. Cũng từ đó mà chúng tôi sinh ra chiến thuật lập hàng tuyến thật hẹp để vào hạ cánh, độ cao chỉ 20- 30m. Kéo lập xong vòng 4 là đến độ cao kéo bằng. Thời gian ở trên không rất ngắn, bọn chúng đành bó tay.

Một lần, anh Thái và tôi bay tuần tiễu về khu vực Tuyên Quang (sau khi anh Thái mất số 2 là Võ Sỹ Giáp, tôi mất Cao Sơn Khảo, thì hai chúng tôi cũng hay đi với nhau, cũng “sáng tác” được một số động tác riêng cho biên đội như “cắt chéo”, “cơ động phản kích đôi đầu”... rất có tác dụng đối với chúng tôi trong không chiến). Máy ở khu vực ấy khoảng 5- 6 phần. Tôi quan sát quanh quần, nhìn xuống dưới bụng máy bay mình thì chợt thấy 4 thằng đang bay thấp cắt từ phải qua trái. Tôi hô cho anh Thái biết: “Bốn thằng “du mục” đi từ phải sang, ngay dưới bụng mình đấy!” Anh Thái cũng phát hiện và lập tức chúng tôi vút thùng dầu phụ, lật úp máy bay để chiếm vị công kích. Anh Thái lao vào bắn một quả tên lửa, một thằng bùng cháy giữa trời. Tôi lao theo 3 thằng thì bọn chúng quay gập vào bụng tôi tháo chạy. Máy bay của anh Thái không hiểu sao bị gãy ống không tót. Mọi đồng hồ trong buồng lái không làm việc nữa vì hỏng hết cả hai hệ thống khí áp tĩnh và động. Anh ấy la như cháy nhà. Tôi phải bỏ mục tiêu, nhào lên bay cạnh anh ấy, không chế tốc độ cho phù hợp và dẫn về hạ cánh. Dọc đường bay, anh ấy hò la rất nhiều, phần vì phấn khích, phần vì lo lắng cho chuyến bay. Thôi thì đủ cả lời nói vui, nỗi lo âu, câu chửi thề tục tĩu. Không ai có thể xen vào được, chỉ đến lúc hạ cánh xong anh mới chịu lặng im thôi!

Hầu như những tháng cuối năm 1972, bọn tôi xuất kích rất “âm thầm”, “người ngựa ngậm tăm” lủi theo độ cao thấp đi đến một điểm nào đấy mới tăng lực kéo cao, mới liên lạc, bởi nếu không như thế, thì bọn tôi bị gây nhiễu đối không ngay lập tức và không ai chỉ huy được ai hết. Tôi còn nhớ, dễ có đến gần 20 phương án. Khi nhận lệnh báo động vào cấp là nhận phương án luôn, đi đứng ra sao, bọn tôi phải thuộc như lòng bàn tay mình, ấy thế mà bọn Mỹ dò ra sóng đối không rất nhanh, phá sóng rất dữ, gây không ít khó khăn cho chúng tôi trong chiến trận.

Mặc dù những ngày chiến đấu căng thẳng, ác liệt diễn ra như vậy, nhưng “máu học trò” của tôi lựa có thời điểm nào có đất hoạt động là lại sống lại. Chúng tôi đi trực chiến thường rất sớm, khoảng 3 giờ sáng là phải dậy rồi. Có một lần khi xuống xe trực, qua nhà bếp, vì còn sớm quá, lái xe chưa ra, chị nuôi thì ngồi ngủ gục tại bếp, tôi liếc thấy bên cạnh có bộ áo mưa, liền xâu que treo lên xà bếp, kiếm được đôi giày hỏng buộc ở dưới áo,

trông tựa người treo cổ. Xong rồi, tôi đến ngồi cạnh chị nuôi hừ một tiếng. Cô chị nuôi giật mình choàng dậy, mắt nhắm mắt mở, chống tay vào đúng cái đầu trọc lóc của tôi, rú lên, chạy nhào ra cửa, chưa định thần được thì lại thấy người treo cổ ở trước mặt. Rú tiếp một tiếng nữa và không thể chạy nổi, khụy xuống, vừa bò vừa la. Tôi lĩnh cửa sau, đi ngược đường coi như chẳng có chuyện gì xảy ra hết. Toàn bộ khu bếp báo động, súng ống lên đạn lách cách. Cô chị nuôi nói hụt hơi là bếp có ma. Mọi người chạy xuống bếp thì thấy áo mưa treo, oà lên cười. Bấy giờ thì cô chị nuôi mới lấy lại tinh thần oà lên khóc... Chuyện cứ làm tôi ân hận mãi tới tận bây giờ vì những trò nghịch ngợm không đâu của mình.

Đề động viên kịp thời những anh bắn rơi máy bay Mỹ, chúng tôi hay bày trò tạo một cái gì đó bất ngờ. Hôm anh Đỗ Văn Lanh (sau này được phong danh hiệu anh hùng các lực lượng vũ trang) bắn rơi một chiếc F.4, tôi ở nhà (ở trong hầm thì đúng hơn) hì hụi lòi một chiếc bảng đen ra, vẽ một phi công mắt nhắm mắt nhắm lợi bóp cò súng, phía trước, một thằng F.4 cháy cắm đầu xuống, cánh vỡ ra từng mảnh, cạnh bảng là dòng chữ to: “Hoan hô thằng Lanh”. Xong, tôi đem bảng ra treo trước hầm, cốt khi Lanh về thấy đề mừng. Ai dè, tôi bị vạ vì cái trò này. Số là Lanh chưa về thì chính uỷ đã đến trước giờ để báo tin, nhìn thấy tấm bảng, ông đứng sững lại, ngấm nghĩa gật gù, mắt nhấp nháy rồi hỏi: “Vẽ đẹp đấy, nhưng ai vẽ?”. Tôi đứng ra nhận thì lại được hỏi một câu tiếp: “Sao lại đề là thằng Lanh mà không là đồng chí Lanh?”. Tôi trả lời: “Bạn bè vẫn gọi nhau mày tao thì đề bằng thằng cũng có sao đâu ạ!” Thế là tôi được thuyết trình một hồi về nhận thức, về quan điểm. Rồi rút cục đưa cả ra chi bộ nói về chuyện ấy nữa. Tháng ấy, tôi mất danh hiệu “Đảng viên 4 tốt”. Tôi còn bị mấy lần mất “4 tốt” nữa vì những chuyện không đâu. Ví như mắng số 2 ở trên trời là “Cú đỉn”. Quả tình, bốn ngàn năm lịch sử yên hàn, bỗng giữa trời vang lên tiếng “cú đỉn” thì nghe cũng không sao lọt tai thật. Rồi những trò đùa vô bổ trong những phút yên lặng giữa những lần xuất kích, những chuyện tào lao, những trò bay nghịch ngợm....tôi đều bị “riêng”. Hồi ấy, người ta quản lý chúng tôi ngặt nghèo đến mức hơi bị thái quá. Có gì cũng nâng lên thành quan điểm hết, sợ thật!

Tôi là thằng “sáng tác” ra trò bay “báo cơm”. Có nghĩa là đi cơ động ở sân bay khác về, hoặc đi đánh nhau về, sẽ hạ cánh ở Đa Phúc thì thế nào cũng bay kéo dài vòng một một chút, lách qua núi Đồi, ngấm vào mấy cửa hầm chúng tôi ở, bay thật thấp dưới chân đồi có hầm ấy, dưới đó là bếp ăn của bọn tôi. Rẹt qua ở độ cao 5- 10 m thôi, lắc cánh rồi kéo lên, lượn vào vòng 3, thả càng, hạ cánh. Chị nuôi khắc biết bổ sung thêm một xuất cơm ra sân bay. Tai hại là ở chỗ mọi người giật mình, kinh hoảng, may mà chưa có ai bị ngất vì tiếng động và sóng kích của máy bay gây ra. Đã có lần, bay thấp quá, mái bếp suýt sập, vung nồi cơm văng cả xuống bếp, bụi mù lên cơ mà! Thật thà mà nói, đến bọn tôi là những thằng bay, nhưng khi nằm ở trong nhà trực, bị ai đó rẹt qua cũng phải bật ngay dậy, không chịu nổi, chứ nói gì đến người thường! Sau chúng tôi phải ra một “đạo luật” cấm bay thông qua khu trực chiến ở độ cao thấp. Anh nào vi phạm thì lập tức bị trùm chặn và bị đánh luôn, ấy thế mà khối anh bị đánh đấy. Tôi cũng có lần quên mất quy định kia, hạ cánh xong rồi, ra khỏi buồng lái, thấy một bóng người cầm chăn nấp ở cánh cửa nhà trực, mới sực nhớ ra, không dám vào nhà nữa, mặc dù khát nước tới muốn chết vẫn đành chịu. Dại gì xông vào để bị chúng nó trùm chặn, nó ục cho!

Mấy tháng gần cuối năm là mấy tháng tệ hại đối với chúng tôi. Vào tháng 7, có ngày còn rất xấu nữa. Ngày 08/07, ngày đó là ngày chúng tôi mất 3 chiếc liên, mất cả của lẫn người. Anh Đặng Ngọc Ngự (Đại đội trưởng đại đội bay của chúng tôi, sau được truy tặng danh hiệu anh hùng các lực lượng vũ trang) anh Nguyễn Ngọc Hưng, anh Vũ Văn Hợp đều bị rơi ở khu vực vùng trời Hoà Bình.

Hồi tháng 4 (ngày 16.04), chúng tôi cũng bị rơi 3 chiếc trong một ngày, nhưng Nguyễn Hồng Mỹ, Lê Khương và Dương Đình Nghi còn nhảy dù ra được. Sau hơn một tháng nằm viện lại đi chiến đấu được ngay. Đẳng này thì cả 3 anh em chẳng ai trở về cả! Thật quá nặng nề đối với chúng tôi! Muốn khóc mà không sao khóc được. Tất cả dâng ứ đầy tương chừng nghẹt thở. Căn hầm trống vắng hẫng. Tang tóc! Đau thương! Nhìn nhau thấy mắt ai cũng mọng đỏ, sưng húp mà chẳng ai nói được với ai câu nào! Còn lời nào để mà nói nữa!.

Chúng tôi phải sinh hoạt tư tưởng, xác định lại quyết tâm, chúng tôi không nao núng, không sợ chết đâu, nhưng cấp trên lo rằng chúng tôi nôn nóng, muốn trả thù cho đồng đội, liều mình, mất bình tĩnh, mất sáng suốt gây thêm những thiệt hại không đáng có nữa, nên xác định cho chúng tôi kìm chế lại, lấy lại tinh táo để bước vào những trận chiến mới vững tin hơn.

Giai đoạn này, biết chúng tôi không phải là những tay vừa, nên địch dùng cả những thủ đoạn đê tiện như bắn cho thùng dù khi chúng tôi nhảy dù ra. Ném bom, bắn pháo xuống vị trí chúng tôi tiếp đất, cốt để tiêu diệt bằng được cái mạng sống của chúng tôi, vì chúng tôi còn thì chúng lại phải đương đầu tiếp trong những trận không chiến. Một vài anh em chúng tôi suýt mất mạng vì cái trò ấy của chúng.

Những năm gần đây thì anh em đoàn bay chúng tôi mới đưa được mộ anh Hưng về quê anh ở Bắc Ninh. Anh Ngự thì nằm ở nghĩa trang Trần Hưng Đạo- Hương Canh. Chúng tôi vẫn có ý nguyện là chuyển hết anh em về chân tượng đài ở Sư đoàn bộ 371 cho anh em được chăm sóc thường xuyên mà rồi chắc chẳng bao giờ thực hiện được!

Ngày 10/08/1972 thì Nguyễn Ngọc Thiên (Sáu Cơ) hy sinh ở vùng núi Bá Thước- Thanh Hóa. Sáu Thiên đánh đêm, máy bay bị thương khi quay về, lao vào đám mây giông. Nhiều động trong mây giông quá lớn đã làm cho máy bay không điều khiển được. Sáu Thiên bị quật xuống vùng núi đá lởm chởm. Mấy anh em kết nghĩa tới thời điểm này còn có 4 người: Bảy Việt, Tám Soát, tôi và út Mười (út Hải). Hải thì đang ở bên trường 910, bên sân bay Tường Vân- Trung Quốc, sự sống rõ ràng nặng hơn cái chết. Còn 3 anh em tôi: Bảy Việt và tôi ở Trung đoàn 921, Tám Soát ở Trung đoàn 927, sống nay chết mai chẳng ai lường, mà cũng có thể vừa gặp nhau đấy, rồi lại vĩnh viễn mất nhau ngay sau đấy thôi, không ai dám định trước một vấn đề gì trong chiến tranh cả. Thế nhưng cuộc đời vẫn có những điều bất ngờ xảy ra đến khủng khiếp! út Hải khi kết thúc chiến tranh, từ bên trường 910 về thì lại bị tai nạn bay, rơi ở khu vực cạnh hồ Đại Lải và mộ chí được đặt cùng dãy với anh Đặng Ngọc Ngự, Bùi Văn Long... tại nghĩa trang Trần Hưng Đạo- Hương Canh- Mê Linh- Vĩnh Phúc

Nuốt nước mắt, tôi và Bảy Việt móc tay nhau thề còn sống thì còn phải trả thù cho anh em, cho đồng đội, mối thù khắc cốt, ghi xương này, sống để bụng, chết mang theo, chứ không bao giờ phai mờ.

Hai ngày sau đó (ngày 12.08) thì tôi lại bị mắc nạn. Đêm trước đó, tôi phải đi từ Đa Phúc về Gia Lâm để thay trực cho một anh đi viện. Dọc đường đi, bom đạn nổ ầm ầm. Xe không đèn đóm, chạy rù rì, chậm như sên bò. Tôi tưởng tôi bị mất mạng khi ở cầu phao Đông Trù, vì đến đó thì bị một trận oanh kích. Là một thằng bay, vùng vẫy ở trên trời, bây giờ rúc vào hầm trú ẩn, nhìn thằng khác lao từ trời xuống nên mình thì tức đến phát điên lên được.

Chúng tôi tiếp thu máy bay từ rất sớm. Tôi đi với anh Lương Thế Phúc (nay là Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng không Dân dụng Việt Nam). Chưa đầy 5 giờ sáng, biên đội của chúng tôi đã vào cấp. Tôi biết, ngày nay sẽ là ngày rất căng thẳng. Xuống cấp chưa được mấy phút thì lại chuyển cấp tiếp. Pháo phòng không bắn ran xung quanh sân bay, mảnh đạn rơi cả gần máy bay. Chúng tôi nhận lệnh nổ máy, xuất kích. Rồi Gia Lâm chúng tôi lấy hướng về Tuyên Quang, xong lại ngược vùng Yên Bái. Ở độ cao 5km, chúng tôi được thông báo có biên đội 4 chiếc F.4 bay với đội hình kéo dài. Thông báo đến lần thứ hai thì tôi phát hiện, nhưng chỉ thấy 2 chiếc. Chúng phóng tên lửa đối đầu. Chúng tôi cơ động tránh. Đến khi chúng ngang góc khoảng 60⁰, tôi giục anh Phúc “vòng trái công kích đi”. Nghĩ rằng mình thường gặp số lượng đông hơn gấp bội lần, địch còn chẳng làm gì được, nay mình có hai anh em, nó lại chỉ có 2 chiếc, lực lượng tương đương nhau, mình lại đang ở thế chủ động, góc chiếm vị công kích có lợi thì ngon ăn rồi!

Chúng tôi vút thùng dầu phụ, tăng lực, vòng trái. Vừa áp độ nghiêng xong thì tôi nghe cái “rầm!”. Máy bay tôi khựng lại, mắt nảy đom đóm, đúng là thấy 36 ông mặt trời. Tôi biết tôi đã “bị” rồi, cố kéo máy bay vòng tiếp (bởi nhiều trường hợp cải ra bay bằng là bị bắn quả thứ hai liền, dứt luôn, không kịp nhảy dù nữa). Máy bay không “nghe” theo tôi mà quay tít, khói đen ào ạt tuôn vào buồng lái. Tôi đành phải lần đến cần nhảy dù khẩn cấp và giật. Đạn ghé phóng đưa tôi ra khỏi máy bay. Tôi hoàn toàn tỉnh táo.

Sau khi dù mở, tôi nghe thấy tiếng F.4 lượn qua. Nghĩ đến trường hợp chúng bắn dù trước đó, tôi kéo cho dù chao qua một bên, xoắn rơi cho nhanh để thoát khỏi hiểm họa kia. Rơi đến độ cao khoảng hơn 100 m thì nghe thấy tiếng trống, chiêng khua rộn rã, người ở khắp các ngã đường, hẻm núi kéo ra sao mà lắm. Sau này nói chuyện với bà con, mới biết bà con chắc hẳn thế nào cũng phải bắt được thằng phi công ít cũng cấp thiếu tá trở lên vì dù mũ trắng, mũ màu da cam (dù của phi công Mỹ màu càng sặc sỡ thì cấp càng cao).

Tôi kéo vượt qua được một đồi cọ thì tiếp đất xuống một ruộng lúa nước. Người đầy bùn, chui ra khỏi dù thì đã thấy 3- 4 họng súng ở trên bờ chĩa xuống. Người thì hô: “Giơ tay lên!”, bằng tiếng Việt, người hô: “Hen xơ áp!” bằng tiếng Anh. Tôi trả lời tôi là phi công Việt Nam. Họ không tin, sợ rằng phi công nguy Sài Gòn lừa, Họ bắt tôi cởi giày, đi chân đất. May quá! Giày tôi đầy bùn, có người xách hộ thì mừng nào bằng! Tôi bỏ giày, đi chân đất nhoay nhoáy. Tôi rơi ở gần trại tù nên được đón vào nhà của Ban Quản giáo. Tôi lấy thẻ ra và nhờ báo hộ về Quân chủng rằng có một phi công mang số hiệu B.305 nhảy dù xuống đây, nhân dân đã đón được rồi. Sau khi cầm thẻ của tôi xong, bấy giờ bà con mới tin, vội vã lo cho tôi tắm tấp, mượn quần áo cho tôi mặc, giặt hộ quần áo bẩn cho tôi, lo cơm nước... tất bật lắm.

Tắm rửa xong, tôi đứng nói chuyện với bà con đến “bắt” tôi, về các hoạt động của Không quân Việt Nam, về những trận đánh của anh em bọn tôi, về những khó khăn mà chúng tôi gặp phải; cảm ơn sự cứu mang, đùm bọc của nhân dân và đề nghị bà con giải tán sợ bọn giặc trời quay lại đánh phá, gây những tổn thất không đáng có. Chia tay tôi, nhiều mẹ, nhiều chị sụt sùi. Tôi cũng ngậm ngùi chẳng kém. Ôn dầy, nghĩa nặng của nhân dân đối với chúng tôi, biết bao giờ chúng tôi mới trả nổi. Có lẽ chẳng bao giờ trả được. Càng ngày tôi càng hiểu ra rằng trách nhiệm, nghĩa vụ của chúng tôi với dân, với nước càng nặng... phải làm việc, phải chiến đấu hết sức mình để đền đáp lại công ơn của nhân dân, để xứng đáng với lòng tin của nhân dân.

Xã tôi “tiếp đất” là xã Liên Hoa, thuộc huyện Phù Ninh- Phú Thọ. Lần đầu tiên trong đời, ở đây tôi phải ăn đũa hai đầu. Thật lúng túng, vụng về vô cùng khi phải sử dụng “loại vũ khí” như thế trong bữa ăn. Máy bay Mi-4 lên đón tôi lại đỗ ở sân bóng đá của tỉnh Phú Thọ nên xe ô tô của Trung đoàn 925 “bắt cóc” tôi về Yên Bái. Về đến Trung đoàn 925 (trung đoàn bay loại máy bay MIG-19) gặp lại các bạn hữu cùng nhập ngũ, họ dứt khoát không cho tôi đi bằng đôi chân của tôi, mà họ ghé lưng vào cổng, kiệu, bắt tôi nằm cố định, sợ bị xẹp đốt sống. Tôi càng cãi thì lại càng bị giữ chặt, sau chán chường muốn cãi vã nữa, ngẫm nghĩ mới thấy tình đồng đội trong chiến tranh khi thường xuyên va vấp với lửa đạn, luôn bị cái chết rình rập... con người đối xử với nhau thật chân tình, lo cho nhau đến hết mình, không chút bon chen, không giả tạo. Quý báu biết bao! Tôi càng sống thì càng chất thêm những món nợ vào đời mình. Tình nghĩa anh em, bạn bè, đồng đội trong chiến tranh ngày càng bền chặt, sẵn sàng chia lửa cho nhau, nhận cái chết cho nhau... bao nhiêu nghĩa cử, bao hành động cao thượng, viết làm sao cho hết được!.

Hôm sau thì Mi-4 bay lên Yên Bái chở tôi về Gia Lâm rút kinh nghiệm. Tôi đòi đi trực chiến ngay nhưng Quân y bắt tôi đi viện để giám định. Tôi đi viện giám định, nghỉ an dưỡng mấy ngày, sau lại về đơn vị chiến đấu, lại lăn lộn tiếp vào vòng xoáy của cuộc chiến tranh cùng đồng đội của tôi, giành giật bằng được sự yên tĩnh của bầu trời, trả lại cho nó màu xanh êm đềm và thanh bình vĩnh hằng.

Cũng trong những ngày an dưỡng sau nhảy dù này, cuộc sống riêng của tôi xáo trộn một lần nữa và lần này số phận của tôi chừng như được sắp đặt đầu vào đáy để đời riêng an bài, tôi sẽ kể sau.

Dịp tôi nhảy dù là dịp khắp miền Bắc rộ lên đợt bắn chiếc máy bay thứ 4000 của giặc Mỹ. Tỉnh Vĩnh Phúc treo giải một con bò cho đơn vị nào bắn được chiếc ấy. Tôi suốt ngày nói với bạn bè rằng: “Con bò ấy là của tao, để tao dắt về cho Trung đoàn”. Thế mà bò không dắt được, lại để cho quân y “chăn” mình mấy ngày thì vô cùng điên tiết.

Tôi “hưởng” trận bom B.52 của Mỹ rải đầu tiên là ở Thanh Hoá từ 13/4/1972. Đêm đó tôi trực chỉ huy bay, cho Bùi Doãn Độ trực chiến. Báo

động vào cáp, rồi lại xuống cáp và báo động sơ tán. Chúng tôi chưa kịp chui vào hầm thì suốt dọc đường băng của sân bay Thọ Xuân đã nháng lửa và tiếng bom rền như xay lúa, mãi không dứt. Mọi đường liên lạc hữu tuyến về sở chỉ huy bị đứt hết, đối không cũng chẳng nghe được, lại rất nhiều (sau mới phát hiện là các cột ăng ten bị gập gãy hết, các đường dây bị bom băm nát cả). Tôi rất sốt ruột không biết tình hình ra sao nữa. Đài chỉ huy nằm ở phía Bắc đường băng. Lực lượng trực chính lại ở phía Nam đường băng. Thật như ngồi trên đồng lửa. Tôi trồi lên hầm để ngó xem thì lại bị anh Vũ Trọng Tân (trực Quân báo) lôi xuống, không cho lên, nhớ tôi “vương” mạnh thì xong. Đợt đánh này khá dài. Tiếng máy bay nghe rất nặng và rền. Dứt đợt đánh, tôi vọt lên khỏi hầm, hét gọi phía bên trực xem tình hình bên đó thế nào thì thấy một bóng đen chạy phía đường băng lên nói với tôi là đường băng bị đánh hỏng hết rồi, lại đưa cho tôi hai chú gà gô nói là bắt được ở bên lề bảo hiểm đường băng. Hai chú chim bị sóng kích của bom làm cho ngẫnh ngẫng, quay quay như người bị động kinh. Tôi cũng chẳng còn bụng dạ nào nghĩ cách xử lý chúng nữa, lại thả ra rồi cùng với đồng chí công binh kia đi kiểm tra đường băng.

Trong ánh sáng mờ mờ của trời đêm, cúi sát mặt đất nhìn thì thấy mọi tấm ghi lát trên đường cát hạ cánh đều bị đánh cong, bật lên khỏi mặt đất tựa như những đẽ xương sườn của một con vật nào cực kỳ khổng lồ được dóc hết thịt giành cho đám nhậu rồi vứt hỗn độn ra đấy. Bãi chiến trường ngổn ngang thế này thì bao giờ mới sửa được, mới lại bay, lại trực được? Tôi vừa uất hận, vừa ngao ngán quay về hầm trực để thông báo cho sở phi công và thợ máy trực chiến biết tình hình. Khu chúng tôi sơ tán và sở chỉ huy thì nghĩ rằng chúng tôi bị “làm cỏ” không còn một móng nào rồi. Gần sáng thì chúng tôi mò được về nhà. Cả khu vực ấy râm ran, hân hoan náo nhiệt hẳn lên. Đúng là chúng tôi từ cõi chết trở về thật, chẳng ai dám nghĩ là chúng tôi lại còn đủ như thế sau những đợt rải thảm hàng mấy trăm tấn bom của B.52 xuống khu trực. Sự may rủi, sống chết trong chiến tranh đúng là lạ lùng, không ai lường được.

Chúng tôi phải đi đường bộ ngược ra Đa Phúc. Một tuần sau, sân bay sửa xong, tôi lại bay vào trực. Từ trên trời nhìn xuống mới ngại: một vệt

chiều ngang khoảng hơn 2 km, chiều dài khoảng chục cây số chỉ chít hồ bom, chỉ thấy hồ bom là hồ bom trong cái diện tích ấy, tưởng tượng như mình nhìn vào tổ ong bỏ không, không có ong thế nào thì đúng như vậy. Hôm ấy, nếu bọn lái đi lệch chỉ cần 01 độ sang phía đầu Tây sân bay thôi thì chắc số anh em chúng tôi trực chiến hôm ấy xương thịt, đất cát sẽ được băm nhừ nhào vào nhau thành một hỗn hợp mà chẳng hề tìm được tên gọi của cái hỗn hợp ấy trong từ điển của loài người.

Rồi một nỗi căm giận bùng lên trong tôi. Đất trời này là của dân mình, sao lại có bọn ngoại bang láo xược dám đến đây gây ra bao thảm họa, bao mất mát, đau thương cho dân tộc mình? Suốt cuộc chiến tranh, biết bao lần chúng tôi phải căm giận đến bầm gan, tím ruột, bao lần máu như sôi lên trong cái huyết quản, bao lần phải đặt ra câu hỏi kia.

Chúng tôi hiểu, những điều đó tạo cho chúng tôi thêm sức mạnh. Ngọn súng của chúng tôi không bao giờ chệch hướng. Cái chết nhẹ cũng tựa lông hồng. Chúng tôi vượt được mọi gian nan, hiểm nguy có lẽ cũng nhờ từ lòng yêu quê hương, yêu đất nước vô bờ. Rất nhiều sân bay đã chiến, ngắn hẹp, mà chỉ nói ra thôi chắc bây giờ không ai tưởng tượng nổi đấy lại gọi là sân bay, càng không dám nghĩ rằng chúng tôi đã trực chiến ở những nơi ấy. Chúng tôi cất hạ cánh cả trên đường lã, có lệnh cất cánh là xuất kích, đánh nhau không tìm được nơi hạ cánh nữa thì nhảy dù, chỉ tâm niệm một điều duy nhất: phải đánh, phải chiến thắng.

Những năm tháng chiến tranh, đời tôi gắn chặt với cuộc sống cơ động. Sáng cất cánh từ sân bay Đa Phúc, đánh một trận, về Yên Bái hạ cánh, ăn trưa ở đó, lại xuất kích, có khi lại hạ cánh tại Thọ Xuân- Thanh Hoá hoặc Kép, hoặc Kiến An. Ngoài súng đạn đeo theo người, tôi còn nhét trong túi áo một chiếc quần đùi, một khăn mặt, một dao dùi, bút và quyển sổ nhật ký. Gia tài của phi công chiến đấu có vậy mà lăn lộn khắp nơi. Các mái nhà trực chiến ở các sân bay đều giắt đầy bàn chải đánh răng, bay đến đâu trực thì sử dụng đến đấy. Cuộc sống đơn giản là thế. Có một điều chúng tôi rất cần là nước. Suốt một ngày trực căng thẳng, vất vả, quần áo kháng áp bó chặt lấy người, mồ hôi nhễ nhại bao nhiêu tiếng đồng hồ, nhất là giai đoạn gặp gió Lào khi trực ở các sân bay miền Trung thì khổ cực vô cùng. Vậy mà

đầu có được tắm rửa thoải mái như hiện nay. Chắc khó có người tin nổi tiêu chuẩn mỗi người đi trực về chỉ được một chậu thau nước (nhiều khi còn toàn mùi bùn vì phải gạn nước ở hố bom), mà chúng tôi gội đầu, tắm và cả giặt nữa. Đầu tiên múc một ca nước, thấm cho ướt hết đầu, hứng nước ấy vào một chậu thau khác, xát xà phòng, gội đầu chỉ được phép hai ca nước là cùng. Số nước hứng được khi gội đầu, té cho ướt khắp người, kỳ cọ bằng xà phòng, chỉ được dùng khoảng 3- 4 ca nước, vẫn hứng nước ấy để giặt sơ bộ quần lót. Tráng nước sạch khoảng 3 ca, còn lại vài ca cuối là giặt khăn mặt và quần. Xong cuộc tắm! Cũng may anh em tôi suốt giai đoạn chiến tranh không ai bị bệnh ngoài da.

Khổ nhất là mấy “vị” trực trong sở chỉ huy, suốt cả ngày không ra khỏi vị trí trực, phát minh ra sáng kiến: tắm khô! Tôi đùa nói rằng các vị viên từng viên ghét lại như viên thuốc tễ ấy, cho vào lọ nút kín, sau này có khi dùng làm thuốc chữa được khá nhiều bệnh hiểm nghèo cũng nên!.

Giai đoạn cuối năm 1972, giai đoạn căng thẳng, ác liệt nhất trong những năm chiến tranh đánh phá bằng không quân của Đế quốc Mỹ ra miền Bắc. Càng gần thắng lợi càng nhiều gian nan. Đúng như thế! Mỹ không từ một thủ đoạn đê hèn nào không áp dụng. Như con thú bị thương nặng, bước đường cùng quấy cắn lung tung, chúng đánh phá khắp nơi. “Thăng Long phi chiến địa!” Câu sấm trạng ấy không còn đúng với đất Hà Thành ở những ngày này. Lần nào cất cánh lên cũng thấy dưới cánh mình những cột lửa khói của đạn bom bốc lên khắp nơi, chí cảm thù cũng dâng theo ngàn ngút. Tôi luôn xác định là tôi không thể sống qua chiến tranh. Nhưng như vậy vào trận lại rất thanh thản.

Đêm 18/12/1972, khi địch đánh bom bằng B.52 vào Hà Nội thì tôi đang ở Gia Lâm. Suốt đêm phải ngồi bó gối tránh bom dưới hầm, hai chân tê dại như không phải chân của mình nữa. Sáng ra gặp ngay cảnh hoang tàn trên mặt đất. Nhà chúng tôi bị đánh sập, chúng tôi phải bó gối trong đồng gạch ngói đổ nát mới lòi được thùng bay ra để đi trực. Đường băng Gia Lâm bị đánh nát khu phía Bắc. Tôi đi kiểm tra, xác định xem có thể cất cánh được hay không thì gặp hai cô chị nuôi. Chị Viên và chị Dũng tóc tai bết bùn đất, áo quần rách bươm, mếu máo với tôi: “Nó đánh tan bếp rồi anh

ạ! Chúng em theo xe về Thạch Bàn (khu sơ tán của bọn tôi) đây!” thương cảm vô cùng, mà cũng hận thù giặc Mỹ vô cùng! Sau tôi, ai đó bỗng vụt ra câu chửi thề rất tục mà tôi không dám ghi lại đây. Bấy giờ mà xuất hiện tên giặc nào thì chắc bị băm vằm nát như bùn.

Chúng tôi tìm mọi cách tháo hai thùng dầu phụ cánh để làm giảm trọng lượng cất cánh, phù hợp với đoạn đường băng lạnh lặn còn lại. Ít dầu hơn, thời gian tham chiến sẽ ngắn hơn, nhưng không sao!, “Liệu cơm gắp mắm”... “Bắc đến đâu dầu đến đấy”, sợ gì.

Suốt hơn một ngày trời trực ở sân bay Gia Lâm, chúng tôi không có gì ăn. Đường từ khu sơ tán ra bị đánh đứt, bếp bị đánh sập, xung quanh đạn bom, khói lửa toí bời, chúng tôi lúc nào cũng chờ xuất kích, chẳng ai nghĩ đến ăn nữa. Sang ngày hôm sau thì chính trị viên Thường đi theo kíp trực của bọn tôi đến mãi trận địa pháo phòng không xin được xoong cơm ngô, một bát dưa muối mang về. Anh em chúng tôi chia nhau mỗi người lưng bát. Không ai có cảm giác đói, có lẽ sự căng thẳng, tinh thần sẵn sàng cảnh giác ở tuyến trực... làm chúng tôi quên đi những nhu cầu tối thiểu thường ngày. Tôi cũng mắc chứng mất ngủ từ ngày ấy. May lắm giờ mỗi đêm ngủ được 3-4 tiếng là cùng. Trưa thì không chợp mắt rồi, cũng là di chứng của chiến tranh.

Tôi đi đâu là bị bom đạn đuổi theo lằng nhằng đến đấy. Một ngày phải cơ động không biết bao nhiêu sân bay mà kể. Bọn bè tôi cũng vậy, hạ cánh khi lúc địch vừa đánh xong, hạ cánh cả lúc chúng đang đánh, rồi hạ cánh xong thì chúng đánh. Thấy có thời điểm có thể hạ cánh được là chúng tôi phải xuống luôn. Chỉ cần một phút đắn đo thôi, thời điểm đó qua đi là “bị” ngay. Mọi xử lý phải thật nhanh, thật chuẩn. Cũng khá nhiều anh hạ cánh xong, trên đường chạy đà lao xuống hố bom, tròng chuôi ở đấy, rồi lao cả xuống ao, rồi lật ngựa, lật nghiêng máy bay... đủ cả.

Cười nhất là hôm anh Lan hạ cánh ở Gia Lâm. Dù giảm tốc bị đứt, máy bay cứ lao ào ào (mặc cho đã tắt máy rồi, đã phanh hết cỡ rồi) nhằm ao phía trước thẳng tiến. Phút chốc, trong chớp mắt nghe cái “ùm”. Nước ao bắn tung toé, từ xa trông tới chỉ còn thấy mỗi đuôi đứng máy bay nhô lên tựa như vây con cá mập ở ngoài biển. Mọi người hốt hoảng tìm xe ứng cấp

để đến cứu phi công. Lâu sau mới có xe. Đến khi xe chạy tới bờ ao, nhìn ra chẳng thấy phi công đâu. Gọi chẳng ai trả lời! Xăm xoi quanh các bụi lau sậy ở bờ ao chẳng vết tích gì! Ngơ ngác không sao hiểu nổi!

Trong khi đó thì Lanh đang ngồi luộc ốc ở nhà gần đó. Số là sau khi “lăn tùm” xuống ao, Lanh mở buồng lái, cởi giày, cởi quần bay đeo hết lên cổ, nhảy ra cánh máy bay, lội ngay lên bờ. Ngoái lại xung quanh thấy có rất nhiều ốc nhồi (các ao ở quanh sân bay Gia Lâm sẵn khoản này lắm) liền bắt mấy chục con, cho vào ống quần bay, túm lại xách về để “chiêu đãi” bọn tôi.

Đoàn đi cấp cứu phi công bị nạn dò về đến nơi thì thấy mấy thằng bọn tôi đang nhể ốc ăn. Ba hòn gạch chụm lại, một ống bơ sắt tây bắc lên, nhóm lửa mấy phút là có thể “chiến đấu” được với đám đặc sản ấy rồi. Thôi thì, tiếng cười, tiếng quát, tiếng chửi, tiếng khóc... văng ra đủ cả! Đúng là chiến tranh! Cái gì cũng có thể xảy ra bất kể lúc nào, và bất kể lúc nào cũng có thể xảy ra cái gì!

Cảm động nhất là hôm tôi xuống hạ cánh ở sân bay Miếu Môn, phải vào tít bản trong núi sơ tán ở nhà dân, rét vô cùng. Chủ nhà cho mượn chăn bông đắp. Chăn bông của đôi vợ chồng mới cưới nhau. Chồng vừa đi B (đi vào Nam chiến đấu). Chăn nồng mùi lạ, tôi không sao ngủ nổi. Ngoài kia, khi có một cơn gió thốc lại thì toàn mùi thịt người- mùi thịt của bọn giặc lái Mỹ cháy cùng máy bay rơi hồi tôi xông đến nồng nặc, gây, khét, thối đến buồn nôn! Tôi chỉ mong cho chóng sáng mà sao đêm lại dài đến vậy, dài như vô tận. Thời gian bò chậm chạp tưởng như không nhúc nhích nữa. Sáng ra, tới nơi ăn sáng thì thấy 6 bát mì hãm để trên bàn ăn. Tôi nghĩ thầm: chắc đêm qua có số cơ động bằng đường bộ đến bổ sung. Ngồi đợi chẳng thấy ai xuất hiện. Hỏi thì được trả lời: Đây là tiêu chuẩn của tôi! Trời đất quỷ thần ơi! Ra bếp ở đây chưa hề nấu cho phi công ăn bao giờ, nên chẳng có gì cả ngoài mì và tiêu chuẩn thông báo là sáng ăn 2,5đ tương ứng với 6 bát mì tôm là thẳng thùng phục vụ tôi liền! Tội đến thế là cùng!.



Bữa cơm ngoài nhà trực chiến giữa những chuyên xuất kích

Tôi cứ “lang thang”, “lông bông” tứ xứ như thế, chẳng mấy khi về căn cứ chính của Trung đoàn. Quần áo còn lại không mặc đến thì hôi rình, có thể thu hoạch một nhĩ mọc ra từ quần áo được. Bọn tôi phải ở trong hầm liên tục nên nhiều anh bị mắc bệnh, tôi gọi là bệnh “hươu”. Thực chất là bị lang ben, nhưng trông cứ như những con hươu sao ấy thôi. Mãi sau này, khi chúng tôi không ở hầm nữa thì mới điều trị khỏi.

Đêm 28/12, Vũ Xuân Thiều xuất kích từ sân bay XB 90 (sân bay ở Cẩm Thủy) lên vùng trời Sơn La. Tại đây, Thiều đã bắn vào B52, nhưng chắc bắn gần quá, các mảnh nổ của “pháo đài bay” văng ra làm máy bay Thiều cũng bị thương và Thiều hy sinh trên vùng trời Sơn La này. Tối hôm đó, tôi ở sân bay Gia Lâm. Sáng hôm 29 hạ cánh ở Đa Phúc nhận tin trên, tôi oà khóc. Tôi và Thiều rất quý nhau đã đành, nhưng ngay hôm trước đó, tôi vừa nhận được thư Thiều gửi tôi, thông báo Yên (sau này là vợ tôi) từ Tam Đảo xuống, rất muốn tới thăm tôi mà không được. Thiều cũng gửi tôi chiếc áo len hôm cho Thiều mượn. Cứ lo cho tôi bị rét, rồi còn nhắn gửi lời chúc cho đám cưới của Việt- Nga... Mới đây thôi mà nay đã cách biệt âm dương không sao gặp được nhau nữa. Tôi đau đớn đến rỉ máu trong lòng.

Chiều chiều mây phủ Sơn La

Nhớ thương bạn, nước mắt và lộn cơm.

Cuộc chiến này sẽ còn tiếp tục cướp đi những người bạn nào thân thiết của tôi nữa? Và bao giờ sẽ đến lượt tôi ra đi? Mỗi một lần vào cấp, ngồi vào buồng lái, tôi lại hít một hơi dài, nén trong lòng ngực, thầm nhủ: Đây cũng là lần cuối của mình! Khi đã nổ máy thì ý nghĩ ấy tiêu tan ngay. Biết bao việc phải làm dồn dập ngay sau khi ấn nút khởi động. Xuất kích, sẵn lòng, không chiến, xử lý các tình huống bất trắc, tìm đường về hạ cánh., luôn luôn ở tột đỉnh của sự căng thẳng... Hạ cánh xong, ra khỏi buồng lái mới thở phào: ta vẫn còn sống! Và chuẩn bị tiếp cho lần xuất kích mới... Cứ thế, chúng tôi ở trong vòng xoáy đến chóng mặt. Râu ria có lúc chẳng kịp cạo. Ngày đánh nhau, đêm lại họp bàn, rút kinh nghiệm, quân sự dân chủ tìm cách đánh đến khuya. Rồi báo động trú ẩn., chợp mắt một chút thì đã gọi đi trực. Đã trực thì không có lúc nào rỗi cả. Có ngày, tôi có đến 11 lần chuyển cấp, 6 lần mở máy, 4 lần xuất kích. Lần báo động chuyển cấp cuối cùng trời hơi nhá nhem tối, tôi không còn đủ sức để chạy ra máy bay nữa. Vào máy bay ngồi, tôi nói với thợ máy: “chắc lần này cất cánh thì tao đi tong mất vì mệt lắm rồi!” Tổ trưởng thợ máy mắng lại tôi: “Phỉ thui cái mồm mày, chỉ được cái nói gở là không ai bằng! Ngậm ngay miệng lại”. Quả thực, ngày đó tôi mệt đến muốn ngất. Hầu như suốt ngày không có mấy hạt cơm vào bụng vì vừa bung bát cơm và được một miếng là đã báo động. Tay xách mũ bay vừa chạy vừa nhổ cơm trong mồm ra, lau miệng vào ống tay áo, cất cánh, hạ xuống sân bay khác. Uống được hớp nước, lại báo động, lại cất cánh, lại hạ tiếp ở một sân bay khác nữa. Quay hơn đèn kéo quân như vậy thì đến đá cũng phải đổ mồ hôi.

Kết thúc chiến tranh, tôi cân được 57 cân mặt đen xạm, đầy nếp nhăn, râu ria tua tủa... tiếc là không giữ được chiếc ảnh nào vào thời điểm đó để làm kỷ niệm.

Trước ngày Thiệu mất một ngày thì Trần Việt bắn rơi một chiếc F.4 ở vùng trời Sơn Tây khi cất cánh từ Miếu Môn lên. Đây là chiếc máy F.4 cuối cùng bị bắn rơi ban ngày trong chiến tranh xâm lược ra miền Bắc bằng không quân của Đế quốc Mỹ. Còn Thiệu là phi công hy sinh trước khi chiến

tranh kết thúc. Sự mất mát cuối cùng của đoàn bay MIG- 21 khoá 3 của tôi trong suốt từng ấy năm lăn lộn thực sự trong khói lửa đạn bom.

Ngày 31 tháng 12 năm 1972, tôi trực ở sân bay Gia Lâm, biết rằng chiến tranh xâm lược của Đế quốc Mỹ đã chấm dứt. Tôi ra ngồi ở đầu đường băng, không gian yên tĩnh và tôi thấy trống trải lạ thường. Bầu trời tĩnh lặng, sâu thẳm đến khôn cùng. Tôi nhìn lên đó rồi bật khóc như đứa trẻ, khóc như chưa bao giờ được khóc. Trước mắt tôi hiện lên rõ rệt đầy đủ các khuôn mặt của các anh, em, bạn bè, tôi như còn được nghe thấy cả giọng nói, tiếng cười của họ nữa. Rồi những khuôn mặt ấy bị nhoà dần theo thứ tự thời gian:

Trần Hoá (04.02.1969),
Phạm Thành Nam (28.03.1970),
Phạm Đình Tuân (28.01.1971),
Nguyễn Văn Khánh (18.12.1971),
Bùi Văn Long (03.03.1972),
Phạm Văn Mạo (03.03.1972),
Nguyễn Ngọc Hưng (08.07.1972),
Nguyễn Ngọc Thiên (12.08.1972),
Vũ Xuân Thiều (28.12.1972)

Tôi cứ ngỡ mình còn đang chiêm bao.

Mới đây thôi mà sao các anh đã thành người thiên cổ.

Cõi vĩnh hằng. Khi các anh nằm ăm chỗ.

Kiếp luân hồi- các anh có quay lại bay không?

Chôn trần ai bao người nhớ, người mong.

Mất đắm lẹ, nhạt nhoà sương khói.

Trời xanh thẳm, mung lung, cao vời vợi.

Duyên nợ nào chấp mãi những cánh bay!

Tôi ngồi rất lâu, lòng không làm sao tĩnh nổi, không lấy gì cân đo cho được những mất mát, đau thương. Không lấy gì so sánh được những tháng ngày gian nan. Chỉ tính năm 1972, hai trung đoàn chúng tôi có 44 trường hợp phải nhảy dù bỏ máy bay trong chiến đấu (trong đó có tôi một lần), 16 phi công hy sinh. Riêng đoàn bay của tôi suốt thời gian chiến tranh, chúng

tôi để mất 9 anh em, 6 anh được tuyên dương danh hiệu anh hùng các lực lượng vũ trang: Đinh Tôn, Lê Thanh Đạo, Nguyễn Đức Soát, Nguyễn Tiến Sâm, Nguyễn Văn Nghĩa, Vũ Xuân Thiều (truy tặng)...

Hai năm, hai sáu tuổi đầu, chúng tôi cũng đã kịp xông pha, lăn lộn, vượt qua được lò lửa chiến tranh để cứng cáp, già dặn. Tôi biết rằng đời mình phải gắn chặt duyên nợ với bầu trời. Nhìn lên đó, tôi ngỡ rằng, đời tôi thử lửa với cuộc chiến thế là đã đủ. Từ nay tôi có thể thoát được nó, sống yên bình, không còn nghe thấy tiếng bom rơi, đạn nổ; không còn thấy những cột khói lửa bốc cao không còn thấy những cảnh đổ nát, hoang tàn; không còn thấy tiếng khóc gào; không còn thấy cảnh xác chết vương vãi khắp nơi nữa... Nhưng tôi đã lầm!

Năm 1979, sau khi tôi tốt nghiệp Học viện quân sự được mấy tháng thì tôi lại lên vùng Lạng Sơn nhận nhiệm vụ, và lần này tôi tham gia với tư cách đại diện không quân. Trong đợt công tác này, đồng đội đi cùng tôi không bị “rơi vãi” mất một ai, may mắn thật lớn lao.

Rồi tôi được lệnh rút về trung đoàn để đồng chí khác thay thế vào vị trí của tôi. Tôi nghỉ ngơi mấy ngày kịp lại sức và lại trở lại với bầu trời với những bài bay mới, những khoa mục mới và rồi cả cương vị mới nữa. Vùng biên ải của tổ quốc đã đóng dấu ấn tiếp theo vào trang sử của cuộc đời tôi, ghi nhận công sức của tôi đã bỏ ra. Tôi không hổ thẹn với những tháng năm qua khi từ già tuổi ấu thơ, tuổi học trò cho tới giờ, tôi đã đóng góp được phần rất nhỏ bé của mình đối với quê hương, đất nước. Tôi ý thức được rằng, đời tôi rồi sẽ còn gặp nhiều gian nan, và tôi cũng tin tưởng sắt đá rằng tôi sẽ vượt qua hết được mọi trở ngại trên đường tôi đi.

Những cuộc chiến tranh, những trận chiến ở mọi nơi đã kịp tôi luyện, hun đúc cho tôi đủ cứng cáp, nuôi dưỡng cho tôi đủ ý chí để đương đầu với mọi khó khăn; cho tôi những bài học, những kinh nghiệm để tôi có thể lăn lộn trong cuộc sống, đứng vững được và cơ bản nhất, đó là dạy cho tôi biết **LÀM NGƯỜI!**

Chương IV- Đoạn đường sau chiến tranh

Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Đế quốc Mỹ ra miền Bắc chấm dứt, chúng tôi rút kinh nghiệm, ổn định lại tổ chức, củng cố lực lượng, tu bổ lại doanh trại, sửa chữa các cơ sở hạ tầng của căn cứ không quân, nhanh chóng lập kế hoạch bay bồi dưỡng tiếp số phi công mới của trung đoàn. Sự hàn gắn “vết thương chiến tranh” còn kéo dài mãi về sau này chứ không thể nói ngày một ngày hai được. Sân bay Đa Phúc phải đại tu, bom đạn cày xới, khoét nát đường hạ cát cánh lẩn đường lẩn, không thể không sửa. Tôi dẫn quân về Kép “sơ tán” và tổ chức bay ở trên đó. Mấy năm sau chiến tranh sao mà đói kém.

Có dịp tôi được ghé về quê, đứng đợt ấy nhà tôi không còn hạt gạo nào. Mẹ tôi vác rá đi vay gạo. Nhưng vay ở đâu được! Quanh hàng xóm cảnh ngộ đâu khá hơn gì nhà mình. Tôi khóc suốt dọc đường từ nhà về đến đơn vị. Tôi có viết cho Thiện- đưa em gái tôi bài “Đường cũ, quê nghèo”. Viết mà không dám gửi, sợ em tôi quá buồn vì đa cảm. Cho tới giờ thi thoảng về quê, tôi lại đi lại nẻo đường năm xưa mà nhớ lại những ngày đói năm nao, lại thấy lòng mình rộn lên niềm thương cảm. Biết bao nỗi buồn vui, bao kỷ niệm tuổi ấu thơ... chất nặng trong lòng tôi mỗi khi tôi nhớ về quê. Tôi càng hiểu rằng, càng về già thì người ta nhớ về quê càng da diết hơn. “Lá rụng về cội! Không có quê hương thì “không lớn nổi thành người” được! Lòng yêu đất nước, yêu đồng bào bắt nguồn từ yêu làng quê của mình, yêu những người thân của mình, yêu từ những thứ rất tầm thường trong cuộc sống hàng ngày của mình. Không có tình yêu sâu đậm ấy thì không thể nói đến chuyện bảo vệ Tổ quốc. Nếu cuộc sống hàng ngày sống hời hợt thì khi cầm súng trong tay, sớm muộn cũng sẽ trở thành kẻ đào ngũ, sẽ trở thành kẻ phản bội, đúng với cái nghĩa bóng lẩn nghĩa đen.

Tháng 7 năm 1974, tôi có tên trong danh sách đi học Học viện Không quân mang tên Gagarin bên Liên Xô. Cũng là điều bất ngờ đối với tôi vì cách đấy mấy tháng, số được đi học đã tập trung ở Lạng Sơn để ôn văn hoá,

còn tôi, vẫn lụi cui bay đào tạo số phi công mới ngày ngày, có dấu hiệu gì về học hành đâu!

Vậy là tôi lại phải chuẩn bị tinh thần cho mình để ngồi “mài đũa quân” mấy năm ở nơi đất khách quê người. Tôi biết, vào học ở Học viện đó không đơn giản vì họ chọn tiêu chuẩn rất cao, đào tạo xong, có thể giao cho chức cán bộ sư đoàn trở lên và có thể phong hàm cấp tướng được. Bảy năm tham gia chiến đấu, chữ nghĩa đâu còn! Trong đầu suốt ngày đêm chỉ hằn những đường bay, những điểm nổ, những động tác cơ động nhằng nhịt, những niềm hân hoan trong chiến trận, những mất mát thương đau sau chiến đấu... đủ cho óc muốn vỡ tung ra rồi. Ai mơ màng đến chuyện bút nghiên!

Năm 1974 trở đi là năm bố tôi rất yếu. Người bị bệnh hen xuyên, lại đi làm xa. Đạp xe đạp từ nhà tôi lên đến Hà Nội khoảng 25 km, tôi lại đạp xe về. Tôi thương và lo cho bố tôi lắm. Tôi cương quyết đề nghị bố tôi nghỉ hưu, sau rồi bố tôi cũng chấp nhận.

Giữa tháng 8/1974 thì tôi lên tàu liên vận để đi học. Lại lên đên 11 ngày 11 đêm. Lần thứ hai trở lại đất Nga, trong tôi có cảm giác háo hức như đứa trẻ xa nhà lâu ngày nay được trở về. Cảnh vật, con người... tôi đều thấy thân quen như quê hương mình, người thân của mình.

Chúng tôi được nghỉ mấy ngày, chuẩn bị mọi mặt để bước vào khai giảng. Cũng hồi hộp như thuở học trò. Mà đúng thế, mình chỉ khác tên gọi không là học sinh mà là học viên thôi. Lớp đào tạo “chỉ huy tham mưu cấp chiến thuật, chiến dịch” của tôi gồm có 5 phi công: Nguyễn Tiến Sâm, Ngô Duy Thư, Bùi Thanh Liêm, Trương Tôn và Tôi (cả 5 đều tham gia chiến tranh, đều lập được chiến công trong chiến trận. Anh Nguyễn Tiến Sâm là Anh hùng lực lượng vũ trang. Bùi Thanh Liêm sau này trở thành phi công vũ trụ được đào tạo cùng với Phạm Tuân. Khi về nước thì Ngô Duy Thư hy sinh trong tai nạn bay MIG- 21 ở ngay Phú Lỗ. Bùi Thanh Liêm hy sinh trong một tai nạn bay biển ở Đồ Sơn- Hải Phòng. Kể cả thời chiến, lẫn thời bình đều có những cái chết cực kỳ vô lý và đáng tiếc biết bao!).



Các học viên của học viện không quân mang tên Gagarin (Tiền Xô), từ trái sang: Nguyễn Công Huy, Nguyễn Tiến Sâm, Trương Tôn, Bùi Thanh Liêm, Ngô Duy Thư

Vì chúng tôi đã biết tiếng Nga nên không phải học dự khoá, mà học thẳng vào năm thứ nhất. Phải nói rằng mất gần một năm trời tôi phải đánh vật với sách vở. Nếp sinh hoạt bị đảo lộn đã đành, mang tiếng là người biết tiếng Nga nhưng bao năm chiến tranh bị bào mòn đi nhiều lắm (chỉ những câu chửi tục thì làm sao lại không quên đi cho), gần như phải ôn một cách ác liệt. Tôi tự bắt tôi mỗi ngày phải học 30 từ sau nâng lên 50 từ... Tích cực bắt chuyện, chơi với bọn trẻ con, tích cực ghi từ mới, tra từ điển, học cách nói trong dân chúng... hầu như không có thời gian nghỉ. Tôi đọc sách rất miệt mài, có hôm đến 3 giờ sáng mới đi nằm, 6 giờ sáng lại dậy. Đói kiến thức quá bây giờ muốn nhồi nhét, bù lại cho nhanh. Mắt tôi bị giảm thị lực ghê gớm, chỉ còn 3/10. Thị lực mắt lại khác nhau nên đặt mua kính cũng phức tạp.

Tôi hoạt động công tác xã hội ở trường cũng khá hăng. Tham gia vào đội văn nghệ, đội bóng chuyền, trượt tuyết, tham gia vào hội nghiên cứu khoa học quân sự. Tôi đã có bản báo cáo khoa học, được thưởng 15 rúp. Hồi đó một tháng chúng tôi được 85 rúp gói trọn cả ăn, ở, sinh hoạt phí. Số tiền thưởng thế là to chứ. Tôi khao anh em một trận bia thoải mái. Sau chính đề tài ấy tôi phát triển lên thành luận văn tốt nghiệp của tôi và đã bảo vệ thành công.

Giảng dạy cho chúng tôi là những thầy cô đã từng tham gia chiến tranh thế giới thứ hai, là những người có học hàm học vị cao, truyền đạt cho chúng tôi rất nhiều điều bổ ích. Chúng tôi tất bật, vất vả vô cùng trong suốt những năm học ở Học viện.

Sau này, mấy anh em tôi không đến nổi nào. Anh Sâm thì giữ chức Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Quản lý bay Dân dụng Việt Nam, rồi sau này đến tận chức Thứ trưởng Bộ Giao thông Vận tải- Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam. Anh Liêm và anh Thư thì giữ chức Trung đoàn phó Trung đoàn bay, và hy sinh khi đang bay huấn luyện. Anh Tôn giữ chức Phó Giám đốc Học viện Không quân- Bộ Tư lệnh Không quân.

Hàng năm chúng tôi chỉ nghỉ hè mười ngày, sau đó trở lại trường cũ- trường Kranôdar để bay hồi phục kỹ thuật. Mấy năm học Học viện, mắt tôi bị “mù đỏ” nên không được bay. Tôi ngán ngẩm lắm, nghĩ đời mình chấm dứt ở đây, nhưng lại nghĩ, không thể ăn không ngồi rồi thế này được. Tôi bắt đầu dịch sách. Tôi dịch quyển “Tiêm kích sống bằng chiến trận” của Nguyên soái Không quân Xcômôrôkhốp. Sau này dầu không được xuất bản thì cũng là kỷ niệm đẹp, đáng nhớ trong những năm học ở Học viện, nhưng nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã cấp phép cho xuất bản, in xong tháng 9 năm 2002 tại Nhà máy in Quân đội. Tôi còn tiếp tục dịch quyển “Những phi đội bay về phía Tây”, được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân cấp phép và in xong nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2003. Năm 2004 tôi biên dịch quyển “Nghịch lý thế kỷ 20” được Cục xuất bản cấp phép, in xong và nộp lưu chiểu quý IV- 2004.

Giữa khoá học, nghỉ hè chúng tôi được về nước. Quả thực, sau hai năm xa, đất nước có nhiều nét đổi thay. Về nước được hơn một tháng, chúng tôi lại sang học tiếp. Lần sang sau này thì thật nặng nề vì thấy thời gian trôi quá chậm. Nhớ nhà, nhớ quê, nhớ vợ cứ rộn lên (tôi cưới vợ dịp về nghỉ hè). Kết thúc năm học thứ 3 thì tôi cũng hoàn tất bản luận văn tốt nghiệp của tôi. Vì tôi viết phần lý thuyết, lại đăng ký đề tài trước nên hoàn toàn chủ động. Đến năm thứ 4, thời gian một tháng rưỡi nhà trường giành cho làm luận văn tốt nghiệp thì tôi quá nhàn hạ, nếu không giúp anh em khác thì đi chơi khắp nơi, nghĩ rằng sẽ không bao giờ trở lại đất Nga nữa, lần này là lần cuối cùng

rồi. Thế nhưng tôi vẫn còn có dịp quay lại Học viện, quay lại nước Nga vài lần nữa về sau này.

Tháng chuẩn bị tốt nghiệp, chuẩn bị về nước, đối với tôi là tháng dài đến vô tận. Tôi cắt một dải băng, vạch 31 ngày thành 31 đốt treo ở đầu giường, qua một ngày lại lấy kéo cắt đi một đốt. Ngày cuối cùng, đốt cuối cùng, tôi đốt ra thành than hoà vào rượu uống.

Tạm biệt trường, tạm biệt đất Nga! Đối với tôi, tôi mang ơn sâu nặng với đất nước Nga. Lần sang trước, tôi đã học bay, nắm vững được thuật bay để tồn tại được trong chiến tranh. Lần này tôi được trang bị lý luận, kinh nghiệm để chỉ huy quân đội. Tôi trưởng thành như vậy, làm sao lại không kể đến chuyện ơn nghĩa. Biết bao thầy cô dạy tôi tận tình, biết bao người coi tôi như con. Biết bao người coi tôi như người thân, ruột thịt. Lần nào về nước tôi cũng đi trong nước mắt của sự tiễn đưa, những giọt nước mắt chân tình, những tấm lòng nhân hậu... Suốt đời tôi, tôi không bao giờ quên được! Ôi nước Nga! Nước Nga! Tôi coi đây cũng như một phần máu thịt của tôi!.

Chúng tôi về nước và được phân công công tác ngay. Tôi được bổ nhiệm làm Tham mưu Phó tác chiến của Trung đoàn 927 ở Kép. Tôi kéo quân vào Đà Nẵng bay hồi phục.

Rồi tháng 9 năm 1979, do nhu cầu phát triển lực lượng, một Trung đoàn Không quân tiêm kích MIG- 21 nữa được thành lập. Tôi được giao nhiệm vụ làm Trung đoàn trưởng trung đoàn này đóng đô tại Yên Bái. Ngày tôi từ Kép lên Sư đoàn nhận nhiệm vụ cũng là ngày tôi phải về Trung đoàn luôn, chẳng kịp đem theo đồ đạc, quần áo sinh hoạt gì hết. Sắm tơi thì tôi đến trung đoàn. Thời đó, đường lên Yên Bái rừng còn âm u, tre nứa xoè kín hai bên đường chứ đâu quang đãng như bây giờ. Tôi đứng giữa sân trung đoàn, nhìn cảnh tượng mà ngao ngán. Trước đây 2 ngày, có một con lốc đi qua đúng khu vực trung đoàn đóng quân. Nhà thì đổ ngổn ngang kèo cột, vách liếp, nhà thì tóc mái giờ đòn tay khằng khiu, cây gãy, cây xiêu, cây bật gốc... cảnh cảnh vô cùng. Thật chẳng khác gì qua một trận càn của Pháp. Tôi cắn chặt hai hàm răng, đứng trầm ngâm suy tính. Anh em trong trung đoàn toàn những người tứ xứ ở đủ mọi đơn vị dồn chia cho. Số bị vi phạm kỷ luật dạng để đưa lên Yên Bái “cải tạo” không phải là ít. Tất cả len

lên nhìn tôi, dò xét phản ứng của tôi. Tôi không nói gì, ngay tối đó triệu tập cán bộ, nói rõ yêu cầu, phân công nhiệm vụ cụ thể, động viên anh em bắt tay vào công việc ngay từ sáng hôm sau. Tôi cũng xoay trần lao động cật lực cùng anh em. Một tuần lễ sau thì trung đoàn đã ra dáng một doanh trại quân đội. Cũng sau đó một tuần, sau khi thành lập trung đoàn, chúng tôi tổ chức trực chiến và bay ban bay huấn luyện đầu tiên. Tuy vùng biên giới phía Lạng Sơn đã yên ổn, nhưng phía Tây Bắc này: vùng Thanh Thủy, Mường Khương, Xín Mần vẫn còn rất căng thẳng. Người dân biên giới vẫn phải đi sơ tán. Chúng tôi vẫn phải tổ chức bay tuần tiễu trên không. Dưới đất thì tuần tra canh gác nghiêm ngặt... nghĩa là không khí sẵn sàng chiến đấu vẫn phải ở mức độ cao nhất.

Chúng tôi ở đã khổ sở: Nhà lá vách nứa, điện lại không có, đêm đến chỉ lù mù chai dầu nhét giẻ vào làm bắc, khói um nhà, lỗ mũi anh nào sáng rửa mặt ngoáy cũng đen sì muội than... Vậy nhưng ăn lại còn khổ hơn: Thuần một giống hạt bo bo, nuốt không nổi. Bọn tôi có “sáng kiến tối tăm” là lấy bo bo đem nấu rượu, lên đồi nhổ sẵn lược thế vào chỗ bo bo kia. Trung đoàn phát động phong trào tăng gia trồng sắn. Tôi cũng sắm dao quắm, lên đồi phát cây làm nương như mọi anh em khác. Rồi đào ao thả cá, nuôi bò, chăn lợn... đủ cả. Tôi liên hệ được với Ty thủy sản ở Thác Bà, khoảng 1- 2 tháng lại ra đó xin vài tạ cá. Cá ở đó rất to. Loại mè hoa cứ 60- 65kg một con, cá măng có con tới 80kg, chỉ có ở Thác Bà tôi mới biết thế nào là món dồi cá. Tôi tổ chức cho số anh em phi công không trực- ngày Chủ nhật xuống tàu theo đi đánh cá, vui lắm! Hồ Thác Bà dài hơn 100 km, rộng cũng 50- 60 km, đảo rất nhiều. Bọn hải tặc cũng có hoạt động cướp các thuyền đánh cá nhỏ. Cá nhiều và to. Những lần xuống tàu là những lần thay đổi không khí cho anh em, về anh em phần khởi hân.

Cũng ở Yên Bái, tôi được ăn khá nhiều loại thịt thú rừng. Trung đoàn có mấy tay thợ săn đi cùng đội săn nên hay được chia phần. Cứ hì hụi cả đêm. Nghĩ lại đúng thật buồn cười. Đồi bộ đội xa nhà chẳng còn thú vui nào hơn, nhất là lại ở chốn rừng rú nữa.

Mang tiếng là Trung đoàn trưởng, nhưng ô tô chẳng có, mãi sau mới được một chiếc “Bắc Kinh” ọc ạch. Về sư đoàn hợp quân chính toàn phải đi

tàu hoả, lăm phen còn trốn vé, tới ga Đông Anh xuống đi bộ ngược theo đường sắt, ra gặp Quốc lộ 3 là đi bộ về sư đoàn. Thường tàu đến Đông Anh là hơn 1 giờ sáng. Cuộc bộ tới sư đoàn là hơn 4 giờ. Cơ cực lăm chẳng được như cán bộ trung đoàn thời bây giờ đâu.

Tôi nhớ có lần họp quân chính xong trên đường về thì xe hỏng, vừa đi vừa đẩy, trong xe khói um (vì hở vòng găng dầu) phải tháo hết mui xe. Cả tôi, cả chính uỷ, lăm lái xe đều cởi trần, chỉ mặc độc mỗi người một chiếc quần đùi đẩy xe. Xe nổ máy là phải mắ mắ mắ lợi chạy, vì hễ phanh là chết máy liền. Đến cổng trung đoàn, cảnh vệ sợ không hiểu là loại xe gì không có mui, khói như quạt chả, lại 3 ông cởi trần ngồi ở trên, nên không dám mở cổng. Tôi phải quát mãi, khi nhận ra tiếng tôi, cảnh vệ chạy ra để mở cổng thì xe lại chết máy. Vậy là lại phải đẩy vào sân trung đoàn, ai nấy đều bã người. Đã đói ăn thì chớ, lại đẩy xe, hò la suốt dọc đường rừng gần 200km thì ai mà chịu cho nổi!

Hồi đó, để đủ củi cho nhà bếp nấu ăn, trừ số phi công ra, còn lại tất cả cán bộ, chiến sỹ của trung đoàn, mỗi người phải kiếm được 40 kg củi mỗi ngày. Thôi thì đủ loại, cây nhỏ cây lớn phải khuân về hết. Bộ đội hầu hết ở miền xuôi đâu đã biết các cây trên rừng là thế nào, cứ thấy là chặt thôi. Thế là sung, ngái cũng phang, cây sơn cũng băm, đến bừa của dân trồng cũng dẫn... Tôi phải giải quyết đủ chuyện; nào là người bị lở sơn; nào dân kiện lính dẫn mất bừa, mất trâu, mất bò đê, mất xoan... ầm ĩ lên hết. Quả là những ngày thật gian nan! Các sân bay khác vấn đề chất đốt không khó khăn gì lắm vì đun bằng than. Riêng sân bay Yên Bái thì không thể vận chuyển than lên nổi (vì giá thành lên rất cao) chỉ trông chờ vào củi thôi, mà chuyện củi thì... thế đấy!

Đầu năm 1980, Trung đoàn tôi bị tai nạn cấp I (mất cả phi công lẫn máy bay). Ngày ấy là ngày kèm kiểm tra để phê chuẩn chỉ huy bay cho một cán bộ phi đội. Lê Văn Hoàn và Trần Tuấn Việt bay trình sát khí tượng. Một trong những sự khác nhau giữa máy bay huấn luyện UMIG- 21 cũ và mới là hệ thống không tốc PBD-11 và PBD-16. Một đẳng thì phải cộng thêm AH vào đồng hồ độ cao, một đẳng là độ cao chỉ ở đồng hồ bao nhiêu thì thực tế cũng là bấy nhiêu. Đáy mây ở hàng tuyến hôm ấy là 600m, nhưng “các

thầy” lại cộng thêm hơn 300m nữa (vì bay ở tốc độ 800km/giờ) nên thành ra đáy mây những hơn 900m. Sai lầm chết người là ở chỗ đó. Phi công trẻ Trịnh Xuân Hoà (quê Thanh Hoá) cất cánh lên, nhận được lệnh vòng một vòng dưới mây, tiêu dầu trước khi xuyên lên (khẩu lệnh này cũng chưa hợp lý, nhẽ ra cứ cho xuyên lên rồi tiêu dầu trên mây). Vậy là vòng 1 xong, qua vòng 2 của hàng tuyến là Hoà chui vào mây. Nếu như bảy giờ kéo lên trên mây để xử lý thì chắc chẳng có vấn đề gì xảy ra. Nhưng đoán rằng, Hoà lại giảm độ cao để xuống dưới mây. Hàng tuyến thì rộng, núi lại cao. Vậy là không thấy liên lạc gì nữa. Gọi mãi vẫn bật vô âm tín. Tôi nhận được báo cáo, chạy lên đài chỉ huy, gọi 2-3 lần không được, đành đích thân chỉ huy tất cả máy bay đang ở trên trời về hạ cánh rồi cho thủ tiêu ban bay. Sau tính toán đợi hết thời gian dầu liệu cho phép Hoà ở trên không. Hết hy vọng về chuyện Hoà đi các sân bay dự bị hạ cánh, vì trước đó tôi đã điện về sư đoàn báo động tới tất cả các sân bay trong mạng về việc mất liên lạc của Hoà rồi. Không khí trung đoàn căng thẳng và nặng như chì. Ngày ấy là ngày 24 tháng Chạp. Dự định bay ban bay xong để còn cho bộ đội đi ăn Tết. Vậy là chẳng còn Tết nhất gì nữa. Trung đoàn tổ chức 3 đội đi tìm kiếm; 3 xe ô tô tải chở các thành phần tác chiến, chính sách, quân y, cảnh vệ... và chở quan tài, tản ra 3 hướng, quây lấy khu vực núi Nả, Bằng La, Khe Tú. Quân chủng cho một chiếc trực thăng, quần đảo suốt ngày. Tôi ở sở chỉ huy trung đoàn, bụng như có lửa đốt. Các nhóm thay nhau toả đi theo các nguồn tin của dân báo. Qua tết, qua rằm tháng Giêng cũng không thấy tăm hơi gì. Rừng núi vẫn âm u, mưa rừng mù mịt. Trung đoàn đang rất khí thế trong mọi hoạt động, giờ vấp phải tai nạn thế này, buồn bã vô cùng. Tháng ấy lại tháng mưa nhiều, tôi lại càng hiểu câu “mưa rừng cọ, gió rừng thông”. Nghe tiếng mưa ở rừng cọ quanh trung đoàn đúng là nẫu lòng, nẫu ruột lên được!

Rồi trung đoàn cũng phải tổ chức lễ truy điệu cho Hoà. Tôi đọc điều văn trong tiếng nấc. Nhiều người khóc lắm. Thật tội, thời chiến tranh thì chuyện hy sinh dễ được chấp nhận, nhưng ở thời bình này, tổn thất ấy nặng nề lắm và dư âm của nó cũng kéo dài lắm!

Mấy tháng liền, tôi gầy xẹp và xạm hắc đi. Lo lắng đủ thứ để làm sao “vực” được trung đoàn dậy.

Ngày Hoà hy sinh cũng là ngày Ban cán bộ của sư đoàn lên công bố phong quân hàm cho tôi lên Thiếu tá, nhưng vì xảy ra tai nạn cấp 1 nên phải giữ lại và vì tôi là Trung đoàn trưởng phải có trách nhiệm (dù là liên đới) nên cũng phải được hưởng cái kỷ luật: cảnh cáo. Và mãi tận suốt đời tôi lúc nào cũng phải khai trong lý lịch của mình. Quân hàm thì bị giữ đến tận một năm rưỡi sau mới được trao trả. Tôi chẳng thắc mắc gì vì số kiếp là thế phải chịu thôi!

Trung đoàn tôi dần lấy lại khí thế và sang năm 1981 đã được Chủ tịch nước- Chủ tịch Tôn Đức Thắng tặng lẵng hoa trong lễ mừng công của Quân chủng. Tôi cho rằng, đây là sự phấn đấu hết sức mình của toàn thể cán bộ, chiến sỹ, công nhân viên của trung đoàn trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, thiếu thốn, thiệt thòi so với các trung đoàn khác trong toàn quân chủng. Đây cũng là sự quan tâm, đánh giá đúng mức của các cấp lãnh đạo đối với công lao đóng góp của chúng tôi vào sự nghiệp xây dựng quân đội nói chung và Quân chủng Không quân nói riêng. Chúng tôi biết ơn các cấp lãnh đạo, đồng thời cũng rất phấn khởi về thành tích (dù là nhỏ bé) mà chúng tôi đã đạt được. Riêng cá nhân tôi, tôi phải chịu ơn sâu nặng đối với tất cả anh em cán bộ chiến sỹ, công nhân viên của trung đoàn. Tất cả đã động viên, giúp tôi đứng vững và bước trên mọi khó khăn. Tất cả đã từng chung lưng, đầu cật với tôi gánh vác bao nhiệm vụ nặng nề trong những hoàn cảnh cực kỳ gian nan, éo le. Tất cả cùng nhau sống chan hoà, thông cảm thực sự với nhau trong mọi cảnh ngộ. Mỗi đoàn kết, gắn bó các thành phần trong trung đoàn với nhau ở những ngày tháng ấy thật quý biết bao.

Cho tận ngày tôi rời khỏi trung đoàn vào năm 1982 thì trung đoàn tôi không để xảy ra vụ việc nào nữa. Ban chỉ huy sư đoàn cũng thấy yên tâm đối với một trung đoàn non trẻ, sinh sau đẻ muộn trong những điều kiện thiếu thốn giữa vùng rừng núi Tây Bắc của Tổ quốc. Các cánh bay cũng đã đủ sức tung hoành trên bầu trời Hoàng Liên Sơn, đủ trí lực, lòng dũng cảm, vững tin vào việc giữ gìn bầu trời rộng lớn phía Tây Bắc này. Tôi cũng vững dạ bàn giao “quyền bính” của trung đoàn cho cấp phó của mình để về sư đoàn nhận nhiệm vụ mới.

Đời bay của tôi từng ở nhiều trung đoàn, nhiều đại đội, chia tay thuyền chuyển cũng nhiều, nhưng chưa lần nào tôi thấy lưu luyến như lần chia tay với 931. Dẫu sao, có thể mạnh dạn gọi đây là “Trung đoàn của tôi”, vì tôi là người đến đầu tiên khi thành lập, tôi đã cùng bao đồng đội bỏ biết bao công sức gây dựng từ thuở còn “hoang sơ”. Tôi từng ngày, từng giờ vui với cái vui của nó, buồn với cái buồn của nó, chăm sóc theo dõi nó như chăm người ruột thịt của mình; vì cũng ở đây, lần đầu tiên và có lẽ là lần cuối cùng, tôi nhận hình thức kỷ luật cảnh cáo đeo nó suốt cả cuộc đời mình; vì cũng ở đây tôi học được biết bao bài học về rừng, về người dân miền núi... Tôi trưởng thành, tôi già dặn thêm rất nhiều trên bước đường đời 32 tuổi-cán bộ trung đoàn. Tôi có thể để bố mẹ tôi không buồn phiền, không thất vọng vì tôi. “Tam thập nhi lập”- Tôi cũng rất cố gắng để theo kịp những câu răn dạy của cổ nhân!

Cho tới giờ thì mọi kỷ niệm về xứ sở Yên Bái vẫn cứ in đậm trong tôi. Dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập trung đoàn, tôi đứng trước bục phát biểu mà cứ chực khóc. Trở lại với những nơi thân thuộc của mình, bao giờ tôi cũng mềm lòng khi nhớ tới những gì đã qua. Dù cách xa, dù ở các cương vị công tác khác nhau, nhưng tôi luôn quan tâm đến “đường đi nước bước” của trung đoàn. Tôi vẫn cho rằng đây là trách nhiệm của tôi.

Từ năm 1982 trở đi, tôi nhận khá nhiều chức vụ, có chức vụ giao đến hai lần quyết định. Nào “chủ nhiệm bay sư đoàn”, “Chủ nhiệm dẫn đường sư đoàn”, rồi “Chủ nhiệm xạ kích trên không”v.v...

Mất đến mấy năm làm “các chủ nhiệm” như vậy, lẫn lộn bay với khắp các trung đoàn trong sư đoàn, đào tạo, bồi dưỡng các giáo viên ở khoa mục bay, tham gia đủ mọi đợt diễn tập hiệp đồng với các quân binh chủng ở khắp nơi, tôi cũng nếm thêm khá nhiều gian nan.

Lần đầu diễn tập với quân binh chủng hợp thành ở Sơn Động, tôi còn bị Tư lệnh diễn tập lệnh đòi bỏ tù tôi nữa kia. Số là: Theo kế hoạch diễn tập, ngày hôm đó là ngày hợp luyện của các lực lượng Không quân để chuẩn bị cho ngày N. Tôi chỉ huy các lực lượng này. Nhóm của tôi nằm trên đỉnh đồi cao gần 400m, cạnh chân núi Tấu. Lực lượng Mi- 24 đến bắn rốc két tiếp theo là 12 chiếc MIG- 21 đến ném bom, rồi đến 12 chiếc Su- 22 ném bom,

sau đó là 12 chiếc AN- 26 rải bom kiểu toạ độ. Tôi chỉ huy theo đúng chương trình, bài bản đã được duyệt trong kế hoạch diễn tập. Đến lúc MIG-21 ném bom thì ai ngờ được toàn bộ cán bộ từ tiểu đoàn đến sư đoàn 312 lại xông vào đúng khu vực ném bom để “thị sát chiến trường”. Điều này hoàn toàn không có trong dự kiến. Tôi lại chỉ huy trên đồi xa, làm sao thấy được đoàn người cách đây 3- 4 cây số với địa hình rừng núi. Thế là, bom cứ trút. Tốp này ném xong, tiếp đến tốp khác, loại này xong, đến loại khác. Đoàn cán bộ chạy tan tác xuống chân đồi, vừa chạy vừa la “Ông Huy ơi, đừng cho ném bom nữa”. Nào tôi nghe được gì! Cả đoàn rất may là lẩn, chạy khá nhanh nên không ai bị dính bom (mục tiêu đánh là cụm cứ điểm trên đỉnh đồi, đoàn thì mới lên đến lưng chừng đồi đã phải chạy xuôi), về đến Sở chỉ huy tiền phương thì mặt người nào người nấy cắt không còn hột máu, quần áo thì rách như tổ đĩa. Tư lệnh diễn tập nắm không hết tình hình, lệnh điện bắt bỏ tù tôi. Tôi từ đồi chỉ huy xuống gấp, mang bảng kế hoạch của Không quân xuống trình bày rõ đầu cua tai nheo ra làm sao, bấy giờ mới lại nhìn nhau tất cả cười xoà. Một đằng làm theo kế hoạch, một đằng không theo kế hoạch nên nện vào lưng nhau là phải. Hôm ấy mà đoàn cán bộ lên sớm một chút chỉ cần gần đến đỉnh thôi thì chắc sư đoàn bị xoá sổ rồi. Tôi chơi thân với anh Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn tăng của Sư đoàn 312. Anh ấy cứ ôm tôi vừa chạm chén rượu vừa nói: ”Suýt nữa ngày nay mày cho tao về thăm ông bà ông vải nhà tao!”. Thật cười ra nước mắt!

Diễn tập đã vậy, chiến đấu thực sự thì đúng là sai một ly đi một dặm, phải trả giá quá đắt cho những sơ xuất chừng như quá nhỏ.

Tôi còn tham gia một đợt diễn tập nữa ở Biển Động- Sơn Động. Và lần ấy chúng tôi bị bỏ đói vì bị lãng quên. Tổ chỉ huy của tôi theo trình tự của kế hoạch diễn tập được trực thăng cầu đến thả ở “Sở chỉ huy cơ động” để chỉ huy các đợt ném bom bằng không quân, chiều sẽ đón về căn cứ Kép. Ai ngờ, ngày đó là ngày kết thúc diễn tập, khi nhận lệnh “kết thúc diễn tập” là các thành phần rút về căn cứ âm ầm. Tôi và 3 cậu lính thông tin nữa cứ ở trên đỉnh núi đợi, gọi đối không chẳng ai nghe. Khu vực trường bắn rộng đến 400 km² không một bóng người dân. Đồi núi chập chùng, rừng thì âm u. Chiều xuống, sương giăng mờ mịt hết cả. Tôi chạy vòng quanh đỉnh núi,

phát hiện thấy có một hố sâu, diện tích khoảng 3m². Tôi hô anh em đi nhổ cỏ (loại cỏ gừng đã già, hơi khô khô) chất đầy hố. Tôi kéo các cây chỏ để mọc quanh hố khum xuống, buộc các ngọn lại làm mái che. Bốn anh em chú cháu ôm nhau ngủ trong đồng cỏ dưới hố ấy với bụng đói sôi rạo rạo, cồn cào suốt đêm. Khoảng chừng 3-4 giờ sáng, tôi tỉnh dậy thấy mây che kín đỉnh núi chúng tôi nằm. Vậy là mình trở thành tiên ông, ngủ trong mây rồi còn gì! Đói rét là hai thứ luôn kết bạn với nhau. Bụng chúng tôi chẳng được tí gì ăn suốt từ 10h sáng hôm trước, mây lại che, hơi nước dày đặc như mưa sa nên lạnh vô cùng, anh nào anh ấy cứ đánh đàn răng lập cập. Trong chiến tranh, khi bom đạn ác liệt, tôi bị bỏ đói đã đành một nhẽ, giờ thời bình, lại bị bỏ quên, lại bị đói nữa thì thật là kỳ dị! Mà thật lạ, lúc đói thì chỉ nghĩ quanh quẩn đến sự ăn thôi. Tôi nhớ, tôi lục lọi tất cả vốn liếng ngôn ngữ mà tôi biết liên quan đến chuyện ăn ra thì thấy tiếng Việt mình hầu như rất nhiều từ dính líu đến ăn: nào ăn nói, ăn mặc, ăn ở,.. rồi ăn uống... đến cả ăn nằm! Lạ thật cái sự ăn!.

Tôi dự định “hạ sơn, rồi trại” phân công nhau công ắc quy, công máy thông tin, nhằm hướng Sơn Động hành quân, đến đó bán ắc quy đi, ăn một bữa rồi mua vé ô tô về Hà Nội. Mọi chuyện sau đó tính sau. Tôi hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về mình, dù hậu quả xấu đến đâu cũng mặc. Tất cả biểu quyết tán thành 100%. Chuẩn bị xuất phát thì tôi nghe thấy tiếng trực thăng. Lại hạ máy xuống, đầu ắc quy và liên lạc thì đúng là trực thăng đi đón chúng tôi thật. Ra là, khi rút kinh nghiệm diễn tập, tất cả mới ngã ngửa người ra là tổ chỉ huy của tôi vẫn trên núi. Bây giờ mới phải trực thăng đi. Gần một tiếng sau thì chúng tôi về tới nơi. Bước chân vào phòng họp, bỗng dung mọi người vỗ tay rầm rầm làm tôi phát ngượng. Tôi lập được chiến tích gì đâu cơ chứ!

Rồi tôi lại chuyển sang ngạch tham mưu: Nhận quyết định Tham mưu phó tác chiến sư đoàn (năm 1984) Lại liên tục đi nhận, triển khai các nhiệm vụ chiến đấu, các kế hoạch diễn tập, hiệp đồng với các quân binh chủng, các lực lượng quân sự địa phương. Vừa bay vừa làm công tác tham mưu quả là rất vất vả! Có lần, khoảng 2 giờ sáng, xe đến tận nhà tôi ở khu gia đình khu tôi dậy chở tôi về thẳng quân chủng nhận nhiệm vụ, xong lại đưa

tôi thắng về Bộ Tư lệnh Hải quân. Mất hút mấy ngày, đơn vị, vợ con ở nhà lo lắng không hiểu ra làm sao. Thông tin liên lạc ngày ấy đâu có như bây giờ. Mà giả dụ có như bây giờ cũng không được phép báo. Đợt ấy các cấp nghi vấn rằng đảo Trần của ta bị hải quân địch đánh úp nên phải triển khai lực lượng giáng trả để chiếm lại. Sau mới rõ là số vượt biên trái phép bị đắm tàu, trôi dạt vào đây, đốt lửa sưởi và làm tín hiệu cấp cứu. Vậy mà bọn tôi cũng mất mấy ngày căng thẳng, lo lắng.

Tôi với lực lượng hải quân, nhất là Vùng I Hải quân rất gắn bó với nhau. Gắn bó qua các lần diễn tập, các lần họp đồng, gắn bó qua cuộc sống hàng ngày với những nét tương đồng. Người trên trời, người dưới biển. Hai cảnh ngộ khác nhau, nhưng có nét giống nhau giữa trời nước mông mênh, con người bỗng cảm thấy quả là nhỏ bé trước thiên nhiên, quá đơn côi trong vũ trụ, lẻ loi trong cái thăm thẳm đến khôn cùng, không biết đâu là giới hạn, đều mong muốn được trở lại mặt đất thân thuộc.

Tôi đã cùng anh em ra đảo Bạch Long Vĩ. Đảo cách bờ chưa đầy 200 cây số mà chuyến đi của chúng tôi thật trắc trở. 5 giờ sáng chúng tôi nhổ neo từ bên quân sự trong cảnh trời yên sóng lặng. Đầu óc hay mơ mộng của tôi bắt đầu làm việc, tưởng tượng ra bao chuyện kỳ thú của chuyến đi. Rồi về sau kỳ thú chẳng thấy đâu hết, chỉ thấy đầy những sự gian nan! Càng ra xa khơi thì sóng càng to, gió càng lớn. Bốn bề toàn nước là nước, chẳng thấy bến bờ đâu. Tôi ngồi trên đỉnh boong tàu chao lắc, nhồi lên, dập xuống ghê gớm. Tôi không khác gì con chèo bẻo đậu trên cây măng vôi lúc cơn giông. Rất may là tôi không bị say sóng. Khá nhiều lính hải quân nôn mửa đầy tàu. Tôi chỉ thấy đói và khát. Đói thì nhai mỳ tôm (nhai sống vì bếp không nấu được), khát thì “làm” lon bia. Rồi lại bập bênh theo tàu. Cách đảo chừng 30 hải lý thì sóng dữ lắm, gió ngược lại to, nước đã tràn vào cả khoang dưới, bếp ướt, giường chiếu nổi bênh hết. Trưởng tàu quyết định quay về đất liền. Xuôi gió, xuôi sóng, tàu đi đỡ hơn một chút. Đến đảo Long Châu Sa thì tàu chết một máy, nước vào khoang khá nhiều. Bơm máy, tát các kiểu để “mời” nước ra. Tàu còn một máy nên chạy rù rà rù rì. Tới phao số 0 thì chết nốt máy còn lại. Tàu đứng khựng giữa trời đêm mịt mùng

(bảy giờ khoảng gần 11 giờ đêm và vào ngày cuối tháng, chẳng thấy trăng sao gì).

Đây là lần đi biển đầu tiên trong đời tôi. Gặp sự cố thế này tôi ớn quá. Ngó vào bờ thì chẳng thấy gì. Sóng vẫn vỗ mạn tàu ràn rạt. Ngán ngẫm nghĩ rằng có khi mình làm mồi cho cá ở chuyến đi này chưa biết chừng. Tôi mệnh “Thổ” mà “Thổ” thì khắc “Thủy” theo thuyết âm dương ngũ hành, gay go đây. Tôi rón rén lại ngồi cạnh chiếc phao cứu hộ. Thôi thì “Tiểu nhân phòng bị gậy” vậy. Có gì ùm xuống biển mình còn có tí chỗ dựa chứ thẳng phi công như tôi, cả đời chỉ khuấy đảo mây trời là giỏi, xuống nước thì trụ được mấy nả! Ngượng thật đây!

Hý hoáy khoảng hơn một tiếng thì tàu sửa được máy, lại “lên đường về nước”! 5 giờ sáng hôm sau, chúng tôi lại trở lại đúng điểm 5 giờ sáng hôm trước xuất phát. Tôi vợ quần áo, vọt ngay lên bờ ngồi ngó xuống con tàu: Đúng là tàu há mồm vì có 4 “tông đơ” thì tuột mất 3, trông dáng con tàu như miệng người nửa cười, nửa mếu. Hèn gì mà nước chẳng vào ông ộc! Hú vía thật! Mấy anh em hải quân sợ tôi thôi chí không dám đi tiếp nữa. Nhưng tôi đâu xá gì! “Một liều ba bảy cũng liều” chứ! Hai ngày sau tàu sửa xong, chúng tôi lại lên đường. Lần này, thì xuôi chèo mát mái từ đầu đến cuối. Đàn cá heo nhào lộn theo tàu đón chúng tôi từ cự ly cách đảo khoảng 10 hải lý đến gần đảo chúng mới lặn. Hôm tàu về cũng vậy, chừng 20- 30 con cũng bơi theo tàu tiễn chúng tôi mãi ra xa mới thôi, loài cá thật thông minh và tình cảm!

Anh em trên đảo đón tiếp chúng tôi rất nồng nhiệt. Thuở ấy, cứ có chuyến tàu ra đó là Tết vì tàu ra mới có thư nhà gửi ra, tàu về mới gửi thư được vào đất liền. Tình cảm của người lính đảo thiếu thốn đến ghê gớm, mong tin, mong người ở đất liền ra đến ghê gớm.

Tôi được đãi như thượng khách. Gần một tuần liền, tôi chui rúc khắp các giao thông hào, đi khắp các ngõ ngách của đảo và cùng anh em hải quân đã xây dựng và bảo vệ được “phương án chiến đấu của đảo”. Càng về sau này thì anh em càng coi tôi như người nhà, càng quý tôi vì biết tôi là phi công. Mà có lẽ, đến thời điểm đó cũng chỉ có mỗi mình tôi là phi công duy nhất ra với đảo bằng đường biển và sông gắn bó với đảo như thế. Lặn lộn,

cặm cùi với công việc; cay cú, ăn gian trong bóng chuyền... đời lính rất dễ hoà nhập với nhau.

Hôm chúng tôi về là hôm buồn. Một tuần trôi qua quá nhanh. Anh em lội hết cả xuống nước vấy mặc cho ướt hết quần áo. Chính uỷ và đảo trưởng ôm tôi khóc. Tôi cũng khóc! Tận nơi tí trùng khơi, giữa trời nước mênh mông, những người lính tự đến với nhau, tìm thấy tiếng nói chung của nhau, mới gần bó với nhau giờ lại tách xa, biết có bao giờ trở lại? Biết có lần nào gặp nhau trong đời nữa không? Tất cả cứ trào dâng, nghèn nghẹn và rồi những giọt nước mắt nóng hổi cứ theo nhau rơi lã chã. Anh, tôi... những người lính sẵn sàng hy sinh hết thảy để rồi chỉ mong muốn con người sống với nhau chan hoà hơn, thân thiện hơn, cởi mở hơn, nhìn nhau không bằng con mắt thù hận, để rồi sát vai nhau xây dựng một tương lai tươi sáng hơn, để rồi con cháu chúng mình không phải sống lo âu trong đạn bom, để rồi bầu trời kia, mặt biển này luôn xanh thẳm, luôn thanh bình... Tôi, Anh... mới gặp đây mà ngỡ như quen nhau từ rất lâu rồi, như ruột thịt gia đình rồi.. Xa nhau làm sao mà không ngậm ngùi, không luyến tiếc. Tôi không hề xấu hổ khi tôi khóc giữa thanh thiên bạch nhật, giữa bạn bè đồng đội. Tôi cũng không lau nước mắt nữa, cứ mặc nó chảy tràn trên mặt mình, nặng nề bước lên tàu để về đất liền. Lòng vẫn hẹn lòng sẽ còn có dịp ra đảo nữa! không thể không ra nữa được!

Sau mấy năm giữ cương vị Tham mưu phó Tác chiến Sư đoàn, tôi lại chuyển sang ngạch khác. Tôi được bổ nhiệm làm Sư đoàn phó phụ trách công tác huấn luyện. Công việc cũng chẳng nhàn nhã hơn chút nào. Lo xây dựng kế hoạch huấn luyện cho cả sư đoàn, lo các biện pháp sao cho bay huấn luyện đảm bảo an toàn, thực hiện đúng kế hoạch, đúng tiến độ, lo bay của bản thân mình sao cho đủ chỉ tiêu, lo đi kiểm tra, phê chuẩn, bồi dưỡng các giáo viên bay, chỉ huy bay cho các trung đoàn, lo lên lớp, kiểm tra về lý thuyết, học tập dưới mặt đất, lo cho bay nâng cấp phi công, lo cho xây dựng Phòng Huấn luyện của sư đoàn luôn đạt tiêu chuẩn “Phòng quyết thắng”... cũng đủ trăm thứ. Được cái, anh em rất nhiệt tình, rất có quyết tâm, nên mọi chuyện cũng “thông đồng, bèn giọt”. Tôi mạnh dạn đề nghị lập một kế hoạch chuyển sân trong toàn sư đoàn cho số phi công mới.

Nhóm phi công mới của trung đoàn 921 cất cánh lên Kép để hạ cánh ở căn cứ của trung đoàn 927. Nhóm của Trung đoàn 927 cất cánh bay lên Yên Bái hạ cánh ở căn cứ của Trung đoàn 931. Nhóm của Trung đoàn 931 cất cánh bay về Đa Phúc hạ cánh ở căn cứ của trung đoàn 921. Hạ cánh xong, tất cả các máy bay nạp dầu, rồi tiếp tục cất cánh bay theo tuần tự ngược kim đồng hồ về Kép, Yên Bái, Đa Phúc để rồi cuối ngày phi công trung đoàn nào trở về trung đoàn ấy sau khi đã hạ và cất cánh ở hai sân cơ động kia. Tôi ngồi ở sở chỉ huy sư đoàn cũng rất lo lắng, sợ xảy ra những chuyện trục trặc, nhưng ngày ấy yên ổn cả. Phi công trẻ rất phấn khởi. Sau những lần đi hạ ở các sân bay của các trung đoàn khác về, anh em thấy tự tin hơn khi phải đi các sân dự bị, gắn bó với bạn bè ở các trung đoàn khác hơn, trình độ bay cũng nâng cao hơn, bay thấy vững tay hơn. Sau đó, chúng tôi tổ chức cho bay trong điều kiện sân bay ngắn, hẹp, tổ chức bay những bài không vực, nhào lộn động tác cao cấp một chiếc, rồi biên đội, bay không chiến... khí thế sôi nổi lắm.

Một thời gian ngắn sau thì tôi lại chuyển lại công tác tham mưu là Tham mưu trưởng Sư đoàn. Phải thành thật mà nói rằng; dính đến công tác tham mưu thì không khác gì người nuôi con mọn. Tham mưu trưởng phải quản lý số hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng của toàn sư đoàn. Mỗi năm tổ chức 2 đợt tuyển quân, mỗi đợt từ 500- 1000 tân binh. Phải nắm chắc trang bị vũ khí của các đơn vị. Phải duy trì kỷ luật, điều lệnh, điều lệ trong toàn đơn vị. Phải tổ chức trực ở sở chỉ huy các cấp, thời bình lẫn thời chiến. Phải duy trì thông tin liên lạc thông suốt. Phải nắm địch để đánh giá tình hình thường xuyên, kịp thời. Phải xây dựng các phương án chiến đấu, các phương án diễn tập, kiểm tra hàng năm. Phải xây dựng kế hoạch năm... Thực thượng vàng hạ cám đều dính đến tham mưu hết. Công việc ngập ngụa, chồng chất. Nếu không sắp xếp khoa học thì có làm bù đầu lên cũng không xuể.

Những năm làm công tác tham mưu, tôi đi cũng nhiều: Hiệp đồng với các quân binh chủng. Hiệp đồng với các lực lượng quân sự địa phương. Hiệp đồng tuyển quân, trả quân vv... đủ cả. Bước chân in khắp các nẻo

đường, vất vả nhưng mình học được rất nhiều qua những chuyến đi, qua những lần làm việc với các đơn vị, các địa phương.

Ban chỉ huy sư đoàn của chúng tôi mấy anh em rất hiểu nhau, nhất là tôi với anh Bảy Việt. Chẳng gì thì từ ngày nhập ngũ tới giờ, qua mấy chục năm cùng bay, cùng chiến đấu, cùng chung mọi niềm vui, nỗi buồn... làm gì không hiểu nhau. Có thể còn hiểu nhau hơn cả anh em ruột thịt nữa, vì mấy khi anh em ruột thịt cùng ở với nhau liên tục mấy chục năm trời đâu!

Quản lý một khối lượng công việc và một số lượng lớn chiến sỹ thì phải xử lý với bao nhiêu trường hợp, chẳng trường hợp nào giống trường hợp nào. Thống nhất tất cả được thành một ý chí thì quả là khó. Tôi còn nhớ, đã có lần nằm trong hầm sơ tán mà chúng tôi dám thảo ra “hịch tướng sỹ” thời nay, đại loại như “Ta cùng các người sinh ra gặp thời chiến tranh đánh phá ác liệt bằng Không quân Mỹ, suốt ngày báo động, căng thẳng khôn cùng, chỉ muốn nhanh chóng xuất kích chiến đấu để bắn tan thây lũ giặc trời cho hả giận. Ta cùng các người khi không chiến thì cùng nhau sống chết, lúc bóng chuyền thì cùng nhau vui đùa... nghĩ rằng các danh tướng thời xưa đối xử với cấp dưới của mình cũng chỉ như vậy là cùng. Nay ta biên soạn ra điều lệnh, điều lệ và mọi quy định, mong các người ngày đêm học tập và chấp hành nghiêm chỉnh. Được như vậy thì coi nhau như anh em ruột thịt trong nhà. Bằng không thì trở thành cừ thù...” đại loại lắm trò tai quái như thế, nhưng khi “cầm quân” thì tôi hiểu sâu sắc rằng mỗi đoàn kết gắn bó sẽ tạo thành sức mạnh ghê gớm.

Cũng những ngày này, tôi và các anh em trong Ban chỉ huy nuôi ý tưởng tha thiết muốn xây dựng đài tưởng niệm cho số anh em đã ngã xuống trong cuộc chiến tranh qua. Nhiều lần trao đổi với cả các anh trên quân chủng, các anh đều ủng hộ, và rồi các nhóm họa sỹ, kiến trúc... đã đến khảo sát và các đề án được lập.

Tôi rời sư đoàn một thời gian ngắn thì tượng đài được khởi công. Ngày ấy tôi cũng có mặt. Lòng rung rung nhủ rằng: thế là cuối cùng, bạn hữu cũng có chốn có nơi để quy tụ, để mọi người bây giờ, để con cháu mai sau tưởng nhớ đến công lao của các anh đã từng đổ xuống đất này không uổng phí, để tất cả nhìn lên tượng đài hiểu rằng, có được không gian thanh bình

như thế này, có được bầu trời yên ả như thế này, đã phải trả giá bằng máu xương, đã phải trả bằng cả mạng sống của bao số phận. Mỗi một bậc bước lên tượng đài như tượng trưng cho một liệt sỹ đã nằm xuống, công hiến tuổi thanh xuân của mình cho các thế hệ mai sau. Trước ngày khánh thành tượng đài, tôi đã viết bài thơ “Lời người dưới mộ”, những mong mọi vong linh của đồng đội, bạn bè được mát mẻ, nhẹ nhõm ở chốn vĩnh hằng.

Lời người dưới mộ

(Kính viếng hương hồn các bạn hữu đã phải xếp đôi cánh của mình trong những trận không chiến)

Lũ chúng tôi
Những người nằm dưới mộ
Ai đó bảo chúng tôi xấu hổ
Ai đó cho rằng chúng tôi thiệt thòi
Bởi chúng tôi
Đâu còn sống trên đời
Không biết khóc
chẳng biết cười
Không biết bon chen giữa thăng trầm thế cuộc
Mặt chẳng nếp nhăn
Đầu không sợi bạc
Trôi nổi gì đâu trong dâu bể trầm luân
Còn mãi thanh xuân
Lũ chúng tôi
Những người nằm dưới mộ
Không hề ân hận
Bởi tháng năm cống hiến cho đời
Trong sâu lắng - ngậm cười
Khi bạn bè
Vẫn nhớ đến nhau
Đau cùng nỗi đau
Chia cùng niềm vui
Chung từng điều trần trở
Lũ chúng tôi

Những người nằm dưới mộ
Không hề đau khổ
Nuối tiếc Cuộc đời
Bởi cuộc chiến qua
Phải có người ngã xuống
Cho thanh bình
Con em an hưởng
Rồi một mai; theo vòng kiếp luân hồi
Chúng tôi lại trở về đội ngũ
Lại gặp những, bạn bè
Mới
Cũ
Lại cùng nhau bay giữ đất, giữ trời
Mai đây thôi
Khi người biết thương người
Khi đất không còn lạnh lẽo
Nghe em... qua mộ chí...
Tiếng cười!

Trường trung cao (nay là Học viện) của Quân chủng Không quân- mấy phen “sức giấy” đề nghị chúng tôi giúp trường về giáo viên. Tôi cũng mấy bận xuống đây giảng, “gõ đầu sỹ quan”, rồi đỡ đầu cho mấy đợt làm luận văn tốt nghiệp, chấm phản biện. Số “học viên” được tôi đỡ đầu làm luận văn bảo vệ đều được điểm cao cả, mặc dù ngày bảo vệ của họ tôi không có mặt. Bây giờ gặp lại, các anh ấy vẫn gọi tôi bằng thầy. Thôi thì, “nhất tự vi sư”, trong tình đồng đội có thêm tình nghĩa thầy trò nữa thì càng thêm thấm chặt.

Tuy làm công tác tham mưu bạn như vậy, nhưng tôi vẫn tham gia bay, và hầu như các năm đều hoàn thành chỉ tiêu giờ bay cá nhân. Tôi vẫn tự hào về huyết áp, tim mạch của tôi là “phi công vũ trụ ngó thấy cũng thèm” nhưng ai ngờ mấy năm về sau này nó phản lại tôi đột ngột quá. Ngày 09/05/1989 khi tôi bay làm giáo viên (ở buồng lái sau) cho chuyến bay chuyên sân Đa Phúc lên Yên Bái, trời mây đến 6- 7 phần. Tính toán thời

gian đến Yên Bái rồi nhưng không thấy sân bay, tôi hơi nghiêng sang phải thì thấy Hồ Thác Bà. Tôi nói với cậu Trần Hậu Thiết (ngồi buồng lái trước) đừng đừng đây gì, để tôi điều khiển hết. Tôi lượn bay sát đỉnh mây sau đó chui qua lỗ hổng, bay tụt xuống dưới mây. Đáy mây khá thấp, chỉ khoảng 400m, tôi vòng tiêu dầu dưới đáy mây, sau đó làm hàng tuyến hẹp vào hạ cánh.

Trung đoàn rất mừng vì được thêm một máy bay huấn luyện UMIG-21 nữa lên bổ sung vào lực lượng của trung đoàn, và nhất là có tôi lên bay bồi dưỡng và phê chuẩn giáo viên không chiến cho trung đoàn. Tôi không thể tưởng tượng được đây lại là chuyến bay cuối cùng, chấm dứt đời bay của tôi từng bấy lâu gắn bó với bầu trời. Số là ngày hôm sau ra sân bay để bay huấn luyện, khi khám sức khỏe trước chuyến bay cho tôi thì Y sỹ hàng y trợn mắt lên vì huyết áp quá cao: 180/140mmHg. Tôi bị cắt bay, sau đó đi viện một thời gian. Tôi rất chú quan đến bệnh huyết áp chỉ khi nằm viện, đọc tất cả các tài liệu có liên quan đến bệnh huyết áp cao mới thực sự phát hoảng. Ra con người ta vẫn là một cơ thể chưa hoàn chỉnh, lắm bệnh tật linh tinh lắm.

Vậy là bỗng dưng tan vỡ mọi ước vọng. Tôi cứ ngỡ tôi còn bay được lâu, lâu nữa. Bầu trời nghiệt ngã với tôi trong chiến tranh chắc không hà khắc với tôi trong thời bình. Ai dè, xoẹt một nhát, thế là thôi! Cao xanh vợi vợi lại ngàn trùng cách trở. Không còn bao giờ được vùng vẫy trong vũ trụ khôn cùng. Không còn bao giờ được đùa rớn cùng mây trời. Không bao giờ được cánh sát cánh cùng đồng đội vẽ những nét uốn lượn trong thình không. Không bao giờ còn có cảm giác thực sự trong tay mình có độ cao và tốc độ... Không bao giờ! ... Không bao giờ nữa!

Tôi ý thức được rằng đời bay của tôi vậy là chấm dứt, chấm dứt quá đột ngột và oan ức. Không thể cất cánh lên trời với huyết áp cao như thế này được. Nhưng mà đột ngột quá! Hỡi ôi! sẽ vĩnh viễn không còn giọng nói mà bạn bè vẫn nhận xét là mang chất thơ ở trên các tầng không nữa... Tôi xót xa tựa như nằm trong nhà mồ ngó ra cuộc sống sôi động bên ngoài, muốn cựa mình mà không sao cựa nổi. Một câu ca dao bỗng chợt vang trong tôi “Em như con hạc giữa đình. Muốn bay, không cất nổi mình mà

bay!”. Ngậm ngùi biết bao! Rồi ghé nhà trường khi tay còn dính đầy mực, đòi học trò chưa vương chút bụi nào của sự bon chen, lo âu, toan tính của đời thường, tôi đã gắn bó luôn với mây trời. Gần một phần tư thế kỷ, cánh bay của tôi cùng đồng đội đã qua bao nhiêu phương trời của đất nước, nếm đủ mọi gian truân, đủ nỗi vất vả, vui có, buồn có, nước mắt, tiếng cười... hoà quyện từng ấy năm! Tổng cộng thời gian bay của tôi cho đến chuyến bay cuối là 1929 lần chuyến = 797 giờ 03 phút. Để đạt được số giờ bay ấy ở trên loại máy bay phản lực chiến đấu MIG-21 thì chật vật lắm, đâu dễ dàng gì. Có chuyến bay ngắn nhất của tôi là chưa đầy 10 phút, bình thường là 25-30 phút một chuyến. Tổng số không nhiều nhận, nhưng phải nhặt nhạnh qua nhiều năm.

Đến ngày 31/12/1992 thì tôi có quyết định cất bay chính thức. Ngày đó thì tôi chẳng còn ngỡ ngàng gì nữa, vì mình đã xác định được tư tưởng ở một thời gian quá dài rồi. Giờ chỉ còn là thủ tục lễ nghi mà thôi. Số phận với tôi vậy là an bài! “Trăm đường tránh không khỏi số!”. Cũng không oán trách ai, oán trách gì cho mệt! Tôi bình thản hoàn thành các phận sự của mình.

Và cũng chẳng ngờ- đời tôi lại bước ngoặt tiếp sang một hướng khác- chuyển ngành sang Hàng không Dân dụng, mà ở đây biết bao khó khăn mới lại đang chờ đợi tôi. Tôi gần như lại làm lại từ đầu, làm quen với môi trường, với công việc, với các mối quan hệ, với mọi khó khăn... Sẽ có những bạn bè mới, sẽ có những niềm say mê mới, miễn là tôi không được nhụt chí! Tin rằng bấy nhiêu năm được rèn trong quân ngũ, tôi sẽ đứng vững được như đang từng đứng.

Ngày chia tay tôi rời khỏi sư đoàn, cũng là rời khỏi quân ngũ (trở thành sỹ quan dự bị hạng 1) để đi nhận nhiệm vụ mới, có biết bao nhiêu tình cảm xáo trộn trong tôi. Bấy năm tôi sống, tôi cũng đã đóng góp được những gì đó, nhưng tôi thấy vẫn quá ít ỏi. Bao nhiêu đồng đội kề vai, sát cánh gánh vác đủ các nhiệm vụ trong những năm qua, giờ lại phải xa. Thoáng nghĩ trong tôi ý nghĩ mình có phải là kẻ đào ngũ không? Chắc hẳn là không! Hai tổ chức khác nhau nhưng vẫn có chung một cội nguồn, vẫn phải gắn với bầu trời. Mọi sân bay đều dùng chung. Tôi trở thành dân sự nhưng chất lính hun

đúc bấy nhiêu năm không thể tàn phai được. Mà thực ra tôi đang ở bờ Bắc sân bay nay chuyển sang bờ Nam sân bay làm việc thôi. Xa xôi, xa lạ gì đâu! Tin rằng, mối quan hệ công tác rồi chỉ có tốt hơn lên mà thôi.

Tạm biệt bạn bè, tạm biệt đồng đội, tạm biệt đời quân ngũ với bao nỗi nhớ thương, bao kỷ niệm sâu nặng, tôi ra đi, tự nhủ sẽ phải làm việc, phải sống như đã từng sống! Và chắc hẳn, sau lưng tôi, xung quanh tôi, bạn bè, đồng đội vẫn theo dõi, nhắc nhở, ủng hộ tôi như khi tôi vẫn còn đeo quân hàm. Ở đâu tôi cũng luôn tâm niệm: Mình là Anh bộ đội Cụ Hồ!

Chương V - Hạnh phúc riêng tư

Viết những dòng này, trước hết tôi vô cùng cảm ơn vợ tôi- người bạn đời đã từng gánh vác, chia sẻ mọi nỗi niềm cùng tôi trong khó khăn, gian nan, suốt cả quãng đường từ những năm chiến tranh chống Mỹ cho tới ngày chấm dứt sự tồn tại của tôi trên cõi đời này. Người vợ, người bạn từng chăm chút, động viên tôi những khi gian khó, lằng lằng chịu đựng hy sinh cho chồng con; lo lắng theo dõi, cùng vui buồn với tôi trong mọi việc, sẵn sàng tha thứ khi tôi mắc những khuyết điểm, lỗi lầm, để xây dựng hạnh phúc gia đình trọn vẹn.

“Mối tình học trò” của tôi nảy sinh vào năm 1966. Mối tình đầu thuở ấy thật ngây thơ, trong trẻo như trang giấy trắng của học trò. Năm ấy là năm tôi đang học bay tại trường Krasnôdar. Tôi viết thư về nhà, ngỏ lời với cô bạn học cùng lớp 10B hiện là sinh viên Đại học Y Hà Nội. Tôi gửi thư đi mà lòng phấp phồng chẳng yên. Bạn bè cùng lớp, chỉ những thời gian cuối cấp, lúc ôn thi mới thực sự quý nhau. Rồi bây giờ lại mỗi người mỗi nơi thế này, chắc gì hiểu hết nhau. Nhiều người nói “tình yêu học trò” thường không bao giờ thành công. Tôi không tin lắm. Mãi sau này nghiệm ra mới thấy đúng như vậy thật! Khoảng hơn 2 tháng sau thì tôi nhận được thư trả lời, “người ấy” chấp nhận và hẹn khi nào tôi về nước, tất cả đều tốt nghiệp rồi mới tính tiếp đến các chuyện lớn trong đời. Tôi về phòng, đóng cửa, nằm trên giường, hai tay lùa dưới gối, nhìn lên trời qua khung cửa sổ mà lòng rộn lên bao cảm xúc, mơ tưởng đến bao nhiêu giấc mơ viễn vông. Cuộc đời tôi cũng thật lạ lùng. Đúng 9 năm sau, tôi lại có dịp về đúng căn phòng ấy, trong không gian ấy, khung cảnh ấy... tại trường cũ, lại nằm ngó trời qua cửa sổ nghĩ về năm xưa. Tại đây, nơi xa kia đã có người nhận lời yêu mình, và nay cũng người ấy không còn là của mình nữa, bao nhiêu năm rồi chẳng gặp nhau. Tôi thì bị cắt bay vì mắt quá kém (do đọc nhiều mắt còn có 3/10 mà tôi từng kể khi tôi học ở học viện). Nhìn trời, ngó đến mình, lòng vô cùng ngao ngán. Tôi đã viết bài “Vòm trời qua khung cửa” để nói đến tâm trạng của mình lúc bấy giờ (gửi H):

Anh không ngờ. Chắc em cũng không ngờ

Xa cách thế. Anh lại về trường cũ
Mười năm qua- ai ngỡ đâu đoàn tụ
Những trẻ thơ- xưa cùng một mái trường
Anh đi thăm lại các nẻo đường
Mười năm trước, bạn bè mơ mộng
Mười năm trước, trời cao lồng lộng
Bạn bè xây đến lăm ước mơ.
Anh không ngờ chắc em cũng không ngờ
Tình trời đến với anh như cổ tích
Rồi từ giã... rồi xa xa... rồi tịch mịch
Thực hay mơ anh nào biết bao giờ
Xưa em kêu: “Ôi màu xanh hiền từ!”
Sâu thăm thế! Ân tình tha thiết thế!”
Thật tiếc hận, bởi đến giờ vỡ lẽ
Trời của ai, nào phải của anh đâu!
Vòm cao kia vẫn xanh thăm một màu
Và thêm nữa, vẫn chan hoà ánh nắng
Nhìn cao xanh lòng anh dường chết lặng
Mà vẫn ước ao gặp lại tình trời
Nhưng thôi rồi, tất cả đã xa xôi
Tất cả đã lại tàn trong dĩ vãng
Tất cả đã cố tình quên lãng
Anh lạnh lùng đón nhận nỗi cô đơn
Vòm xanh kia sao chan chứa giận hờn
Anh chỉ thấy mập mờ qua khung cửa
Chắc vĩnh viễn chẳng khi nào gặp nữa.
Em và anh.
Như trời cũ xanh... xa...!

Đó là chuyện của những năm về sau này, còn thời năm 1966, khi tình yêu chớm nở với một kẻ mới ở tuổi trưởng thành thì khác lắm. Tâm hồn lúc nào cũng như có cánh. Mọi chuyện tôi đều cho rằng sẽ rất đơn giản. Tôi ngờ nghệch và ngớ ngẩn thật.

Chúng tôi tốt nghiệp về nước để tham gia chiến tranh. Tôi thì lang bạt khắp các sân bay. Người yêu thì sơ tán tận Bắc Thái theo trường, lớp. Có lẽ, từ lúc chúng tôi yêu nhau đến lúc chia tay nhau, số lần gặp nhau chỉ tính được trên đầu ngón tay, mà thời gian gặp cũng rất ngắn ngủi, bởi tôi phải trực, rồi đơn vị quản lý. Phi công mà! Phải quản, phải giữ sức chiến đấu cho trung đoàn, vậy nên tình yêu của chúng tôi gần như mang tính tiểu thuyết hơn là đời thực.

Gia đình người yêu tôi thì cực lực phản đối chuyện yêu đương này. Hình như thời ấy, cứ cô trường y nào yêu hoặc lấy phi công là gần như phi công ấy đều hy sinh trong các trận không chiến, như thành “dóp”: gái trường y “sát” phi công! Gia đình bên kia sợ con gái mình sớm goá bụa. Người yêu tôi thì không dám đấu tranh. Giai đoạn gia đình căng thẳng nhất để đi đến quyết định cuối cùng cho chuyện này thì tôi lại đang bay thử ở sân bay Tường Vân (bên đất Trung Quốc) chẳng có địa chỉ, nên không trao đổi được tin tức gì. Vậy là, hạnh phúc đã tuột khỏi tay mình. Tôi buồn lắm, nhưng không oán trách ai cả. Hạnh phúc của tôi, tôi không giữ được còn định đổ lỗi cho ai! Cũng đã trải qua 4 năm từ lúc tôi ngỏ lời đến lúc tan vỡ. Thời gian có lẽ vẫn hơi ít trong thử thách, hay duyên số không thuận, hay mối tình học trò nào cũng cứ phải dang dở như vậy...? Tôi chẳng hiểu được nữa! Gánh tang bỗng với người này thì như một định mệnh, với người kia thì như một nghĩa vụ phải trả, với người khác thì lại là phù phiếm...! “Con tạo xoay vần”! Số phận một đời người khó ai tự định đoạt, tự thoát ra khỏi con xoáy lốc của vòng kiếp luân hồi! Càng về sau này thì tôi lại càng nghiệm thấy như vậy.

Những cuộc cơ động, những sân bay đã chiến, những lần xuất kích, những trận không chiến, những đạn, những bom... đã cuốn hút gần như hết tâm lực của tôi, làm cho tôi đến chóng mặt. Chừng như chúng muốn giúp tôi xoá bỏ được nỗi đau buồn, nhanh chóng quên đi những kỷ niệm chua xót và nhanh hàn gắn vết thương lòng! Chiến tranh! Vậy là nó cũng góp phần làm cho tôi thoát khỏi được trạng thái u uất, sầu não để tỉnh táo mở to mắt nhìn thẳng vào nó, đối mặt với những hiểm nguy, tìm lấy con đường chiến thắng.

Mấy năm trời sau này của chiến tranh, tôi như một kẻ lãng tử, như một hiệp sỹ lang thang “một mình một ngựa” khắp các sân bay cơ động, khắp bầu trời miền Bắc, không chút vướng víu, ràng buộc, bận bịu gì với chuyện tơ duyên. Tôi bước vào các trận không chiến nhẹ nhõm, nghĩ như chuyện đánh trận giả thời con trẻ, ngỡ tưởng mình cứ “lông bông, lang bang” thế mãi cho rảnh thân, nhưng chắc tiền kiếp tôi còn nặng, nên thần tình ái Quypidông giương luôn cung lên bắn một phát tên xuyên tim tôi ngay tắp lự.

Năm 1969, khi đơn vị tổ chức cho số phi công trẻ chúng tôi lên Tam Đảo nghỉ mát mấy ngày, chúng tôi hay đi dọc đường dốc, đến thăm các gia đình ở các khu dân cư trên đó. Trung đoàn tôi, anh Nguyễn Hồng Nhị đã lấy vợ ở khu 2. Chúng tôi đến thăm gia đình của Thủ trưởng mình. Đến tận bây giờ, tôi vẫn nhớ như in cảnh tượng khi chúng tôi bước vào ngõ, thì thấy một cô bé đang quay tóc vì mới gội đầu xong. Mái tóc dài óng quay vù vù bắn ra ngàn vạn hạt nước nhỏ li ti mang theo hương lá bưởi, lá sả... Tôi từng người, nhớ về mẹ tôi: Người cũng hay gội đầu bằng nước bồ kết hoặc bằng các loại lá bưởi, lá chanh... nấu lên, gội xong cũng đứng quay tóc ở một góc sân để hong cho khô. Mùi hương quen thuộc ấy không thể lẫn với bất kỳ mùi hương nào khác, dù rằng đời tôi về sau này gặp rất nhiều mùi nước hoa, mùi của các loại thảo mộc... Mũi tôi có lẽ thính cũng như mũi chó, những ấn tượng gì ghi nhận được là giữ rất lâu. Nhiều lần mẹ tôi sai tôi vào nhà lấy áo cho người, nhà tôi om vì không có đèn đóm gì, tôi đến dây quần áo “đánh hơi” đúng áo của mẹ tôi để lấy ra đưa cho mẹ, không sai lần nào, và lần gặp đầu tiên này, cô bé mặc áo màu xanh sẫm, quần đùi (hay “phíp” gì đó tôi không rành về khoản này), đứng quay tóc với mùi hương thân quen đã làm tôi “choáng” trong giây lát. Tôi cũng đâu nhìn thấy mặt vì phải bước né qua kéo ngọn tóc vút vào người. Thế mà rồi định phận lại ghép chúng tôi lại được với nhau mới thật lạ lùng! Càng về sau này, càng tiếp xúc với lý thuyết âm dương ngũ hành, tôi càng thấy câu cổ ngôn “nhất âm, nhất trắc, giai do tiền định” thật chẳng sai chút nào. Nhưng bây giờ, khi tôi đang có người yêu, cô bé lại là em vợ của Thủ trưởng trung đoàn, lại còn bé con, gọi mình bằng “chú” thì tôi đâu biết được con tạo xoay vần đến là

vậy! Suốt thời gian nghỉ, chúng tôi đến chơi một vài lần với tâm trạng hoàn toàn vô tư, không hề hay biết rằng sợi tơ trời đã vương và dần dần ràng buộc chúng tôi.

Tôi trở về trung đoàn, rồi sang sân bay Tường Vân (Trung Quốc) bay thử, rồi mất người yêu, sống trong cơn bão lòng mấy năm trời. Con bão ấy dịu đi, tôi cứ nhủ, mình sống trong cảnh cô đơn thế cho nhẹ xác. Tôi đã từng đọc cho bạn bè tôi nghe bài “tự cảm” của tôi trong giai đoạn ấy:

Trời thu xanh thăm rộng mênh mông
Gió cuốn mây trôi, dạt bập bênh
Chim trời chao cánh trong thương nhớ
Tang bồng gánh nặng, gánh nhẹ tênh
Đủ để hiểu rằng tôi tự do, lòng bông ra làm sao!

Tôi có vài lần nhận được lời thăm hỏi của “cô bé áo xanh” và một số giống hoa lay ơn, thực được gửi để tôi trồng vào vườn hoa của đại đội. Đại đội tôi có vườn hoa đủ loại, đủ nơi gửi về, hoa lúc nào cũng nở rộ, rực rỡ màu. Tôi và út Hải là hai thằng có công lao chăm bẵm vườn hoa này nhất. Giữa vùng núi đất cằn cỗi ở khu E, có được vườn hoa thế này là cả một sự cố gắng ghê gớm. Đi trực, đi bay về, anh em đều ngồi quanh vườn bàn bạc, không khí cũng dịu đi rất nhiều.

Vào giữa năm 1971, một buổi tối, anh Nhị hỏi tôi: “Quan hệ của mày với con Yên ra sao rồi?” Tôi không biết trả lời sao cả. Đã có lần Tám Soát cũng hỏi tôi câu tương tự như vậy. Rồi cả Thiều cũng thế. Nhưng mà đến thời điểm ấy thì tôi đã... gì đâu! Tôi băn khoăn vô cùng. Trong Nhật ký của tôi, tôi đã ghi... “Em là bấy sắc cầu vồng rực rỡ lung linh trong ráng chiều mưa đổ mà anh đi hoài không tới. Em là con chim đẹp mà chắc không đậu nơi vai anh! Em là cả một cái gì lớn lao mà anh chưa mừng tượng nổi. Anh có được hưởng cả một trời yêu thương trọn vẹn của em? Em có biết lòng anh đã từng có thời kỳ tan vụn ra từng mảnh và ngấm đầy chua xót? Em có biết vì đây mà tính tình anh thay đổi thất thường? Anh có lúc nghĩ về em và có lúc lại không dám nghĩ. Bởi trong chiến tranh biết bao điều sẽ xảy ra. Rồi một mai anh đi và không trở về, hoặc không còn nguyên vẹn như ngày nay thì tội cho em. Anh chưa hiểu hết được em cũng như em chưa

hiểu hết được anh. Gần đấy mà thật xa đấy...” Tôi chỉ muốn trong cuộc chiến tranh đầy rẫy ác liệt, cam go, mất mát, đau thương này tôi chỉ có một thân một mình vào trận. Bố mẹ tôi còn khoẻ, nền kinh tế gia đình cũng chưa đến nỗi nào quá khó khăn. Lỡ tôi có ngã xuống trong trận không chiến nào đó cũng chẳng có gì thật ghê gớm. Đèo bòng thêm một “rơ moóc” nào là thêm bao phức tạp, phiền toái xảy ra. Về lý thuyết mà nói thì đúng như thế. Nhưng đời này, như Gót nói: “Mọi lý thuyết đều màu xám”, thực tế diễn ra khác lắm.

Sau khi tôi bị nhảy dù khẩn cấp trong chiến đấu, đơn vị cho tôi đi nghỉ mấy ngày ở Yên Lạc. Tôi nghĩ rất nhiều về chuyện riêng tư của tôi và tôi quyết định ngược núi một chuyến. Tôi đạp xe đến chân suối. Từ đó lên là phải dắt bộ hơn chục cây số nữa. Trời nắng chan hoà... Gió rừng ào ạt thổi... Hương rừng ngào ngạt đưa... Tâm trạng tôi xáo trộn, rồi bời không thể nào sắp xếp ý nghĩ cho có hệ thống được. Thôi thì mặc, đến đâu thì đến, khi giáp mặt hăng hay. Phải nói rằng con gái ở tuổi dậy thì chẳng khác gì bông hoa bồng nở. Mấy năm trời không gặp, giờ Yên như một người hoàn toàn khác, lạ như không phải “cô bé áo xanh” đứng quay tóc năm nào nữa. Ra dáng lắm rồi. Tôi ở khoảng một tiếng đồng hồ với mọi thứ chuyện lan man, không chủ đề nào cố định, rồi tôi xin phép gia đình lại xuôi dốc. Em chặt cành cây cho tôi buộc sau xe. Mọi xe đạp khi xuống dốc đều phải buộc thêm một cành cây to đằng sau (ngoài phanh xe) để tăng thêm ma sát, đảm bảo an toàn. Thực chẳng khác gì ngựa của quân Trương Phi ở cầu Trảng Bàng trong chuyện Tam Quốc. Cây sau xe kéo cúi rần rạt bụi mù đường. Có lẽ đây cũng là một trong những đặc điểm của xứ dốc Tam Đảo. Về đơn vị, tôi viết thư cho em, chúng tôi “chuyển gam” xưng hô anh, em tự nhiên từ xưa tới giờ vẫn xưng hô như vậy. Tôi nghĩ về em nhiều hơn. Một cái gì đó đã nhen nhóm mỏng manh, nhưng bám bền chặt qua từng ngày từng ngày... Tôi vẫn lẫn lộn với các chuyến xuất kích với các trận không chiến, với các sân bay cơ động. Tôi ít viết cho em, nhưng lại nghĩ về em thường xuyên hơn. Lạ thật! Người dung nước lã, mỗi đứa mỗi phương trời, người dưới đồng bằng, người tí trên đỉnh núi... Gặp gỡ nhau như thế rồi sao ý nghĩ luôn cứ vẫn vơ về nhau... Tôi rất e ngại, rồi có ai hiểu được ai không!

Em là ngọn gió ban chiều
Còn tôi là một cánh diều đứt dây
Bực, buồn, buồn bĩnh đảo quay
Liệu em chính được hướng bay cho thuận?

Nghĩ ngợi miên man, tôi lại chột giật mình, nhớ đặt vấn đề, em không chấp nhận thì sao?

Những ngày cuối chiến tranh, giữa lúc ác liệt nhất thì em có xuống trung đoàn tôi. Tôi lại cơ động về trực ở Gia Lâm nên chẳng gặp nhau. Tôi nhận được thư tay của Vũ Xuân Thiều gửi cho tôi với những dòng ngắn ngủi: “Hiệp sĩ thân! Có lẽ Huy đã biết tin Y đến đây từ 10-13.12. Thiều và Soát có đến gặp Y ở K.12 hôm 12.12. Thật tiếc vì đến muộn quá nên không giúp gì cho Y được. Y và Huy không gặp nhau trong dịp này. Nếu không bận hôm nay đi đưa ông cụ về Tam Đảo thì có lẽ tụi mình vận động nôi Y đến Gia Lâm đấy. Rất rõ ràng Y hy vọng gặp Huy ở đây và muốn đến thăm Huy lắm nhưng còn rất ngại nên chưa dám đi thôi...”

Thiều viết, gửi cho tôi được mấy ngày thì Thiều hy sinh khi đi đánh B52 (mà tôi đã kể ở những trang trước). Chắc hẳn đấy là những dòng cuối cùng của đời một phi công anh hùng. Tôi cứ đọc đi đọc lại những bức thư nhòa trong nước mắt. Tôi mất một người bạn trong những ngày chiến tranh sắp kết thúc. Tôi có được một người bạn đời tìm đến với tôi lúc chiến tranh tàn phá khốc liệt nhất, lúc chúng tôi gặp nhiều gian nan nhất. Hạnh phúc, mát mát, niềm vui, thương đau giữa chiến tranh, mọi thứ diễn ra như hư ảo, thoát hợp, thoát tan... quay cuồng đến chóng mặt! Người dám yêu chúng tôi trong khói lửa đạn bom này phải là người có gan vàng, dạ sắt. Thật thực sự quý trọng. Tôi trần trở mãi, và tình cảm của tôi gửi trọn vào bài “Mòng mọt! Em ơi! Đừng so thêm nữa!”.
Bữa cổ đầu năm
Em ngồi vào mâm
Lẳng lẳng so thêm đôi đũa
Ngóng nhìn ra cửa
Tiếng bước chân đâu cũng ngỡ anh về
Em chạy ra hè

Mắt đăm đăm ngó phương trời xa với
Năm nào cũng đợi
Năm nào cũng trông,
Mà không!
Em ơi đừng khóc nữa!
Anh hẹn em xuân mai
Khi đào nở tươi
Anh sẽ về cùng xuân đoàn tụ
Anh sẽ về trong yêu thương ấp ủ
Anh sẽ về, mãi chẳng cách xa
Xuân năm nay
Thêm năm nữa xa nhà
Thêm năm nữa, miền Nam đổ máu
Thêm năm nữa anh còn chiến đấu
Thêm năm nữa
Em còn so thêm đũa đợi chờ
Em ơi! Tin yêu anh cứ đợi
Năm sau sẽ tàn lửa khói
Năm ấy cổ mừng xuân mới
Vẫn có anh cầm đôi đũa em so
Nâng lên
 Như nâng trái cam mới bói đầu mùa
Nâng lên
 Như nâng tay em ngày cưới
Nhớ không em
 Ngày ấy- cũng mùa xuân!

Sau này, năm nào đoàn bay nhập ngũ năm 1965 của chúng tôi cũng đều tổ chức gặp nhau, ít nhất là một lần trong năm với tất cả các gia đình, vợ chồng, con cái... Lại ôn lại những tháng năm qua, nhớ đến những người bạn đã vĩnh viễn nằm lại ở khắp các phương trời của chiến tranh... Các anh, các chị gặp nhau, các cháu gặp nhau, quen thân nhau như trong một đại gia đình. Tôi cho rằng truyền thống ấy phải giữ, quý lắm chứ!

Năm chiến tranh kết thúc cũng là năm tôi chính thức đặt vấn đề với cả hai gia đình về chuyện yêu đương của tôi. Bố mẹ tôi thì không có ý kiến gì, để tự tôi quyết định vì tôi cũng không còn bé bỏng gì nữa, chỉ thương vì xa xôi quá, sẽ vất vả về sau này. “Gần thì chẳng bén duyên cho. Xa xôi cách mấy lần dò cũng đi!” Duyên số vậy rồi, biết làm sao được! Năm trước đó, bố mẹ tôi ở nhà cũng có nhăm nhe cho tôi một cô bé cùng thôn, ở xóm trên xóm tôi, nhưng tôi khăng khăng chối từ, mang tiếng cùng làng, nhưng suốt từ thời cùng sinh hoạt đội với nhau tới tận bây giờ, tôi đâu có gặp lấy một lần, đến khuôn mặt cũng chẳng nhớ, chẳng mừng tượng được ra thì nói gì đến yêu với đương!

Khi đặt vấn đề với gia đình “cô bé áo xanh” thì tôi được bà mẹ và bà chị “thuyết giáo” cho tôi một bài tràng giang đại hải về động cơ yêu đương, trách nhiệm trong tình yêu... Tôi ngồi sốt ruột lắm nhưng không biết làm thế nào. Hồi ấy chúng tôi đâu có được dắt tay nhau đi như thanh niên bây giờ. Tôi ngồi một bên bàn, người yêu tôi ngồi một bên bàn. Đầu bàn thì mẹ ngồi tèm trầu, thùng thảng tuyên bố như Bao Thanh Thiên trên công đường: “Các con cứ nói chuyện với nhau đi!”. Tôi trộm nghĩ có lẽ “đến cụ tôi cũng chẳng dám nói gì...”. Tâm sự với nhau mà luôn có mặt thẩm phán ở cạnh thì chỉ có mà sinh sự! Tôi ngược nhìn người yêu tôi. Cô bé cúi gầm mặt xuống. Tôi lùa chân dưới gầm bàn khoắng chân sang bên kia một cái, rồi xin: “Giải tán biên đội”. Thế là một lần nữa, mối tình của tôi lại chỉ diễn ra trên các bức thư viết và viết- gửi và gửi. Đã có lần tôi chuyển cả một bức thư bằng đường điện báo. Máy cô ở bưu điện nhận điện chuyển rồi mắt cứ trợn ngược lên hết. Khiếp quá, có lẽ tôi là thẳng khách hàng đầu tiên làm cái trò này từ thuở có bưu điện tới giờ thì phải, nên các cô coi tôi như người ở hành tinh khác lạ đến. Cuối đường dây nhận điện xong cũng xôn xao, không ngờ lại có bức thư tình chuyển ngang nhiên trên mạng báo như vậy. Ấu cũng là một sự kiện!

Những năm ấy tôi đã làm gì có xe máy. Số lượng “bình bịch” ở nước mình cũng rất ít, chỉ có cán bộ to mới có thôi, chiếc xe đạp “Vĩnh cửu” theo tôi suốt các chặng đường bộ. Chuyển đi nổi tiếng của tôi mà tới giờ anh em cùng lứa vẫn nhắc là chuyển tôi đưa người yêu về thăm quê, ra mắt bố mẹ

tôi. Tôi được nghỉ 3 ngày. Gian lận tổ chức được nửa ngày hôm trước vị chi là 3 ngày rưỡi. Cơm nước buổi trưa xong, tôi rời trung đoàn đạp xe ngược dốc. Lần nào cũng vậy, chỉ mắt mờ, mắt lợi cổ sức đạp đến trạm công an ở chân suối thôi, từ đấy lên nhà là phải đẩy bộ. Đi người không lên dốc đã thấy mệt, đẩy thêm chiếc xe đạp với quãng đường mười mấy cây số thì đúng là cả một vấn đề. Giả dụ như không có “động cơ đốt tim” thì chẳng thể đi lại liên tục thế được. Tôi lên đến nhà thì đã tối mịt, cơm nước qua loa rồi đặt vấn đề với bà mẹ và chị (vì ông bố mất mấy năm trước rồi). Gia đình đồng ý. Vậy là gói ghém đồ đạc quần áo, quà cáp... lịch kịch cả. Người yêu tôi bấy giờ chưa biết đi xe đạp (bước chân ra khỏi nhà là dốc rồi, tập vào lúc nào và tập ở đâu được!). Đó mới là nỗi cực cho tôi và cho nàng. Vì kiểu gì tôi cũng phải gò lưng đạp, tê chân mấy nàng cũng vẫn phải ngồi! Chiếc xe đạp của tôi thật chẳng khác gì con lạc đà. Trên ghi đông thì treo một bi đông nước chè, một gói cơm nắm, một túi đựng gương lược của cô em. Rồi đến tôi là bộ tải chủ lực độc nhất. Rồi đến người yêu. Buộc kèm theo xe gồm mấy túi du lịch đựng: một yếm bột đao, mấy chai mật ong, mấy chục quả cam, quýt... là những thứ ở vườn nhà tặng gia, túi đựng quần áo của tôi, của người yêu tôi, túi đựng bánh kẹo, đường sữa., của tôi đem về làm quà.. Những túi ấy buộc chặt cao đến ngang vai người ngồi sau. Chặt cạnh cây buộc sau xe nữa thế là hai chúng tôi xuống núi bon bon về đồng bằng. Người yêu tôi bấy giờ 55kg, cộng thêm các thứ kia nữa thì tôi cứ bỏ tròn cho là bảy chục ký. Từ Tam Đảo về đến quê tôi nhẹ nhàng cũng hơn trăm cây số. Một người “chết” cũng phải đạp, một người “ôm” cũng phải ngồi! Không thể thay nhau được! Chúng tôi tha nhau đi để nối chặng đường giữa hai quê như thế đấy. Quả đúng là chuyện nàng hỏi mệt hay không thì vội trả lời là “phình phồng”. Thật khi mệt đứt hơi, ù cả hai tai thì chẳng còn thấy gì là thi vị! Những cứ mong mình biến thành lạc đà chắc lai thỏ sẽ nhẹ nhõm hơn, mà lại đỡ phải uống nước dọc đường! Nhưng có lẽ khổ nhất lại là người ngồi ở đằng sau cơ. Không cựa quậy, vịn vịn gì được. Ôm eo người đằng trước thì không dám vì ngược. Mà giả dụ lúc ấy có đụng vào eo tôi thì chắc tôi đổ kênh ra mất vì tôi có “máu buồn”, thở đã chẳng xong lại giật thót người lên... cầm bằng đồ xe nằm ăn vạ là cái chắc!

Chúng tôi về đến quê thì trời nhá nhem tối. Dắt xe vào sân nhà mà chân tôi bị “chuột rút”, mãi mới khỏi. Gặp gỡ gia đình, hàn huyên mọi chuyện xong. Sớm hôm sau chúng tôi lại rời quê, ngược núi! Trên ghi đồng xe vẫn số lượng và “chất lượng” túi như vậy. Đằng sau thì được thay bằng “khoai tây, gạo nếp, đỗ xanh... của nhà trồng, ước chừng cũng 15kg! Có nghĩa là trọng lượng chuyến đi- về như nhau. Chúng tôi lách thếch về đến chân núi thì đã chiều tà. Cơ cực nhất bây giờ mới là chuyện đẩy xe lên dốc. Không thể bỏ bất kỳ một thứ gì ở trên xe lại được. Mà cái trò mệt rồi thì đến cái cú áo cũng thấy nặng. Chiều về, sương xuống, gió núi thốc ào ào, lạnh ra trò mà mồ hôi tôi vẫn cứ chảy ròng ròng. Nhắm tính phần đầu vượt cứ từng khuynh rẽ một. Núi cao mây che lấp khu nhà ở, chẳng nhìn thấy đâu. Đường núi thì heo hút có độ 2 đưa chúng tôi đẩy xe. Tiếng cú rúc trong lòng núi vang vọng rất xa, nghe ớn lạnh. Núi rừng tĩnh mịch. Nghe hơi thở của mình cứ như nôi súp de của đầu tàu hỏa phì hơi ấy. Có lẽ phải gần nửa đêm chúng tôi mới đẩy được xe lên nhà. Đúng là tình yêu nó lôi kéo, cuốn hút như có ma lực! Không yêu nhau chắc khó lòng mà thúc được tôi đi trong đêm hôm đẩy xe trên đường dốc như vậy.

Sáng hôm sau thì tôi lại lên đường, trôi dốc rồi đạp xe về trung đoàn, để đêm hôm ấy đi trực chỉ huy ngoài sân bay luôn. Nằm ở nhà trực bấy giờ mới thấy ê ẩm, chân tay rã rời, không muốn nhúc nhích tí nào hết. Cảm tưởng như người mượn: chân tay cứ như của ai lắp vào chứ không phải chân tay mình... Cũng là sự thử thách của tình yêu “tam tứ núi cũng trèo, ngũ lục sông cũng lội, thất bát đèo cũng qua” cơ mà. Anh em biết chuyện, lè lưỡi lắc đầu hết. Không ai có thể nghĩ được rằng trong thời gian ngắn thế mà tôi lại đi được như vậy.

Đêm hôm ấy ở trong hầm xảy ra một chuyện mới ghê: tôi, các anh Trần Văn Năm, Trần Sang và Phạm Phú Thái ở cùng hầm. Khi đặt lưng xuống là tôi chìm vào giấc ngủ ngay, không biết trời đất gì nữa. Rồi tiếng ngáy vang lên ngay tấp lự. Các đêm thì chỉ mỗi anh Trần Sang là ngáy thôi, nhưng về cường độ và biên độ không đến nỗi nào. Lần này thì khác... Chúng tôi có cái tật là cứ ai ngáy thì người thức sẽ vơ dế, giầy... hoặc bất cứ cái gì có thể ném được là ném luôn vào chỗ có tiếng ngáy ấy. Hôm đó,

anh Trần Sang bị oan, bị ném nhiều thứ vào chỗ anh ấy quá, cuối cùng thì anh ấy chui sang nằm với anh Trần Văn Năm để tránh tai họa. Anh Thái thì bực lắm vì giày dép ném hết rồi mà tiếng ngáy vẫn không dứt. Anh hét lên:

- Cái lão Sang này ! Còn khẩu súng ngắn đây, tôi liều với lão một phen, quăng ngay bây giờ đây!

Anh Sang sợ quá kêu lên:

- Ê ! Ê ! Thằng này đang nằm cùng giường với Năm "đen" đấy nhá ! Oan thằng này đấy nhá!

- Vậy là cái thằng cha vừa trôi dốc về à? Có bao giờ thấy nó ngáy đầu mà hôm nay lại "xê gổ" ghê thế?

Và các lão ấy tính lại quãng đường tôi đi trong mấy ngày vừa rồi. Không biết các lão ấy tính chi li đến mức nào mà công bố là trong những ngày ấy tôi đã vượt 333 cây số. Rồi sau này dun dủi thế nào mà tôi và anh Trần Văn Năm lại trở thành thông gia với nhau mới lạ. Một lần, khi đang uống rượu (chúng tôi hay tổ chức ngồi với nhau gọi là ăn tươi kiêu liên hoan của bộ đội), anh hứng chí hỏi mấy đứa trẻ nhà tôi :

- Bố các cháu có rất nhiều biệt danh, trong đó có cái biệt danh là 333, có đứa nào biết thế là gì không ?

- Chắc là bố cháu hay uống bia 33 chứ gì?

- Vút! Hồi đó làm gì có bia lon, bia chai "33" với "rùa rùa" gì. Chuyện này nó không liên quan gì đến bia hết!

Và anh ấy thuật lại chuyện cái đêm hôm xảy ra trong hầm và cách tính của các anh ấy về chuyến đi của tôi làm lũ trẻ cứ "lác mắt", lè lưỡi. Ngay đến bây giờ cho chúng đi bằng xe máy với cái chặng đường ấy, chúng nó cũng "choăn" chứ nói gì đến xe đạp! Chúng cứ hết nhìn tôi lại nhìn sang cô sơn nữ (bây giờ đã lên chức bà nội). Tôi thì không nói gì, còn "bà" sơn nữ thì đùng đĩnh:

- Thế mới là tình yêu chứ!

Sau những ngày rong ruổi trên đường ấy, tôi bỗng nảy ra ý định thi thoảng sẽ giở ra cái trò "lưu manh trên không" một tí. Ấy là những chuyến bay sau khi ở không vực về hoặc sau khi bay nhiệm vụ về, thấy có cơ hội là tôi "lỉnh" ngay ra phía Vĩnh Yên, bay ở độ cao thật thấp để tránh bị ra-đa phát hiện rồi tăng tốc độ "rẹt" ngược núi, bay qua khu nhà nàg sơn nữ, tăng lực, kéo vọt lên, khoan mấy chiếc rồi lủi thấp, nhanh chóng về hạ cánh, coi như không có chuyện gì xảy ra. Trò này tôi đến đi diễn lại cũng khá nhiều lần, may mà không để xảy ra vụ nào mất an toàn và cũng chẳng ai phát hiện ra (trừ một vài anh cùng biên đội, nhưng các anh ấy chẳng tố cáo) nên mọi chuyện đều yên ổn cả.

Với đoàn bay của tôi, mấy chục anh như vậy nhưng anh nào cũng được vẽ "phác thảo" chân dung bằng 4 đến 6 câu thơ, lúc gặp nhau, anh dẫn chương trình xướng từng đoạn "phác thảo" lên, phải anh nào thấy đấy là mình thì tự giác mà đứng dậy trong tiếng cười hể hả của tất cả mọi người xung quanh. Tôi cũng được "vẽ phác thảo" như sau :

Xứng danh "thi sĩ" của Đoàn

Vận may cũng lắm, gian nan cũng nhiều

Hà Tây quê lụa chẳng yêu

Tít mù Tam Đảo vẫn trèo như bay !.

Năm 1974 tôi đi học ở Học viện Quân sự Gagarin (Liên Xô), hai gia đình chưa thống nhất chuyện cưới xin nên hoãn lại. Suốt mấy năm học (từ năm 1974 đến năm 1976) tôi rất ít nhận được thư của người yêu gửi sang, mặc dù tuần nào dù bận đến đâu tôi cũng viết về một lần. Có lúc tôi đã nghĩ có lẽ lần này rồi mình cũng phải gặp "trục trặc". Đường tình duyên chắc còn lận đận nữa, chưa thôi! Biết làm thế nào khi mình ở xa hàng ngàn vạn cây số, tình cảm bộc lộ lại chỉ được trên trang giấy, nói làm sao cho đủ, cho hết được. Thôi đành "nếu phải duyên nhau thì thăm lại" bằng không thì cũng chịu chứ biết làm sao. Thực ra thời gian ấy có một số "nhân vật" chuyên thủ tiêu thư của tôi, không cho người yêu tôi nhận những thư ấy, cốt để tôi hiểu lầm. Nhưng rồi mọi chuyện cũng được làm sáng tỏ.

Năm 1976 chúng tôi nghỉ hè, được về nước, gia đình giục giã tôi chuyện cưới xin ghê quá. Lứa tuổi tôi ở quê, chúng nó con bông, con mang,

lên chức bố hết cả rồi, chỉ mỗi tôi là còn lông bông, lang bang, nên bố mẹ tôi lo lắm. Hơn nữa, tôi có lập gia đình thì mấy đứa em sau tôi mới tính đến chuyện cưới hỏi cho chúng được. Tôi nói với bố mẹ tôi là cứ để cho bọn chúng, đứa nào có điều kiện thì tổ chức trước đi, nhưng bố tôi bảo “kim chỉ có đầu con ạ!” Vậy là tôi chẳng còn cách nào để “thoái thác nhiệm vụ” nữa. Lại một mình đạp xe ngược dốc, đặt vấn đề với gia đình người yêu tôi. Rồi lại xuôi để truyền đạt ý kiến. Lại ngược để phúc đáp. Tôi như con thoi hết lên núi lại xuôi đồng bằng, rồi rít tít mù cả lên. Trời thì nắng như thiêu như đốt, tôi mệt đến bả hơi.” Tôi lấy vợ đúng là “Vợ lấy tội”. Có bao nhiêu tuổi dọc đường lên núi là tôi uống bấy nhiêu, chẳng sợ vắt nước, đĩa núi, vì trùng, vì triếc gì hết. Cứ “nhập” đã, còn đâu- tính sau! Cái nắng, cái khát ở đường dốc quả là dễ sợ! Chiếc xe đạp thực đúng là người bạn trung thành của tôi. Từng ấy chuyến đi mà không hề “làm mình- làm mẩy” một tí nào. Suốt từ khi làm quen, tới khi bàn chuyện cưới xin, tôi chỉ một thân một mình diễn các vai ông mối, chú rể, đại sứ lưu động cho cả hai gia đình. Ngẫm cái mệnh “óc thượng thổ” của tôi (là đất trên nóc nhà) chơ vợ, tự thân lập thân thật chẳng sai. Ngày đặt lễ ăn hỏi, cũng mỗi tôi đưa đồ lễ: trầu, cau... lên. Tôi còn kiếm thêm cả khúc vỏ trầu to gộc kèm theo. Bà mẹ vợ tương lai của tôi cười bảo: chưa thấy ai sắm giàu vỏ thế này. Tôi liền thưa: Con vẫn nghe có câu “Trầu không rẻ (vỏ) như rẻ nằm nhà ngoài ạ”. Cả nhà cười vui lắm.

Ngày chúng tôi đi đăng ký trên thị trấn Tam Đảo thì gặp bác Phạm Văn Đồng. Bác đứng nói chuyện với chúng tôi, tôi thưa chuyện và mời Bác ngày tới dự đám cưới của tôi. Bác chúc chúng tôi hạnh phúc và tiếc là không dự được vì hôm sau Bác phải xuôi Hà Nội rồi.

Ký vào tờ “Giấy giá thú”, tôi hồi hộp lắm. Sau khi ký xong thì tôi không còn là tôi như trước đây nữa. Không thể lông bông vì đã có “rợ buộc chân”. Trách nhiệm nặng hơn lên nhiều. Nào bên nội, nào bên ngoại, nào các anh, các chị, các em... ứng xử, ăn ở sao cho phải đạo. Rồi cuộc sống riêng tư thế nào... Nhiều vấn đề lắm chứ, đâu phải đám cưới búp bê của lũ trẻ con chơi đồ chơi, chỉ có rặt tiếng cười.

Giáp ngày cưới của tôi thì bố tôi, bác tôi với mấy đứa em mới lên được. Khổ cho mấy đứa em, ở nhà thì hăng hái đi, dọc đường lên núi thì hỏi, thấy cái gì cũng lạ, cũng háo hức vì lần đầu tiên đi núi. Đến nửa chừng dốc thì chân dúi lại, không bước nổi, nằm lăn ra đường kêu: “Nếu bây giờ mưa thì cũng để mặc cho trôi chứ không đủ sức dậy nữa”.

Ngày tôi cưới là ngày mưa khá to, mưa mãi gần tối mới tạnh, vài tiếng sau lại mưa! Đến cả trời tình cảm cũng ướt át thế chứ nói gì riêng tôi.

Sang hôm sau thì cả đoàn lại rồing rần bằng xe đạp về quê tôi để làm lễ ra mắt họ hàng. Khách khứa, họ hàng đông đến mức vợ tôi phát hoảng. Bà con chúc tụng, mừng lắm vì cứ nghĩ rằng tôi ế vợ. Ba chục tuổi đầu rồi chứ còn trẻ trung gì nữa.



Người đồng đội, bạn đời của tôi: Nguyễn Thị Hồng Yên

Ở nhà mấy ngày, tôi lại đưa vợ tôi về núi. Rồi thời gian nghỉ hè cũng hết. Tôi lại lên tàu liên vận đi học tiếp. Lại chất nặng thêm nỗi nhớ thương suốt thời gian dài đằng đẳng cả cho người nơi đất khách quê người, cả cho những người ở quê nhà. Những nỗi nhớ thương ấy không thể lấy gì đong đếm được, cũng chẳng sao viết hết ra được. Lòng tôi trĩu nặng suốt những

tháng năm cuối của đời học viện. Mong lắm làm sao thời gian trôi nhanh, mong lắm làm sao chóng kết thúc khoá học, dù biết rằng, với thời gian không thể níu, không thể đẩy được, nhưng vẫn mong.

Rồi ngày về cũng đến. “Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!” Cái ngày cuối của học viện sao mà đặng đặng trong mong chờ. Bỏ lại sau lưng bao nhiêu kỷ niệm êm đềm của một khung trời hoà bình, chúng tôi theo nhịp bánh sắt nghiền trên đường ray trở về quê hương. Những ngày trên tàu là những ngày nhẩm tính cho bao nhiêu dự tính, mà rồi sau này chẳng mấy dự định thành công vì số phận đảo lộn lên hết cả.

Phút gặp gỡ với gia đình, người thân, thật mừng mừng, tủi tủi. Đời tôi chẳng mấy khi được đông người đón hoặc tiễn. Hầu hết là cứ lui thủi đến một mình, rồi lại đi một mình... Tôi nghiệm ra rất nhiều lần rồi, mãi tận sau này, phần lớn cũng vẫn vậy, thật không hiểu ra làm sao cả.

Tôi phải tính đến chuyện đưa vợ tôi xuống núi, để đi học hành, chứ chẳng lẽ suốt đời cứ ca bài ca “son nữ ời” thì cũng gay lắm. Sư đoàn mở một lớp học y tá, tôi đã làm thủ tục cho vợ tôi vào lớp. Ngày lên đón vợ tôi đi học là ngày căng thẳng vô cùng. Nhạc mẫu “tuyên chiến” với bọn tôi, cho rằng bỏ mặc mình bà trên núi rồi sống chết ra sao không đứa nào cần biết. Đêm bà nằm chửi (tất nhiên là chửi vợ tôi thôi, nhưng tôi cũng ở đấy thì thành ra nghe chung còn gì). Ngày bà nằm rên, bỏ ăn uống. Tôi chán cũng chẳng muốn ăn, lòng buồn như châu cấn. Bọn tôi quyết định vẫn phải “hành động theo kế hoạch”. Khổ nhất là đi lấy củi, chuẩn bị “cơ sở” càng nhiều càng tốt để ở nhà nhạc mẫu không thiếu cái đun. Trời thì mưa, đường mòn vào núi lại trơn. Lúc còn khoẻ thì xuống dốc, chặt được củi rồi, sức đã yếu lại phải vác lên dốc. Vậy là mồm mũi tranh nhau thở. Tôi lẳng lặng chẳng nói câu nào, về vớt củi xuống, uống vội hớp nước, lại đi luôn. Sau rồi, thấy bọn tôi “làm căng”, nhạc mẫu tôi cũng phải dậy nấu nướng, ăn uống. Thế là... tôi đưa được vợ tôi xuống núi, đi học, trở thành người của sư đoàn. Cũng năm ấy là năm tôi lại ngược biên giới phía Bắc nhận nhiệm vụ đặc biệt. Lại để lại sự thấp thỏm, lo âu cho bao người. Bố tôi thì suốt ngày đêm nghe đài, hy vọng có thấy tí tin gì về tôi hay không. Vợ tôi thì ngóng ra sư đoàn xem tôi có nhẩn nha tí nào qua điện cơ yếu. Tôi thì mất hút hàng

tháng giời nơi biên giới mù mịt sương, sống chết chẳng biết thế nào. Những ngày căng thẳng ấy, đúng là tôi không có thời gian để nghĩ chuyện riêng tư, ngày thì khoác súng, chạy lui cùi khắp nơi, đêm cũng phải chia nhau canh gác, pháo bắn chẳng theo quy luật nào hết, rồi bọ chó, rệp, mạt gà... thi nhau đốt. Xoay sở với từng ấy thứ đã đủ ốm rồi, còn đâu sức để nghĩ đến các chuyện khác. Tôi trở lại trung đoàn ở Kép sau khi mọi chuyện tương đối yên ổn. Vài ngày sau thì vợ tôi theo xe của trung đoàn về thăm tôi. Những ngày ấy là những ngày nắng nóng khủng khiếp. Những ai đã trải qua những ngày tháng chiến tranh thì mới thấy thật quý những ngày thanh bình. Tôi giành hết tình thương cho vợ. Đứa con đầu lòng của tôi được hình thành trong giai đoạn này. Tôi nói với vợ tôi rằng, sau này tôi rất muốn đặt tên con là Năng, dù nó là trai hay gái để ghi nhận lại những ngày nắng ghê gớm ở vùng đồi cằn khô xứ Kép, mà ở đó đã xuất hiện mầm mống sự sống của một sinh linh bé nhỏ, nay mai sẽ ra đời.

Trung đoàn Không quân 931 được thành lập, tôi lại về Yên Bái. Lại cách xa! Thật khổ cho vợ tôi: từ ngày quen nhau, yêu nhau cho tới giờ luôn luôn phải sống trong sự xa cách, chờ đợi, một thân một mình tự lo liệu, xoay sở giữa cuộc sống bộn bề gian khó. Còn cách ngày sinh gần chừng một tháng thì tôi đưa vợ tôi về quê nội, nhân chuyến về họp quân chính ở sư đoàn. Hy vọng là gia đình, bà con cô bác tôi sẽ chăm lo vợ tôi những ngày sinh nở. Khoảng một tháng sau thì vợ tôi sinh. Một cậu con trai nặng 3,3kg! Đời lính bay bọn tôi đến thời điểm đó hầu như rất ít người sinh được con trai, nên có được con trai là cả một sự kiện. Hồi mang thai, thời gian “nghén” của vợ tôi kéo dài suốt từ lúc có thai cho đến tận lúc sinh con, ngủ mùi thức ăn nào cũng sợ, hầu như chỉ nhai lá nhãn bánh tẻ gói với mấy hạt muối. Tôi thường đùa rằng: cứ đà này thì đến đẻ ra loài bò mất thôi! Vậy mà “một chú lính con” đã xuất hiện. Tôi mừng lắm. Nhìn miệng cu con bé như cái vẩy ốc, chớp chớp khi tôi quét tí mật ong cho cu cậu mà tôi ngập tràn hạnh phúc. Tôi đã làm bố! Niềm vui lớn và trách nhiệm cũng lớn theo! Vợ tôi sau khi sinh nở yếu lắm vì mất máu nhiều. Kinh tế thời buổi ấy lại khó khăn. Tôi thì vừa chưa có kinh nghiệm chăm người đẻ, lại vừa ở xa. Đưa vợ con về khu gia đình của Sư đoàn xong, tôi lại đi biên biệt. Vợ tôi

nuôi con một mình, gặp đủ mọi khó khăn, vất vả, nhưng vẫn cắn răng chịu đựng, càng về sau này, càng va vấp với cuộc sống đời thường thì tôi càng thương vợ tôi nhiều hơn.

Trước ngày tốt nghiệp Học viện, có lần tôi ngồi tranh luận với mấy bà mẹ Nga về cách tổ chức sinh nhật. Nếu ai đó sinh vào ngày 29/2 thì 4 năm mới tổ chức một lần hay sao (vì chỉ năm nhuận thì tháng 2 mới có ngày 29). Rồi tuổi tính nghĩa vụ quân sự thế nào.v.v... Mấy bà mẹ nói rằng chưa hề thấy ai sinh vào ngày ấy nên cũng không hiểu cách xử lý ra làm sao? Lại lòng là trường hợp tôi từng thắc mắc lại rơi đúng vào con tôi: cu cậu sinh ngày 29/02/1980, lúc khoảng 8h00 sáng (giờ Canh Thìn, ngày Nhâm Thân, tháng Mậu Dần). Tính theo âm lịch thì ngày ấy là ngày 14 tháng Giêng năm Canh Thân. Cũng thật khó xử cho tôi thật. Sau này, vì con thích đi học quá, vợ chồng tôi phải “khai man” cho một giấy khai sinh khác ghi ngày 22/12/1979. Cũng vì vậy mà cứ đến ngày này là bạn bè của cậu đến chúc mừng. Còn riêng trong gia đình thì đúng 4 năm tôi mới tổ chức cho cậu một lần. Vợ tôi đặt tên cho con là Hùng- Nguyễn Phi Hùng. Tôi chấp thuận vì vợ tôi có công mang nặng đẻ đau nên hoàn toàn được quyền đặt tên cho con. Thời buổi bao cấp lúc đó chạy vạy được một loạt giấy tờ: sổ lương thực, thực phẩm, chứng sinh, khai sinh.v.v... là đủ nhọc người. Tôi bù đầu lên mấy ngày mới lo được những thứ đó, về “nộp” cho vợ, rồi lại hỏi hã ngược về Yên Bái với trung đoàn luôn. Mọi nỗi gian nan hầu như vợ tôi phải gánh chịu cả. Cái cảnh nuôi con một mình, chồng ở xa, không có anh em ruột thịt ở gần thì quả là cơ cực. Khổ nhất là những lần con ốm đau, một mình bế con thui thủi cả ngày lẫn đêm ở ngoài bệnh viện, không nhấc nhẹ gì được cho tôi, không nương tựa vào đâu được, con thì khóc chẳng ra hơi, xanh rớt như tàu lá, mẹ cũng chẳng được ăn uống gì, sống trong lo lắng, mất quàng thâm, người rã rời... Tôi thương cảm vô hạn, không thể nào nói ra được. Đã có lần, tôi xin ở lại thêm mấy tiếng đồng hồ vì vợ ốm, con ốm mà không được, lệnh bắt phải về Trung đoàn triển khai nhiệm vụ ngay. Vợ tôi ôm con khóc tiễn tôi đi. Tôi cũng khóc suốt dọc đường, nghĩ đời mình không còn gì cực hơn thế nữa. Những người vợ bộ đội thật chịu thiệt thòi quá lớn, chẳng lấy gì bù đắp lại cho nỗi. Giai đoạn ấy vợ tôi chỉ nặng có 39

kg, người gầy như xác ve. Mỗi lần về sư đoàn họp gặp vợ con là lòng lại tê tái, xót thương đến ứa máu.

Đầu năm 1982, tôi rời khỏi trung đoàn về giữ một chân chủ nhiệm bay ở Sư đoàn. Có lẽ được mấy năm này là tôi được gần gũi, chăm bẵm gia đình hơn cả. Vợ tôi đỡ vất vả hơn. Con đã bi bô gọi bố. Đã có thêm người chơi đùa với con, đỡ dần các việc nặng nhọc trong nhà, vợ tôi mừng lắm.

Rồi theo như quy luật “cho có đàn”, “một chú lính con” thứ hai lại ra đời. Gần nửa đêm, vợ tôi đau dữ dội, tưởng như “vỡ đê” tại trận. Tôi bỏ vào sư đoàn xin xe để đưa ra bệnh viện. Gần sáng, xe đến nơi thì vợ tôi lại nhả nha, như không có chuyện gì cả. Tôi vẫn phải đưa ra viện cho yên tâm. Suốt cho tới tận trưa rồi gần chiều hôm sau, chẳng thấy động tĩnh gì, tất cả vẫn “án binh bất động”. Cái đứa bé này định dở chứng, quậy phá, làm mình-làm mẩy gì nữa đây không biết. Tôi theo lời dặn của những người lớn tuổi, về nấu cháo vùng cho vợ tôi, để ăn cho dễ ễ. Cháo nấu xong tôi gửi con rồi đem ra thì cũng vừa lúc thấy nhạc mẫu của tôi bế một đứa bé đỏ hỏn từ phòng sản lên, cười nói rằng “con trai mày ạ”. Thôi, con nào thì con, cứ “mẹ tròn con vuông” là mừng rồi, chứ cảnh chờ “người vượt cạn” mãi thế này, tôi sợ lắm!

Tôi bế vợ tôi từ bàn đẻ xuống mà thấy vợ tôi bầy như con cua lột xác. Để cho một giống nòi tồn tại được thì cũng biết bao sự thăng trầm, gian nan. Tôi tự thấu hiểu thêm được rất nhiều điều. Cu cậu thứ hai ra đời vào lúc 4h chiều ngày 10/11/1982- giờ Mậu Thân, ngày Đinh Dậu. Tính theo âm lịch thì là ngày 25 tháng 9- tháng Canh Tuất, năm Nhâm Tuất.

Thằng đầu mệnh Mộc, thằng thứ hai mệnh Thủy, tôi mệnh Thổ, vợ tôi mệnh Kim. Kể có một đứa mệnh Hỏa nữa thì gia đình tôi đầy đủ ngũ hành, rồi tha hồ mà tương sinh, mà tương khắc! Thằng anh tên là Hùng, tôi định đặt tên thằng em là Hục! Huy Hùng Hục- tên ba bố con gọi kể cũng vần mà hay ra trò! Đang yếu như thế mà vợ tôi cũng phải bật cười, hỏi thế nếu đẻ thằng nữa thì sẽ đặt tên là gì. Tôi trả lời luôn: là Huých, Hích hoặc Húc gì đó! Sau rồi vợ tôi đặt cho là Hậu- Nguyễn Công Hậu! Đứa đầu ẵm là Phi đứa sau ẵm là Công để làm kỷ niệm cuộc đời phi công của tôi. Dầu sao đây cũng là những dấu ấn khó quên!



Gia đình bé nhỏ cùng các con Nguyễn Phi Hùng, Nguyễn Công Hậu

Hạnh phúc đôi với mỗi người chẳng biết nói thế nào cho tròn trịa. Với tôi, qua bao nhiêu thăng trầm, trôi nổi, tôi thấy mình cũng phải bằng lòng với số phận “nhất âm, nhất trắc, giai do tiền định”- Câu cổ ngôn ấy chừng như hoàn toàn đúng. Không thể mãi như cánh phù du bay tìm những ảo ảnh trong đời thường! Con tàu đi mãi ngoài đại dương rồi cũng phải cập bến! Vùng vẫy mãi trên không trung rồi cũng phải về hạ cánh! Điểm dừng chân, bến đỗ của một đời người vô cùng quan trọng. Cái căn cứ, cái “hạ tầng cơ sở” ấy không vững vàng thì không làm gì cho ra hồn hết. Tôi vô cùng cảm ơn số phận đã cho tôi một mái ấm gia đình. Tôi vững tâm qua bao tháng năm của đoạn đường còn lại của đời mình bởi biết chắc sau lưng mình còn chỗ dựa vững chắc, sóng gió bão giông của cuộc đời bất tôi chìm nổi đến bao nhiêu nữa thì tôi vẫn có bến bờ an toàn, nơi đó, lòng tôi được yên tĩnh, thanh thản. Tôi dám giơ ngực ra hứng chịu mọi thử thách có lẽ cũng chính vì tôi đã có “lá bùa” hạnh phúc gia đình.

Hạnh phúc bao giờ cũng nhỏ bé, mỏng manh, nhưng tôi sẽ phải giữ. Tôi luôn cầu mong cho nó ngày càng được trọn vẹn. Tôi cũng luôn cầu mong cho mọi người, mọi lứa đôi, mọi gia đình trên thế gian này được mãi

nguyện với hạnh phúc riêng tư, luôn sống trong cảnh đầm ấm, sum vầy, yêu nhau nhiều hơn, thương nhau nhiều hơn...

Hạnh phúc riêng tư! Những từ ấy ngân trong tôi như những tiếng chuông chùa giữa chốn linh thiêng. Tôi rũ bỏ mọi bụi bặm chốn trần ai để quỳ xuống, chắp tay, nhắm mắt đưa hồn tôi về nơi tĩnh tại, mông lung không bến bờ của nỗi niềm hạnh phúc, cầu mong nó luôn tồn tại với tôi như đã từng tồn tại.

Thay cho lời kết

Thời gian trôi đi thật là nhanh, lắm lúc còn nhanh hơn là tôi tưởng. Tôi đâm ra hoảng sợ vì không thể níu kéo được nó, trong khi mình còn bao việc phải làm, bao việc còn dang dở cần hoàn thiện. Tôi đã từng viết, viết hồi viết hă, lo sao cho kịp xong. Từ nay đến cuối đời tôi, có thể còn viết bổ sung được thêm nữa, mà cũng có thể không viết thêm được trang nào, bởi phải phụ thuộc vào nhiều thứ: thời gian, công việc và bao ngoại cảnh khác tác động.

Mới thoát đây thôi mà đã mấy chục năm trôi qua. Tôi ngày nào còn bé con, nhem nhuốc với đủ trò nghịch ngợm của tuổi thơ thì giờ đã lên lão. Bạn bè tôi, tôi như còn thấy đủ các gương mặt sạm đen, căng thẳng trong chiến trận, nô nghịch như con trẻ khi cả lũ cùng ngồi với nhau. Giọng của Trần Hoá: “Phải gọi tao là Hai Đỏ nghe tụi bay!”. Sáu Thiên: “Tao méc tía cho coi!”. Rồi tiếng của Phạm Đình Tuân: “A! Thằng Sâm, mặt mày trơ tráo như thế, a xít vậy vào cũng không ăn thua gì, phải gọi mày là thằng Sâm “sành”!”. Tiếng cười ròn rảng của Phạm Thành Nam, tiếng nói rủ rỉ của Bùi Văn Long, những câu đùa hóm hỉnh của Vũ Xuân Thiều... Tất cả như vẫn còn vang ngay ở đâu đây, mới đây thôi... thế mà họ đã trở thành người thiên cổ.

“Cô bé áo xanh” đứng quay tóc, hong tóc ngày nào, giờ đầu đã bạc trắng. Các con tôi hôm nào còn đỏ hỏn, nay đã thành thanh niên lộc ngọc cả...

Thời gian trôi vùn vụt và cuộc sông cuốn hút tất cả vào trong vòng xoáy lốc khủng khiếp của nó. “Bao giờ cho đến ngày xưa”? “Ngày xưa” có biết bao nhiêu là kỷ niệm đến chua xót mà cũng thật dịu êm, ngọt ngào.

Quá khứ không thể mất đi được khi người ta còn nhớ, còn cần đến nó! Cũng không nên bới móc, phán xét nó làm gì! Tôi cần thời gian, cần rất nhiều thời gian. Tôi thấy cần phải bổ sung rất nhiều thứ cho kiến thức của mình. Sự học, nhất là học làm người thì phải học đến hết đời mình vẫn chưa

đủ. Tôi vẫn còn day dứt, chừng như mình chưa truyền lại được hết những gì cần thiết cho các con, nhất là lòng yêu quê hương, đất nước và trách nhiệm đối với làng quê, với non sông này, Tổ quốc này.

Làng quê nhỏ bé, nghèo khó của tôi, tôi đã từng bao ngày nhớ mong đau đáu. Nơi ấy có bố mẹ tôi ngày một già nua, ngày một héo hon. Bao vất vả, cơ cực qua tháng năm hằn lên thành nếp nhăn nhằng nhịt trên mặt bố mẹ, chẳng thể nào xóa mờ đi được. Nơi ấy có những đứa em tôi bé bỏng chật vật, vật lộn với cuộc sống thường nhật. Nơi ấy có bà con họ hàng tôi, mồ mả tổ tiên, dòng họ tôi... Nơi ấy tôi đã sinh ra, đã lớn lên, đã được nuôi cho khôn lớn. Nơi ấy từng là nguồn sức mạnh vô hình tiếp cho tôi trong chiến trận. Nơi ấy con tôi cũng đã sinh ra. Nơi ấy... nơi chôn rau cắt rốn của bao thế hệ gia đình tôi... Làng quê ấy đã trở thành một phần máu thịt của tôi. Dù ở đâu chẳng nữa, nhắm mắt lại là tôi có thể thấy được đường làng, các xóm ngõ, ao chuôm, vườn tược của quê tôi. Tôi càng lớn lên, bước chân đi càng xa thì về gặp quê, thấy làng quê càng nhỏ bé, càng nghèo. Nó trở thành nỗi đau dai dẳng trong tôi. Những cánh đồng làng từng thấm mồ hôi của tôi xưa kia, giờ vẫn cứ cằn khô... Biết bao điều ám ảnh tôi khi nghĩ, khi nhớ về làng quê mà các con tôi có hiểu hết được cho tôi? Tôi rất muốn cùng gia đình nhỏ bé của tôi đi thăm hết lượt các bạn bè tôi đã ngã xuống trong chiến trận, vĩnh viễn nằm lại trong lòng đất ở mọi miền quê, để rồi kể cho các con tôi nghe về cuộc đời ngắn ngủi của họ, để chúng hiểu được rằng có được cuộc sống thanh bình như ngày hôm nay, biết bao nhiêu máu xương của bao thế hệ đã phải đổ xuống, giành giật từng tấc đất, giành giật từng khoảnh khắc thời gian... cho thế hệ mai sau chúng phải biết tự hào về cha ông, phải biết quý những di sản của người xưa để lại, phải biết trân trọng những thành quả có được và phải có trách nhiệm hơn nữa với gia đình, với xã hội và với chính bản thân mình.

Tôi rất muốn lại được một lần đạp xe đạp đi lại "chặng đường lịch sử" của mỗi tình tôi, để lại thấy lại những nỗi vất vả của người vượt dốc với những nỗi hồi hộp, những niềm vui thầm kín, những đam mê của tuổi trẻ, những nỗi buồn miên man vô cớ... để rồi thêm yêu, thêm thương người bạn đời của tôi. Tôi rất muốn gặp lại tất cả bạn bè; tất cả những người đã từng

cưu mang, nuôi cho tôi sống những ngày tháng gian nan vừa qua; tất cả những người tôi quý, tôi thương, tựa như người thân, ruột thịt của tôi... Tôi mang ơn họ rất nhiều! Cả đời tôi, có khi có người chỉ giúp cho tôi đứng một câu nói, mà nhờ câu nói ấy, tôi đứng vững được trước khó khăn, tôi vượt được mọi trở ngại trên đường tôi gặp phải. Tôi làm sao lại không mang ơn được?.

Tôi rất xúc động khi viết những trang này. Cả cuộc đời tôi từng trải qua hiện lên rõ mồn một trước mặt tôi. Trái tim tôi run rẩy, chất đầy ứ, dồn nén bao nhiêu nỗi niềm... đến mức muốn vỡ tung ra. Đoạn đường trước mặt tôi còn ngắn, rất ngắn, mà tôi lại rất yêu cuộc sống này. Muốn gì đi chẳng nữa thì tôi vẫn nghĩ rằng tôi là người hạnh phúc. Bởi tôi đã đi qua lò lửa của hai cuộc chiến tranh mà vẫn trở về nguyên vẹn. Bởi tôi cũng đã từng góp được một chút gì đó có ích cho quê hương, đất nước này. Bởi tôi từng biết yêu thương và từng được yêu thương. Bởi tôi rất mong muốn làm được những gì có ích cho đời, muốn dạy dỗ các con tôi cho đến nơi đến chốn, rồi nhìn thấy chúng phượng trưởng...

Tôi vẫn muốn được như cánh chim, sải rộng cánh chao liệng giữa trời xanh, chẳng muốn dừng một khi tim mình còn đập, máu mình còn chảy.

Cuộc sống dù lặng lẽ hay sôi động cũng luôn chứa chất những điều bất ngờ. Con người ở đó luôn phải vật lộn, đấu tranh giành co, không muốn chấp nhận rất nhiều điều, nhưng quy luật sinh tồn, hợp tan của tạo hoá thì không ai cưỡng lại được.

Rồi sẽ đến lúc tôi nhắm mắt, xuôi tay, già từ cuộc sống này "Lá già thì lá rụng!". Quy luật muôn đời nay vẫn vậy. Tôi sẽ không ân hận khi nghe "điểm danh" đến tên mình, bởi đời tôi cho tới giờ chưa hề làm hại ai và cũng không hổ thẹn khi nghĩ lại quãng đời mình từng trải qua. Tôi luôn giữ và mang theo mọi tình cảm đẹp đẽ, mọi nỗi niềm chan chứa yêu thương với tất cả mọi người. Rồi tôi sẽ lại được bay lượn tự do trong không trung như "tinh cầu bay trong đêm trăng" trong lời hát của cố nhạc sỹ Văn Cao, Tôi tự hào vì những công việc, những cương vị tôi từng được tham gia, vì tôi đã từng cống hiến, từng sống có ích, tôi tự hào vì tôi từng là phi công tiêm kích.

HẾT